SỐ 102 – NGÀY 1-4-1961

BACH KHOA

Trong số này

NGUYỄN - HIẾN - LÊ so sánh ngành xuất bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay * HOÀNG-MINH-TUYNH cuộc chạy đua trong không gian giữa người Mỹ và người Nga * PHẠM-HOÀNG công lý và cường lực * ƯNG-TRÌNH một quan niệm về phương pháp đọc sử * NGUYỄN - HỮU - PHIẾM tìm hiểu người thanh niên * CÔ-LIÊU ngày tận thế của v trùng loại khuẩn cầu * TRẦN - VĂN - KHÊ lối « ca Huế » và lối « nhạc tài tử » * ĐOÀN-THÊM thử tìm hiểu hội họa * BỬU-KẾ từ lăng Sọ đến lăng Ba-Vành * NGUYỄN-VĂN-PHƯƠNG một nhận định về hội họa * VÂN-TRANG mẹ của con mình * MINH-ĐỨC lá thư Alger * TUYẾT - HƯƠNG phấn đấu * CÔ - LIÊU luật làm chủ * VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG trả lời cuộc phỏng vấn về sáng tác * NGUIỄN - NGU - Í Nho học và Tây học * THU-THỦY đàn em quật Bồ.

Nhân dịp

Lễ lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :

★ Rượu mùi **CURACAO "DIC"**

★ Rượu Rhum **CARAVELLE**

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì rượu nhập cảng

* * *

Quí vị thường thức luôn
để thay thế Whisky

EAU DE VIE 40°

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C**

135. Pasteur Saigon. ĐT. 23.916

và có bán tại đó :

- ALCOOL RECTIFIÉ
- ALCOOL DENATURÉ
- RƯỢU THUỐC "Ích. Thọ. Tửu"
- RƯỢU ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

AIR SERVICE

DENIS FRERES agrée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TAT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIỀN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MAY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng (*ex. Paul Blanchy*)

Tél : 21.067 et 21.068

SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập quốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

213 - D TỰ - DO SAIGON

Bao An

BAN SI VA LE MY PHAM :

★ *Elizabeth Arden*

★ *Guerlain*

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon

Toutes Opérations de Banque et de Change.

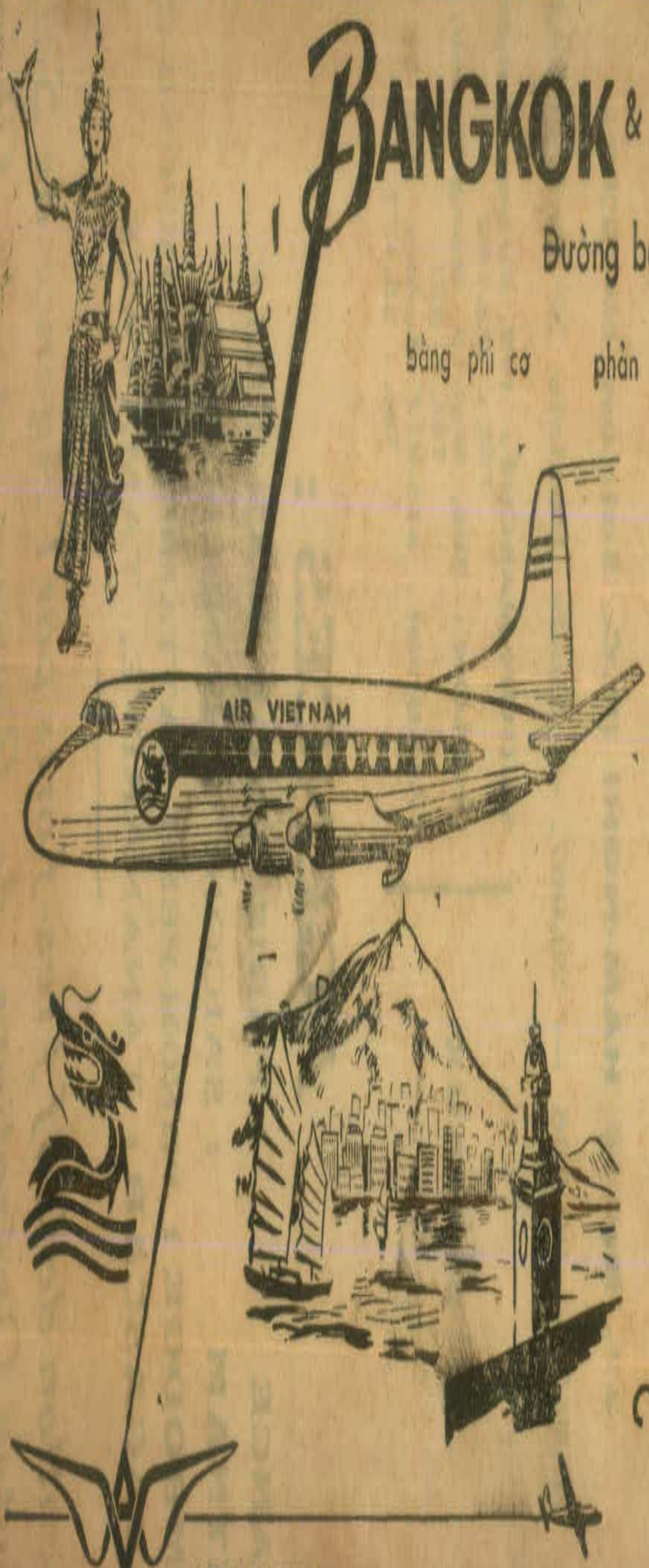

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH-LONG"

bằng phi cơ phản lực **VISCOUNT**

của **VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG**

- Nhanh chóng
- Êm ái
- Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghi.

Quý ngài sẽ thưởng-thức những món ăn thuần-túy Việt-Nam do các cô chiêu-đãi-viên xinh lịch niềm-nở tiếp đãi.

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÃNG DU-LỊCH

hay

Air VietNam

16, NGUYỄN-HUỆ – SAIGON

TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626

BÁCH-KHOA

Số 102 — Ngày 1-4-1961

		Trang
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Ngành xuất-bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay*	3
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Cuộc chạy đua trong không gian giữa người Mỹ và người Nga.*	12
PHẠM-HOÀNG	*Công lý và cường lực*	18
ƯNG-TRÌNH	*Một quan niệm về phương pháp đọc sử*	21
NGUYỄN-HỮU-PHIÊM	*Tìm hiểu người thanh niên* . . .	31
CÔ-LIÊU	*Ngày tận thế của vi trùng loại khuẩn cầu*	39
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Lối ca Huế và « lối nhạc tài tử »* .	43
ĐOÀN-THÊM	*Thử tìm hiểu hội họa.*	51
BỬU-KẾ	*Từ Lăng Sọ đến Lăng Ba Vành.* . .	67
NGUYỄN-VĂN-PHƯƠNG	*Một nhận-định về hội-họa* . . .	73
VÂN-TRANG	*Mẹ của con mình*	76
MINH-ĐỨC	*Lá thư Alger*	78
TUYẾT-HƯƠNG	*Phấn đấu (truyện dài)*	81
CÔ-LIÊU	*Luật làm chủ (truyện dịch Roger Vaillant).*	85

PHỎNG-VẤN — SINH-HOẠT

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG	*Trả lời cuộc phỏng vấn.*	99
NGUIỄN-NGU-Í	*Nho học và tây học*	103
THU-THỦY	*Đàn em quật bờ*	105

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Chủ-nghĩa Gandhi.* *Jean-Paul-Sartre.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Thử tìm hiểu hội họa: tranh lập thể.*
BỬU-KẾ	:	*Thuận-An thất thủ*
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	:	*Tìm hiểu người thanh-niên.*
PHẠM-CÔNG-THIỆN	:	*W. Somerset Maugham.*
TRỊNH-THIÊN-TỨ	:	*Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới.*
THIẾU-SƠN	:	*Ông Phan-Khôi đã phê-bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
NGUYỄN-BẠT-TỤY	:	*Nghề mành ở Tam-Quan.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Gương tiết kiệm.*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Scheler: con người hờn dỗi.*
DOÃN-VĂN	:	*Nếu thế-giới đại-chiến thứ ba bùng nổ...*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài-tử ».*
CÔ PHƯƠNG-THẢO	:	*Điểm sách: « Thuật yêu đương »*
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	:	*Phở và Tôi (tùy bút).*
XUÂN-TÙNG	:	*Trận banh đầu (truyện ngắn).*
KIM-LƯƠNG	:	*Thi-xã.*
VŨ-HẠNH	:	*Người thầy thuốc*
VÂN-TRANG	:	*Vạt áo the (truyện ngắn).*
HÀ-VÔ-HOÀI	:	*Trên đường quốc-lộ (truyện ngắn).*
VÕ-HỒNG	:	*Tai họa cuối cùng (truyện ngắn).*

TÌM MỘT GIẢI PHÁP
CHO NGÀNH XUẤT BẢN VIỆT-NAM

so - sánh ngành xuất bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay

✱ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(*Xin đọc từ B.K. số 100*)

MỘT KẾ HOẠCH CẢI CÁCH

PHẦN thứ nhì cuốn *L'Edition francaise au pied du mur* như tôi đã nói gồm những đề nghị của tác giả cải thiện tình trạng mô tả trong phần thứ nhất.

Tác giả đưa ra một kế - hoạch gồm bốn điểm :

— trách nhiệm của các nhà sáng tác ;
— trách nhiệm của các nhà sản xuất ;
— trách nhiệm của các nhà phát hành ;
— trách nhiệm của chính phủ.

Chúng tôi sẽ lần - lượt tóm tắt từng điểm một và xét xem những giải pháp của tác giả có thể áp dụng ở bên mình được không để rán tìm một lối thoát cho ngành xuất bản của ta.

Trách nhiệm của nhà sáng tác

Trước hết là trách nhiệm của các nhà sáng tác.

Trong phần I, tác giả đã bảo giới sáng tác không có lỗi gì trong cái tình trạng này cả, lỗi ở các nhà xuất bản, các nhà phát hành, và một phần ở chính quyền.

Nhưng các nhà sáng tác nếu nhận rõ được nhiệm vụ của mình cùng nhu cầu của quần chúng thì cũng giúp cho vấn đề giải quyết được dễ-dàng.

Theo ông thì các tác giả nên :

— tự phê bình,

— hiểu sự tồn kém trong việc ấn loát

— gom nhau lại, gởi tác phẩm cho một số nhà xuất bản nào đó thôi,

— định một chương trình hoạt động để thỏa những nhu cầu tinh thần của quần chúng.

Tự phê bình.

Họ cần phải tự phê bình, nhũn nhặn xét giá trị những tác phẩm của mình, đừng tưởng rằng bất kỳ cái gì mình viết ra cũng là độc đáo, vào hàng thượng phẩm, phải cho ra mắt quần chúng cấp kỳ, lại phải in thật đẹp và thật nhiều nữa. Tác giả bảo tâm lý đó đặc biệt cho thời này vì hồi xưa, có biết bao văn hào viết cả chục tác phẩm mà do dự, đợi rất lâu rồi mới cho xuất bản, mà chỉ xuất bản một số rất nhỏ thôi, còn thì giấu đi, không dám cho ra mắt quần chúng. Quả thực là ngày nay, sự ấn loát phát triển rất mạnh ai cũng có thể đăng tác phẩm được nên ai cũng tự cho là văn sĩ được cả. Hễ có được một vài bài đăng trên báo hằng ngày hay trên một « nội san » là người ta tưởng rằng tên người ta sẽ chói lọi trong văn học sử. Và nếu nhà xuất bản nào không chịu in những bài đó thành một tập truyện cho người ta thì nhất định nhà xuất bản đó là đui hoặc là một thứ con buôn hạ cấp rồi. Một nhà nọ đã phàn nàn với tôi rằng có lần nhận được bản thảo một tập thơ — tác giả gọi nó là *thơ* chứ sự thực nó chỉ là văn vần — in ra không biết bán được ba chục cuốn hay không, mà tác giả đề nghị in tới mười ngàn, lại cam đoan chỉ trong ít tháng là bán hết !

Nếu không có nhà xuất bản nào chịu nhận thì người ta vận động với cơ quan này, cơ quan nọ để được trợ cấp, hoặc hứa mua giùm cho một số. Người ta cậy cục, in cho kỳ được mới thôi.

Tác giả khuyên các nhà văn đó nên tự xét mình. Lời khuyên của ông ai cũng biết là chẳng có công hiệu gì đâu nhưng tôi nghĩ cũng nên ghi lại.

Ở nước ta, cái bệnh ham văn nghệ đó trầm trọng gấp mầy ở Pháp. Trong mục *Hộp thư* của Nội san một hiệu đoàn nọ tôi mới đếm được gần một trăm mầm non từ lớp đệ thất trở lên, gởi bài về « Toà soạn » mà vì khuôn khổ tờ báo, người ta không thể đăng được. Số bài được lựa cũng tới vài chục. Như vậy thì trong số hằng trăm trường Trung-học ở khắp nơi, có tới hằng vạn nhà văn măng sữa.

Những nội san đó thường quay Ronéo, cũng có khi in. Ngoài ra, lại có nhiều tờ báo, cả những tạp chí danh tiếng cũng lãnh nhiệm vụ khuyến-khích các « bậc tài hoa son trẻ » đó, đăng

bài cho họ sau khi sửa chữa ít nhiều, rồi ca tụng rầm lên, đưa họ lên mây xanh. Thì hồi xưa Vương Bột, Victor Hugo, và gần đây Xuân Diệu, Huy Cận chẳng nổi danh thiên tài từ cái hồi mười mấy tuổi đó ư. Thiên tài đâu có đợi tuổi !

Đúng lắm, nhưng hồi xưa thiên tài lâu lâu mới xuất hiện, bây giờ thì đầy trường, đầy đường, phất phơ phất phới ở các trà thất và quán cà-phê. Kết quả là nền văn hoá Việt-Nam mỗi năm lợi thêm được những tập thơ lăng nhăng những cuốn phê bình văn học cóp nguyên vẹn - mà lại cóp oai mới khổ cho chứ — của người trước và những cuốn sách giáo khoa của các học sinh đệ tam viết cho học sinh đệ tứ, trong đó đầy những lỗi không ai có thể tưởng tượng nổi. Loạn rồi, thưa bạn.

Cho nên trên kia tôi ghi lại lời khuyên của Paul Angoulvent không phải để cho các nhà văn đọc đâu — lòng tự ái của họ, chúng tôi không dám động tới — mà để nhắc nhủ các giáo sư và các Phụ huynh học sinh bắt trẻ hãy siêng học đi đã, có ngứa ngáy muốn làm văn-nghệ thì để cho cha mẹ, thầy học, bạn bè coi thôi, chứ đừng đem đăng báo, đem in thành sách vội. Đợi đến khi ra trường rồi, kinh nghiệm thêm ít năm nữa rồi hãy xuất bản cũng chưa vội. Tất-nhiên, khi người ta quả thực là một thiên tài thì tôi không dám nói gì hết. Điều quan trọng là các bậc giáo sư, phụ huynh phải xét xem học trò, con em mình có thực là thiên tài hay không.

Hiểu sự tốn kém trong việc ấn loát.

Các nhà văn lại nên hiểu sự tổn kém trong việc ấn loát.

Theo kinh nghiệm riêng của chúng tôi thì một tập thơ phải bán ít nhất được ngàn bản, một tiểu thuyết phải bán ít nhất được ba ngàn bản, một cuốn khảo cứu, hai ngàn bản thì trong tình hình phát hành hiện nay, mới lấy lại đủ vốn sau một thời gian là vài ba năm và có lời một chút đủ để sống mà tiếp tục công việc làm ăn được. Bán được dưới cái số đó là nguy.

Các nhà văn ít ai hiểu như vậy cho. Ta không trách họ được, họ không ở trong nghề Mà các nhà xuất bản không ai tuyên bố thẳng thắn số mình bán được — có lẽ vì tác giả không muốn, hoặc chính nhà xuất bản không muốn vạch áo cho người xem lưng; chứ nếu tuyên bố ra thì nhiều nhà văn sẽ vỡ mộng.

Tôi xin thành thực tuyên bố: Tôi lấy ba tác phẩm loại khảo cứu làm tiêu biểu:

Bộ *Đại Cương văn học sử Trung Quốc* của tôi, cuốn I in xong tháng 3 năm 1955: 1500 bản; cuốn II in xong tháng tư năm 1955 cũng 1500 bản; cuốn III in xong tháng giêng năm 1956 1200 bản (sở dĩ cuốn này tôi in rút đi vì thấy sách bán không chạy). Mãi đến giữa năm 1960 cuốn I mới bán hết, cuốn II và cuốn III hiện nay vẫn còn mỗi cuốn khoảng năm chục

bản. Mà từ trước tới nay số sách tặng, trung bình mỗi cuốn không dưới 50 bản.

Cuốn *Đông kinh Nghĩa thục* mà ai cũng tưởng là bán chạy, in xong tháng chín năm 1956, 2500 bản, tới nay còn khoảng năm trăm bản.

Cuốn *Nho giáo : một triết-lý chính trị* in xong cuối năm 1958, có 1450 bản (tôi định in 1500 bản nhưng nhà in giao thiếu) tặng non 50 rồi, mà hiện nay còn lại khoảng 300 bản, nghĩa là chỉ mới bán được hơn một ngàn bản hai năm sau khi phát hành.

Có lẽ nhiều nhà xuất.bản khác thành công hơn tôi, nhưng những con số đó cũng đủ cho các nhà mới bước vào nghề cầm bút phải suy nghĩ về lời khuyên này của Paul Angoulvent : « Những tác-giả nào thấy tác phẩm của mình có giá-trị, cần cho ra mắt độc giả, nhưng biết rằng bán không có lợi thì đừng nên in mà nên dùng cách khác để phổ biến, chẳng hạn phối hợp hai lối đánh máy và in offset ». Tôi không hiểu ở nước mình đã có ai dùng lối đó chưa ; nhưng tôi biết một số nhà văn đã in Rônêô tác phẩm của mình và sự trình bày cũng đã khá tần bộ mà phí tổn rất nhẹ.

Gom vào một số nhà xuất bản.

Tác giả còn khuyên các nhà văn đừng nên thay đổi nhà xuất bản, đã giao cho nhà nào thì cứ tiếp tục gởi cho nhà đó. Ông đưa thí dụ : xưa kia Zola chỉ để cho nhà Charpentier xuất bản ; Jules Verne để cho nhà Hetzel, Anatole France cho nhà Calman Lévy, Bergson cho nhà Alcan. Ngày nay thì các tác giả trẻ tuổi lại thăm cả chục nhà xuất bản rồi « đề danh thiếp » lại, tưởng như vậy là « khu vực ảnh hưởng của mình sẽ được mở rộng ». Nhưng như vậy chỉ có hại vì các nhà đó ngại quảng cáo cho một tác-phẩm, mà nếu mọi nhà đều quảng cáo thì phí tổn sẽ nặng. Cho nên, theo ông, các nhà văn nên gom lại, gởi tác phẩm cho một số nhà xuất bản nào đứng đắn, quen thuộc thôi.

Nhưng ông cũng nhận rằng lỗi thường khi không ở nhà văn mà ở nhà xuất-bản : thấy tác phẩm nào bán chạy, tác-giả nào bắt đầu có tiếng tăm tìm cách tiếp xúc để « thương-thuyết » ; nghĩa là họ tranh cây viết của nhau.

Trường hợp này cũng xảy ra ở nước nhà và nhiều nhà xuất bản đã đề nghị với nhau bỏ lối cạnh tranh đó đi, thấy tác phẩm nào đã do nhà A xuất bản rồi, nay đem lại cho mình tái bản thì phải hỏi ý kiến nhà A trước rồi mới được nhận. Có người lại còn đề nghị một tác giả đã viết cho nhà C một vài cuốn thì những cuốn sau, dù ở trong loại khác, cũng cứ để cho nhà đó xuất bản các nhà khác không được tiếp xúc với tác giả đó nữa.

Vấn đề khá tế nhị ; dễ đưa tới sự bất chẹt giữa các nhà văn. Phải khéo léo dung hòa quyền lợi của hai giới sáng tác và xuất bản, thì mới khỏi mang tiếng. Và ta phải nhận rằng các nhà xuất bản so với các nhà văn, vẫn ở trong một cái thế mạnh hơn ; nếu bắt nhà văn phải chuyên viết cho một nhà thì thế nào cũng thiệt cho họ mà do đó có hại cho văn hóa.

Cùng lập một chương trình.

Sau cùng riêng về loại giáo khoa tác giả đề nghị các nhà văn và các nhà xuất bản nên thỏa thuận với nhau chia nhau công việc, người làm thứ này, người làm thứ khác, đừng dẫm chân lên nhau, đừng đổ xô cả vào một khu vực đến nỗi có 15, 16 thứ sách cùng một loại. Ông bảo : « Sớm muộn gì cũng tới lúc phải hợp lý-hóa công việc sản xuất : tự mình hợp lý hóa trước đi thì hơn ». Lời khuyên rất hợp lý nhưng không biết người ta có chịu nghe không.

*
* *

Trách nhiệm của nhà xuất bản

Nặng nhất, là trách nhiệm của nhà sản xuất vì họ nắm cái quyền xuất bản. Trừ một số người có đủ phương tiện để in lấy — theo tạp chí *La correspondance économique* ở Pháp có tới 2.500 nhà như vậy, ở nước ta tôi có đoán có độ dăm chục nhà, nhưng không phải nhà nào cũng mỗi năm ra được một cuốn đâu, thường khi là ba bốn năm, năm mười năm — còn thì sáng tác xong phải kiếm nhà xuất bản ; nhà xuất bản định đoạt nên cho ra hay không.

Đó là ý kiến của tôi chứ không phải của tác giả vì bàn về trách nhiệm của các nhà xuất bản, tác giả chỉ nói phớt qua thôi. Ông đứng về ba phương diện :

— phương diện tìm vốn

— phương diện lập chương trình xuất bản

— phương diện in.

Tìm vốn.

Về phương diện thứ nhất ông bàn nên tìm cách rút ngắn lại thời gian thu lại đủ vốn. Khi đã nhận một tác-phẩm nào rồi, nhà xuất bản phải bỏ vốn ra để đưa trước tác-giả hay dịch giả một số tiền về bản quyền, rồi mua giấy, mướn người vẽ hình, làm bản kẽm... Có tác phẩm in cả năm hoặc vài ba năm mới xong, thế là số vốn mắc kẹt khá lâu rồi. Phải tìm cách rút ngắn thời gian in lại bằng cách tổ-chức cho kỹ-lưỡng.

In xong, đem phát hành. Theo ông thì ở Pháp, các nhà xuất bản phải đợi từ sáu đến chín tháng, mới bắt đầu thu được tiền của các nhà bán sách gởi về. — Tôi không hiểu tại sao lại lâu vậy ?. Người ta không bán mặt một số sách nào ư. — Và thường thường phải đợi hai ba năm mới thu về đủ vốn nếu sách không ế, tất nhiên. Chắc ông không xét trường hợp sách

giáo khoa, vì sách giáo khoa chỉ bán trong một hay hai mùa như ông đã nói ở trên thì chắc là chỉ sau một mùa, có thể thu lại đủ vốn rồi.

Ở nước ta, tình cảnh có phần khá hơn một chút, nhờ sự bán mặt được phổ biến từ mấy năm nay ; cho nên sách giáo khoa có thể trong sáu tháng thu lại đủ vốn, còn các sách khác cũng phải đợi hai năm — rất ít khi là một năm. Nhưng sự bán mặt lợi ở phía đó thì hại ở phía khác : sách bán rất ít chỉ khi nào có độc giả hỏi mua, nhà sách mới lấy sách ở nhà xuất bản.

Vậy nghề xuất bản là một nghề thu vốn lại rất chậm nên nhiều nhà xuất bản phải đi mượn vốn. Thời xưa có một số Mạnh Thường Quân yêu văn hóa hoặc thích được tác giả kính tặng ít hàng in rất đẹp ở trang đầu một tác phẩm, sẵn lòng giúp vốn cho in. Ngày nay hạng đó gần như mất hẳn rồi, mà các ngân hàng không chịu bỏ vốn vào công việc bấp bênh, mạo hiểm đó.

Còn một cách nữa là trông mong vào sự giúp đỡ của chính phủ, không phải là nhờ chính phủ trợ cấp, mà chỉ xin chính phủ cho mượn vốn dài hạn, năm, mười năm chẳng hạn, để xuất bản những tác phẩm lớn, có giá-trị. Mà ở Pháp, cũng như ở Việt, chưa có chính sách đó.

Vậy chỉ còn có hai cách : góp vốn với nhau, hoặc lập những tổ-hợp tín dụng. Phương-pháp góp vốn không có kết quả mấy có lẽ vì người ta ít tin nhau ; còn phương-pháp lập tổ hợp tín dụng đã được thực hiện từ năm 1949 và chỉ cho hội viên mượn vốn trong hai năm, nếu có sự bảo đảm của nhiều hội viên khác, mà trong mười năm nay chỉ mới cho mượn được cả thảy là một tỷ quan, trung bình mỗi năm 100 triệu quan, khoảng 10 triệu bạc V.N. Kể ra như vậy cũng đã khá đầy. Tác giả hy vọng rằng những tổ hợp đó sẽ phát triển mạnh hơn. Các nhà xuất bản của ta cũng nên nghiên cứu giải pháp đó.

Lập chương trình xuất bản.

Về phương diện lập chương-trình xuất bản, tác giả nhắc-nhở các bạn đồng nghiệp phải thận trọng lựa chọn tác-phẩm, phải xét xem tác-phẩm có giá trị không, có nên truyền bá trong dân chúng không, chứ đừng in bừa bãi. Muốn vậy phải nghiên cứu thị-trường cho kỹ, phải có một chút lương tâm và nên noi gương Anh và Mỹ, báo trước những tác phẩm sẽ ra trong mỗi tam cá nguyệt ; phải chia công việc soạn sách giáo khoa với nhau để khỏi chen lấn nhau mà hại chung cho mọi người.

In cho mau và rẻ.

Về phương diện in nên tổ chức công việc cho kỹ lưỡng, lập một chương trình để có thể in mau mà rẻ ; những loại sách nào đặc biệt, nên giao cho các nhà in chuyên về loại

đó (chẳng hạn ở ta loại sách toán); sau cùng các nhà xuất bản nhỏ nên hợp tác với nhau thành một nhà khá lớn, có đủ phương tiện dùng những máy in mới, những máy đóng sách... và rút những phí tổn về quảng cáo, gói sách, chở chuyên, làm kế toán v. v... Nếu có thể được, nên bỏ bớt nhiều khổ sách, chỉ giữ lại ít khổ thông dụng tiện lợi, đỡ tốn.

Nếu người ta thỏa thuận với nhau được thì còn nói chuyện gì nữa ? Phá núi cũng được mà lấp biển cũng được. Nhưng chỉ nội một con số bốn trăm rưỡi nhà xuất bản Pháp, cũng đủ cho ta thấy hy vọng hợp tác với nhau còn mong manh lắm. Bốn trăm rưỡi nhà xuất bản chia nhau một số thương vụ là 5o tỉ quan trong khi đó thì có mấy nhà đóng phim chia nhau một số thương vụ là bao nhiêu ? Nghề gì dễ làm gì dễ làm thì tất nhiên ai cũng đổ xô vào để mà chết lây nhau.

Khả năng và lương tâm.

Tác giả chỉ nhắc nhở đến sự lựa chọn tác phẩm chứ không nói đến khả năng kỹ thuật, đến lương tâm nghề nghiệp của các nhà xuất bản, vì tác giả giữ ý không muốn làm mất lòng các bạn đồng-nghiệp. Ngay đầu chương, tác giả đã hứa rằng sẽ kín đáo, nói vừa đủ nghe thôi, chứ đáng lý ra thì làm thinh mới phải kia.

Tôi hiểu sự dè-dặt của tác-giả. Không ai dám tự cho mình là không có lỗi — dù là nhà Gallimard hay nhà Presses Universitaires de France, nhà Larousse thì cũng đôi khi không làm tròn cái thiên-chức văn hoá của họ đâu — cho nên nhắc đến lỗi của bạn đồng nghiệp là một điều nên tránh.

Tuy nhiên chương trên bàn về trách nhiệm của nhà văn, ông đã hơi nghiêm khắc — khuyên họ phải tự xét mình — rồi chương sau bàn về trách nhiệm của nhà phát hành, ông còn gay gắt hơn nữa như độc giả sẽ thấy, mà chương này xét về ngành xuất bản ông lại làm thinh không nói đến vấn đề khả năng cùng lương tâm của nhà xuất bản thì tránh sao được cái tội thiên-vị ?

Kinh nghiệm

Aldous Huxley châm biếm :

— Không phải những việc xảy đến làm cho chúng ta có kinh nghiệm, mà chính cách đối phó với những việc ấy đem lại cho chúng ta kinh nghiệm.

Ông đã tỏ ý mong rằng có một quy chế cho các nhà sách, rằng nên buộc họ có một khả năng về tài chánh và kỹ thuật, mới được nhận huê hồng của các nhà sách, thì các nhà sách và độc giả cũng có quyền mong rằng nhà xuất bản phải có đủ khả năng hiểu được giá trị của tác phẩm thì mới được coi là nhà xuất bản chứ ?

Vấn đề đó tôi chưa thấy đặt ra ở nước nào cả. Có quy chế cho các nhà bán sách mà chưa có quy chế cho các nhà xuất bản. Tôi vẫn biết ai cũng có quyền in những tác phẩm của mình ; nhưng muốn xuất bản tác-phẩm của người khác thì ít nhất cũng phải có một trình độ học thức ra sao chứ ? Nếu chính ông giám đốc nhà xuất bản không có trình độ đó thì ít nhất phải mướn một người cộng sự có đủ khả năng văn hóa để xét giá trị các tác phẩm chứ ? Những nhà xuất bản lớn ở Pháp như nhà Gallimard nhà Presses Universitaires de France, nhà Plon, đều có những văn sĩ hay phê-bình-gia, học giả chuyên đọc bản thảo — tôi nhớ đâu như André Gide có hồi làm công việc đó cho nhà Gallimard — nhưng trong 450 nhà xuất bản, có bao nhiêu nhà được như vậy ? Và trong số 259 ông Giám đốc nhà xuất bản chỉ mướn có 5 người giúp việc thì có bao nhiêu ông hiểu nổi được giá trị của tác phẩm, vì tôi chắc rằng các ông ấy phải đọc lấy bản thảo chứ làm sao muốn nổi một nhà phê bình chuyên môn ?

Vậy thì theo tôi nếu lập một quy chế cho nhà xuất bản tựa tựa như ở Áo người ta đã lập quy chế cho các nhà sách, thì sự sản xuất chắc sẽ là bớt hỗn độn số sách in sẽ bớt đi, mà giá trị sẽ tăng lên, và nhờ đó sự cạnh tranh cũng bớt đi. Đó cũng là một giải pháp hợp lý và hiệu nghiệm, sao tác giả không nghĩ tới ?

Ở nước nhà mà có được một quy chế như vậy thì tôi chắc là những loại sách giáo khoa của những học sinh đệ tam viết dạy học sinh đệ tứ không làm sao mà xuất hiện được.

Tác quyền.

Còn một vấn đề nữa cũng đáng đem bàn, vấn đề cạnh tranh nhau về tác quyền. Không có luật nào quy định, nhưng từ trước vẫn có thông lệ này : tác quyền là 10% giá bán. Ngay ở Pháp tôi chắc thông lệ đó cũng không luôn luôn được áp dụng. Có nhiều tác giả soạn sách không phải để kiếm tiền mà vì yêu văn hóa, hy sinh cho khoa học. Những người đó chỉ cần tác phẩm được in chứ không cần được trả tác quyền, mà những nhà xuất bản nhận in những cuốn đó cũng không phải vì thương mãi ; có khi họ chịu thiệt ; nếu thấy sách khó bán lắm thì họ xin một cơ quan nào trợ cấp hoặc yêu cầu tác giả hùn vốn với họ rồi bán được bao nhiêu chia đôi, có thiệt thì mỗi bên thiệt một chút. Trong trường hợp đó, không thể nói đến tác quyền được.

Nhưng có nhiều tác giả chỉ ham danh, tác phẩm tuyệt nhiên không

có giá trị mà cũng đòi in cho được chịu biểu không cho nhà xuất-bản, có khi sẵn sàng chịu thiệt một chút nữa. Nhà xuất bản nên cương quyết từ chối, đừng vị tình ; có như vậy thì tác giả mới chịu « tự xét mình » như Paul Angoulvent đã nói, mà trình độ văn hóa mới tiến được.

Cũng nên từ chối những tác giả chỉ xin 2%, có khi 1% tác quyền. Nếu thấy là có giá trị và in không lỗ thì trả đúng 10% ; không thì thôi, chứ đừng dùng giải pháp nửa chừng đó, nói là để khuyến khích văn nghệ mà sự thực chỉ là hạ giá văn nghệ.

Hoa hồng.

Sau cùng tác giả cũng không nói đến sự nhất trí hoa-hồng, có lẽ vì ở Pháp chưa đến nỗi loạn như ở ta. Muốn phổ biến rộng, bán rẻ cho độc giả thì ra một loại riêng tựa như loại *Livres de poche* của Âu, chứ đừng nên để giá cao rồi trừ huê hồng thực nhiều 60%, 70%, cho nhà sách để nhà sách trừ lại 40%, 50% cho độc giả ; như vậy cũng là một lối cạnh-tranh không chính đáng nữa, mà kết quả chỉ là thiệt chung cho mọi người.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

(ANATOLE FRANCE 1844 — 1924)

✱ Có người phàn nàn trước mặt tôi về nỗi buồn chán của tuổi già, Sainte-Beuve liền đáp lại : « Tuy nhiên, đó là phương thế duy nhất để được thấy mình sống lâu. »

(Anatole France, Le crime de Sylvestre Bonnard)

✱ Tất cả mọi đổi thay đều bi ai, kể cả những đổi thay mình mong muốn nhất, vì cái chúng ta từ bỏ là một phần mình của chúng ta ; phải chết ở một khoảng đời nào mới vào được một khoảng đời khác.

(Anatole France, Le crime de Sylvestre Bonnard)

Việc đã qua

Theo kinh nghiệm của Ursula Bloom :

— Ở đời, điều quan trọng là đừng mất thì giờ trách mình một cách vô ích. Việc đã qua, qua hẳn rồi. Đừng nghĩ đến nữa. Hãy nghĩ đến điều này là còn thì giờ để không làm việc đó nữa.

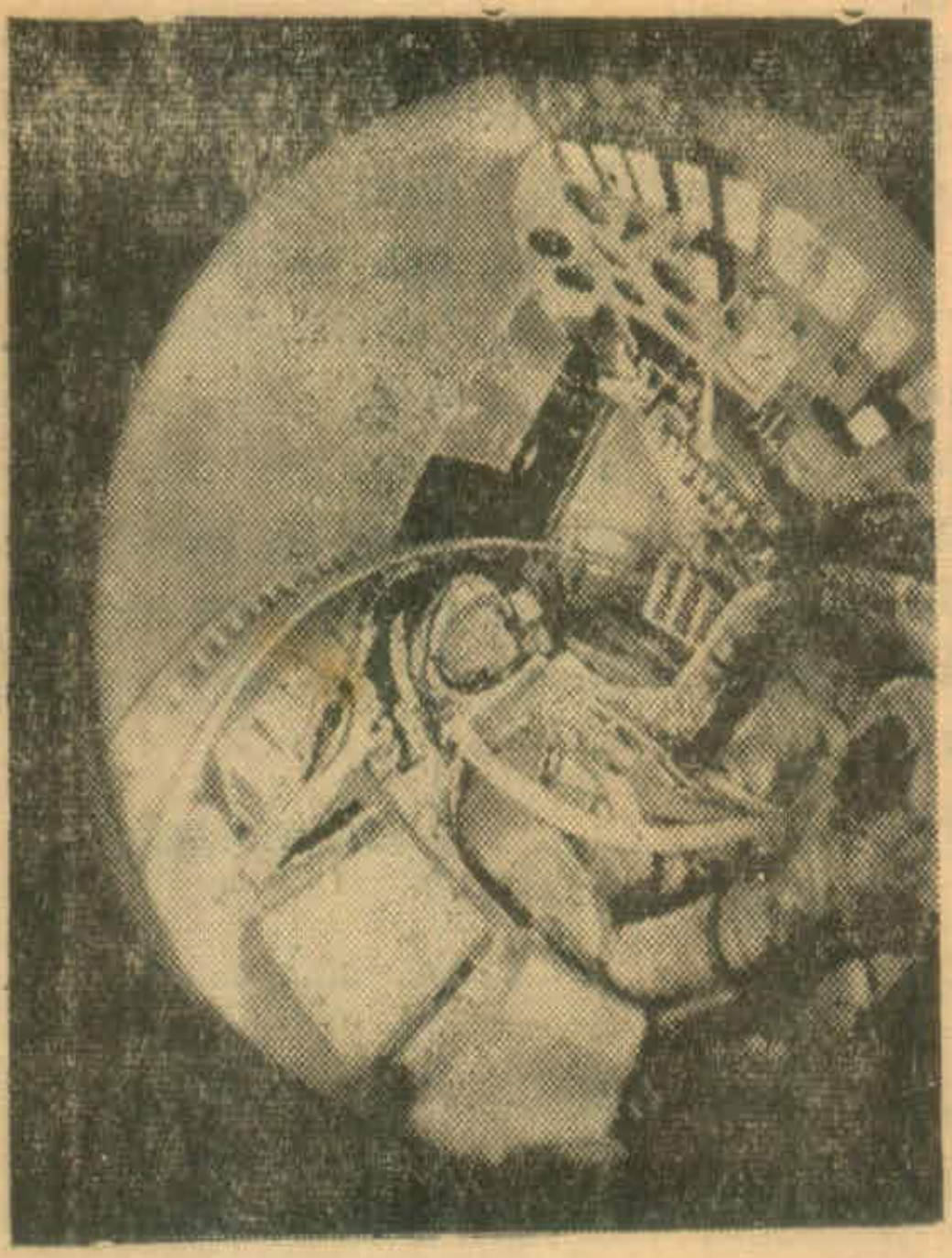

« Siêu nhân » John Gleen, một trong ba nhà phi hành không gian của Hiệp-chủng-quốc.

GIỮA NGƯỜI MỸ VÀ NGƯỜI NGA

✱ HOÀNG-MINH-TUYNH

HIỂU biết yếu và nhược điểm của công luận Hiệp-chúng-quốc nhất, có lẽ không ai bằng tổng thống Ken-nơ-đi. Trong buổi họp báo đầu tiên, ông đã đề cập đến vấn đề thi đua của người Mỹ và người Nga trong khoảng không gian một cách đặc biệt long trọng Sau đó, trong một cuộc họp báo khác, ông Ken-nơ-đi quả quyết chương trình chinh phục không gian của Mỹ quốc hoàn toàn căn cứ vào tinh thần khoa học thuần túy và Mỹ quốc không lấy việc phóng người lên không gian làm một phương thế dụ hoặc để gây thanh thế cho mình. Vài ngày sau lời tuyên bố trên, người Mỹ thành công trong cuộc phóng thử hỏa tiễn « *Atlas không người* » có mang theo một « cáp-suyn » một tấn, giống in hệt « cáp - suyn » Mercure, nội trong năm nay, sẽ đưa một người Mỹ vào không gian. Hỏa tiễn Atlas bay trong 18 phút đã hoàn tất nhiệm vụ một cách mỹ mãn và « cáp - suyn » do một chiếc dù hãm lại, đã đậu được xuống biển, cách chiếc tàu gần nhất chừng hai chục cây số ngàn. Một lần nữa, tất cả báo chí Hiệp-chúng-quốc trưng ra bằng những kiểu chữ thật lớn tên tuổi của bảy nhà phi hành không gian đang

được rảo riết huấn luyện từ hai năm nay, hay đúng hơn, của ba người còn lại sau bao thử thách cực kỳ gian khổ, của ba người được sung vào nhiệm vụ vinh quang đệ nhất của loài người từ trước đến nay trên địa hạt khoa học.

Lại nữa, hồi thượng tuần tháng Ba vừa qua, vị đại-sứ Hiệp-chúng-quốc tại Liên-Xô đã trở về Mạc-tư-khoa, sau hai tuần lễ mật đàm tại Hoa-thịnh-đốn và bốn cuộc hội nghị liên tiếp tại tòa Bạch-ốc. Mọi người đều biết ông đại-sứ Llewellyn Thompson trở về Mạc-tư-khoa có đem theo một bức thư của ông Ken-nơ-đi gửi cho ông Kơ-rút-sốp và trong số những nghị đề liên quan đến các vấn đề chính trị, có nghị đề hợp tác Mỹ-Nga trong công cuộc chinh phục không gian. Đây là một nghị đề hàm súc nhiều ý-nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là hai đại cường quốc hiện đang cùng ở trong giai đoạn ganh đua quyết liệt, không có tháng nào qua mà hai bên không đạt được một hoặc hai thành công vang dậy, khiến cho đối phương phải thán phục. Nghị đề của ông Ken-nơ-đi liệu có đem lại kết-quả gì chăng ? Và liệu sự hợp-tác của hai đại cường quốc nếu có cơ thành-tựu, sẽ thành-tựu tới mức độ nào ? Muốn trả lời câu hỏi nêu trên, chúng ta cần phải nhớ lại một số dữ kiện của vấn-đề.

Do thám không - gian.

Tất cả những hỏa tiễn hiện nay, trên nguyên-tắc, đều phát-xuất tự hỏa-tiễn V_1 và V_2 vốn là những khí cụ chiến-tranh của người Đức thuở nào. Bảo rằng những hỏa . tiễn ấy, lúc này, chỉ có mục-đích phụng - sự hòa-bình, thì chúng ta cũng biết vậy và chúng ta cũng không nghi-ngờ thiện-chí của những người tỏ ý muốn nói chuyện hòa-bình. Tuy-nhiên, có điều chúng ta nhận thấy là các hỏa-tiễn, mặc dù không chuyên chở trái-phá nguyên-tử, đã có thể đặt trong không-gian những cơ-sở quan-sát và gây xáo trộn cho việc phát âm thanh. Những cơ sở ấy hiện nay đang vận-hành và có người cho rằng nếu chúng chưa làm phát khởi chiến - tranh vệ-tinh, có lẽ là bởi các đối - thủ còn đang bận quan - sát, do - thám lẫn nhau, coi xem ưu, khuyết - điểm của nhau nằm ở chỗ nào, đó thôi. Song vấn-đề hòa hoãn, chấp nhận với nhau một điều ước bảo đảm cho sự sống còn của nhau giữa hai phe, thế nào rồi cũng có ngày phải kết thúc, không chóng thì chày — Ngoài phi cơ U_2 trước đây đã gây nên nhiều sóng gió, vệ tinh Mỹ Midas hiện đang bay vòng quanh trái đất ; vệ tinh này nhờ có những bộ máy do xích ngoại tuyến phát động, có thể khám phá ra những cuộc phóng hỏa tiễn và cấp báo tức thì. Một vệ tinh Mỹ khác nữa, biệt hiệu Samos, sắp sửa được tung ra ; vệ tinh này sẽ chuyên việc chuyển vận những hình ảnh viễn thị của trái đất. Sau nữa, có vệ tinh Discoverer ; vệ tinh này có thể thu hồi được và bằng chứng đã hiển nhiên : sau khi hoàn thành nhiệm vụ, vệ tinh có thể thả phim và máy quay phim về. Người Nga chưa chính thức phản kháng người Mỹ về việc « vi phạm » này. Tuy nhiên, chẳng nên ngây thơ tưởng người Nga sẽ bỏ lơ cuộc tuần cảnh trên đây của người Mỹ. Tạp chí Xô - viết « Việc Quốc Tế » (Affaires Internationales)

John Gleen và gia đình.

mới đây, trong một bài dưới ký tên C.Chukov, đã lên tiếng cảnh cáo người Mỹ bằng những lời đầy hăm dọa : « Liên-Xô hiện có những phương tiện cần thiết để làm tê liệt mọi cuộc do thám của người Mỹ trong không gian và trong không khí ». Những phương tiện cần thiết, người Xô-viết không chịu nói rõ ra là những phương tiện gì, nhưng hình như lời tuyên bố của họ không hẳn là những lời tuyên bố suông, nhất là một vệ tinh do thám không thể nào bay cao quá, và trong khoảng 1500 cây số ngàn, vệ tinh ở vào đúng tầm hỏa tiễn trung bình có đầu nguyên tử... Một vài nhận định sơ sơ đó cũng đủ cho ta thấy những cuộc chạy đua trong không gian giữa người Mỹ và người Nga không hẳn chỉ là những cuộc chạy đua có tính chất khoa học thuần túy, chúng có thể ngầm chứa những mưu toan cực kỳ nguy hiểm vậy.

Các nhà phi hành không gian.

Người Mỹ hiện đã có đủ *hỏa-tiễn liên-lục-địa* để cầm giữ Liên-xô ở trong thế bất động, nhưng họ đang thiếu hỏa-tiễn liên hành tinh. Hỏa tiễn kinh khủng Saturne của ông Werner von Braun đã hoàn thành

---

✱ Kẻ phê-bình hay là kẻ thuật lại được những cuộc phiêu-lưu của tâm-hồn mình ở giữa các tác-phẩm.

(Anatole France, La vie littéraire)

✱ Cái âm-đức của những tác-phẩm cừ khôi là khởi hứng cho người ta được đàm đạo uyên-bác, được bàn luận nghiêm-trang mà thân-mật, được tưởng tượng ra những hình ảnh linh-động như những tràng hoa luôn luôn đứt gẫy và luôn luôn kết lại, được mơ-mộng liên miên, được mông-lung, nhẹ nhàng ham thích hết mọi sự không bao giờ chán, được nhớ lại những điều thú-vị, được quên đi những băn khoăn ti-tiểu và được cảm-kích trở lại với tâm-tư mình.

(Anatole France, La vie littéraire)

và sẽ được đưa ra thử nội trong năm nay. Cũng trong năm nay, cáp-suyn Mercury sẽ đưa một người Mỹ đầu tiên vào không gian cao chừng 300 cây số, với tốc lực tối đa 6.000 cây số một giờ. Đó là kỳ công thực hiện trong khoảng 15 phút, sau đó nếu người phi hành không bị tan rã ra thì

Giáo sư Sedov và ông Von Braun

sẽ là người đầu tiên xứng đáng nhận danh hiệu « siêu nhân sống » mà các nhà khoa học nguyên tử đang sẵn sàng trao tặng cho « kẻ anh hùng đệ nhất » của thế kỷ... Ông Ken-nơ-đi đã ra lệnh nghiêm mật cho ông Mc Namara phải đánh bại người Nga với bất luận giá nào.

Tiến bộ khoa học đang diễn hành kín đáo trong những cấm thành bí mật. Cả người Nga lẫn người Mỹ đều đang cố công cùng sức khảo sát, thí nghiệm những công trình làm cho đám thanh niên đông đảo vô số của hai phe nức lòng theo dõi đến mê mệt và cả hai phe hình như cùng ở trong những vị trí tương đương không cách biệt nhau lắm. Uy thế quốc gia, với những ảnh hưởng và hiệu quả của nó trên trường chính trị là một chuyện. Chiến tranh vệ tinh lại là một chuyện khác nữa. Chắc hẳn ông Kơ-rút-sốp và ông Ken-nơ-đi đều đồng ý không chuyển vận chiến tranh lạnh lên thượng tầng không gian. Liệu giữa hai đại cường quốc có thể có sự hợp tác trong công cuộc chinh phục không gian chăng ? Đã nói đến chinh phục thì không thể nào không nói đến gây hấn. Tuy-nhiên, giữa các nhà khoa-học với nhau trong những năm gần đây, sự giao-dịch có chiều như chứa đựng nhiều thông-cảm, khiến nhân-loại có thể lạc quan mặc dù đôi bàn tay nắm chặt của hai ông Sedov và Von Braun trong buổi gặp gỡ nào, có thể khiến cho mỗi người mỗi nghĩ khác. Hợp-tác trong địa hạt này cũng có nghĩa là giám sát và rình rập lẫn nhau, chúng ta chẳng nên lạc-quan thái quá. Duy chúng ta có thể nghĩ rằng nếu các nhà cầm-quyền Mỹ Nga ưng thuận, một cuộc hợp-tác Mỹ Nga hẳn có cơ xuất-hiện, và mai ngày sẽ có nhiều cuộc phóng vệ-tinh mở đường cho những cuộc hội đàm điện thoại liên lục địa và những buổi trình - diễn vô tuyến truyền hình ở khắp năm châu. Sau nữa, cuộc thi đua cũng có thể đượm nhuần sâu đậm tinh-thần thể thao, thượng võ. Báo chí gần đây có nói nhiều về lý-lịch của một trong ba vị « siêu nhân » được tuyển lựa bay vào không - gian : người ta bảo mặt mũi của vị siêu nhân ấy không có gì khác với mặt mũi của một người thường dân trung bình, có trí thông minh trung bình và lại là cha của mấy đứa con. Thì ra công cuộc chinh phục không gian không chỉ là công cuộc hợp tác của các nhà khoa khoa học, mà hơn thế, còn có thể là công cuộc hợp tác của những thường dân như chúng ta vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Tài liệu tham khảo :
— Témoignage chrétien.
— Le Monde
— Science et vie

CUỘC THI ĐUA

1960 — Thành-tích của phe Xô-Viết

Tháng Giêng 20-31 : Bắn siêu hỏa-tiễn trong Thái-Bình-Dương.
Tháng Năm 15 : Phóng Xi-pu-nit IV.
Tháng Sáu : Phóng lên cao 208 km một hỏa-tiễn chở hai con chó và một con thỏ (Nặng 2.100kg).
Tháng Bảy 5-7 : Bắn thử mấy kiểu siêu hỏa-tiễn mới.
Tháng Tám 19 : Phóng Xi-pu-nit V và hôm sau thu về được phòng không-gian.
Tháng mười hai 1 : Đặt trạm liên hành-tinh « Venusik ».
Tháng Hai 1961 : Phóng Xi-Pu-nít VII nặng 6.483kg. (so với Xi-pu-nit I phóng hồi tháng 10-1957 nặng 34 kg 600.)

1960 — Thành-tích của phe Hiệp-chúng-Quốc

Tháng Ba 11 : Phóng Thành-Tinh Pionnier V.
Tháng Tư 1 : Tiros I.
Tháng Tư 13 : Transit I.
Tháng Năm 14 : Midas II.
Tháng Sáu 22 : Vệ-tinh Transit II và Piggy Back.
Tháng Tám 11 : Discoverer XIII.
Tháng Tám 12 : Echo I.
Tháng Tám 18 : Discoverer XIV.
Tháng Chín 14 : Discoverer XV.
Tháng Mười 4 : Courrier I.
Tháng Mười Một 2 : Explorer VIII.
Tháng Mười Một 23 : Tiros II.
Tháng Mười Hai 7 : Discoverer XVIII.
Tháng Mười Hai 23 : Discoverer XIX.

Ngày 13 tháng Mười, trên « Atlas — D », ba con chuột được phóng lên độ cao quán-quân 1.100 km.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Công lý và cường lực

Nhiều người cho Công lý ở đời chỉ là một giấc mơ đẹp.

Phân chia hết mọi của cải cho thật đồng đều ; triệt để tôn trọng quyền lợi của bất cứ ai : đó chỉ có thể là cảnh sắc thiên hạ lý tưởng của những thời Nghiêu Thuấn xa vời, thực hư, hư thực. — Công-lý, thực ra, chưa từng xuống khỏi địa hạt của lý thuyết. Và trong thực tế, chính cường lực vẫn tiếp tục khống chế và chi phối sinh hoạt của chúng nhân. Cường lực không những không phụng sự Công lý mà thường khi quay lại chà đạp Công lý thậm phũ phàng.

Những nhận định như trên không phải là vô căn cứ, những cảnh tượng cường lực áp đảo công lý, ai mà chẳng thấy xảy ra thông thường. Tuy nhiên, sự thông thường ấy không thể coi như một công lệ, hơn thế, càng không thể xem như một số mệnh tất nhiên, không thế gì tránh khỏi.

Công lý là một cường lực tinh thần, mà cường lực vật chất phải đếm kể. Cường lực từng khi hợp tác với Công lý để duy trì hoặc cứu vãn an ninh, trật tự, như quyền hành pháp hợp tác với quyền lập pháp vậy.

Công lý có thể bị cường lực khuynh đảo, nhưng Công lý chẳng bao giờ bị hủy diệt.

Cường lực càng thái quá thì càng suy vi ; đó là sở đoản của cường lực ; Công lý, mặc dù bị giảm thoái, mà vẫn tồn tại hoài, đó là sở đắc của công lý.

PHẠM-HOÀNG

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG

NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

MỘT QUAN-NIỆM VỀ PHƯƠNG-PHÁP ĐỌC SỬ

* ƯNG-TRÌNH

(tiếp theo B. K. số 101)

VIỆT-SỬ

Sử Tàu cũng như sử Việt, người viết không tự sát-hạch phê-bình ; còn tại Âu-Mỹ, bất cứ sách gì, người viết đã tự phê-bình, nhất là từ thế-kỷ 18, 19. Đến nay, lối viết đã theo khoa-học, nghĩa là viết đúng sự thật, mỗi việc đều có chứng minh.

Còn Việt sử, tuy gọi là « Thật-lục, » song do nhân viên ở Quốc-sử-quán biên ra : Một thứ Tiền-biên, chép sự tích từ Triệu-tổ Nguyễn-Kim đến Thế-tôn Nguyễn-Phúc-Hoạt, một dòng nối tiếp chín đời luôn. Một thứ Chính-biên, tức là biên từ Thế-tổ Nguyễn-Phúc-Ánh, vua Gia-Long, là tổ hệ nhất chính, vua Minh-Mạng là tổ hệ nhị chính, vua Thiệu-trị là tổ hệ tam chính, vua Tự-Đức là tổ hệ tứ chính, v.v.

Ngoài hai thứ Thực-lục ấy, còn có hai thứ Liệt-truyện Tiền-biên, Liệt-truyện Chính-biên, nói về đời riêng, tức là tiểu sử những nhân-vật của triều Nguyễn, từ người nhà vua, đến nam nữ cả các giới trong dân ; như : hiếu-tử, hiền-tôn, nghĩa-phu, tiết-phụ, cho đến gian-thần, tặc-tử, ẩn-dật, tăng-nê, v.v.

Tiếc rằng : sử sách của tiền-nhân viết, phần nhiều theo phương-pháp người Tàu, nghĩa là chưa có sử học chuyên khoa ; thành-thử, có chỗ thiếu, có chỗ thừa, như Trương-Đăng-Quế đã phê-bình ; dầu sao, chúng-ta cũng phải lấy thực-lục làm bằng, chỗ nào chưa rõ, chúng-ta mới nghiên-cứu vào sách khác.

Nay chúng-ta đọc Liệt - truyện triều Tự-Đức, về phái phụ-nữ, từ xưa đến nay, chưa thấy ai có đủ đức tánh như bà Từ-Dũ.

TỪ-DŨ

Ngày nay, tại Thủ-đô Sài-gòn, để kỷ niệm công đức của Bà, Chính-phủ Cộng-hòa, đã xây dựng một tòa nhà hộ sinh, lấy tên là « Nhà Hộ-sinh Từ-Dũ ». Bà người miền Nam, con cụ Phạm-Đăng-Hưng, một vị danh thần, đã phò vua Gia-Long hơn 20 năm, trước ngày thành đế nghiệp. Sau tiếp phò vua Minh-Mạng, tô-bồi nền văn-hóa cổ-truyền.

Chính tự tay Cụ đã tu chỉnh Ngọc-điệp nhà vua, thế-hệ dòng Nguyễn-phước.

Cũng triều Minh-Mạng, Cụ đưa con vào thanh-cung, làm Hoàng-Trưởng-tức, làm dâu trưởng nhà vua ; đến năm Tân-sửu (1841), Hoàng-Trưởng-tử là Mông-Tông lên nối ngôi, triều Thiệu-trị kiến-nguyên, thì Bà lại tận-tụy theo chức vụ làm vợ vua ; chúng ta có thể hình-dung người đàn-bà trong cung, làm dâu là làm tôi, làm vợ là làm tớ. Trong bài Mẫn-Thế-ca của vua Tự-Đức, có câu : « Tôi trời chúa, vợ trời chồng ! » Dầu chúng ta hình dung, không đúng cả mười phần, song cũng không sai lắm.

Phép phán-đoán cũng không kém phần quan-trọng, nếu chúng ta muốn nhìn nhận hoàn-cảnh của người nào ; dầu là dùng trí tưởng-tượng một phần lớn, song cũng phải dựa vào tài-liệu trong sử sách. D'Alembert, một nhà sử học trứ danh của Pháp, đã nói : « Nhiều người đọc sử, chỉ nhìn nhận những gì đích xác, cũng như người quen ngó những gì dưới ánh sáng, đến chỗ không đủ sáng, thì người khác còn thấy rành-rành, vẫn nhận được hình sắc một cách tương-đối ; mà người đã quen ánh sáng, thì chẳng thấy gì. Trong sử có toàn là đích xác cả đâu, chúng ta phải dùng trí tưởng-tượng mà phán đoán ! »

Ý-kiến trên đây lý-luận thì đúng, song theo thực-tế, dầu là dùng trí tưởng-tượng, người đọc sử cũng chỉ có quyền hạn đến một mức nào ; nếu phán-đoán quá tự-do, không lấy sách làm bằng, thì không phải là đọc sử nữa. Như hoàn-cảnh của bà Từ-Dũ, theo trí tưởng-tượng, chúng ta cho là sung-sướng, hay là cực-khổ, nếu chúng ta tự đặt mình vào thời-đại của người.

Qua triều Tự-Đức Kiến-nguyên từ năm Mậu-Thân (1848), thì người lại làm chức Thái-Hậu là mẹ vua, từ 36 đến 74 tuổi. Về vật-chất, thì của một nước mà chỉ cung-phụng một người, có thiếu thức gì ; về tinh-thần, thì còn gì hơn là làm mẹ một ông vua có hiếu. Thế mà bà Thái-Hậu chẳng biết gì là sung-sướng, thường nói với các bà trong Nội rằng : « Theo sách Tàu, thì người góa chồng là « vị-vong-nhân ». Người chưa chết, vẫn còn, mà không phải là sống, tồn, mà không phải là sinh. »

Theo quốc-sử, thì mỗi khi có tiết lễ, như những dịp Tết, hay là ngày Thánh-thọ, thì Bà ban ý-chỉ với vua « Miễn tất cả các lễ nghi, để cho thần dân khỏi phiền phí ! » Bà lại

khuyên con nên tăng gia tiết kiệm : của nước chỉ dùng vào những công việc ích quốc lợi dân.

Những lời châu ngọc ban ra, vua Tự-Đức đã ghi vào bản « Từ-Huấn-Lục ! — Sao lại lời mẹ dạy con — Trước kia, bản nầy cất trong Kim-quĩ, cùng với bửu vàng tỷ ngọc của nhà vua ; nay để theo đồ thờ tại Khiêm-cung ; tiếc cho những ai chưa thấy nguyên văn, để tưởng-tượng vai tuồng của một bà vương-mẫu.

Theo luật tương-đối, thì hễ hưởng nhiều hạnh-phúc hơn người, tất phải chịu thống-khổ hơn người, như bà Từ-Dũ. Từ ngày vua Tự-Đức băng, thì bà bị điếc, bị lòa, tổ nghiệp cũng bị người ngoài xâm chiếm. Trong thời-kỳ nước không có chủ, các đảng phái tranh quyền, phe chủ chiến, phe chủ hòa, không thể tương dung, phe nào cũng trá lệnh Bà Từ-Dũ truyền ra như : giam Vị tự-quân là Ưng-Chân, để lập vua Hiệp-Hòa Hồng-Dật ; rồi giết Hồng-Dật một cách rất tàn-nhẫn, để lập vua Kiến-Phúc Ưng-Đăng ; tôi hậu, tôn Ưng-Lịch lên, tức là vua Hàm-Nghi, mới 13 tuổi !!!

Ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu(1885), Kinh-thành thất-thủ, Tôn-Thất-Thuyết phò vua Hàm-nghi và Lưỡng Cung (Bà Từ-Dũ, Bà Trang-Ý) ra Tân-sở tại Quảng-trị, để chuẩn-bị chiến-tranh. Chỉ ở được một ngày, thì Bà Từ-Dũ nhất định trở về, để lo hương khói tại Xương-Lăng ; Bà Trang-Ý cũng đòi về ở Khiêm-cung, để chầu hầu Dực-Tôn Anh-Hoàng-đế.

Khiêm-cung là lăng vua Tự-Đức, khởi công kiến-trúc từ năm 1864, gọi là sở Vạn-niên, nghĩa là sở muôn năm, tốn rất nhiều công, trong là thành (thành bao quanh), làm miếu, xây lăng, đào hồ, đắp núi. Dưới hồ có tạ, trên núi có đình. Mỗi nơi đều mang tên có chữ « Khiêm », vua muốn có trăm chữ Khiêm, như Khiêm-cung là một.

Sở-dĩ vua Tự-Đức thích chữ Khiêm, đặt tên lăng là Khiêm-Cung, là vì trong bản Từ-Huấn-Lục, Bà Từ-Dũ thường lấy chữ ấy mà khuyên răn. Trong Kinh Lễ có câu : « Quân-tử dĩ khiêm thổi vi lễ. » — Quân-tử lấy nhún-nhường làm đạo-lý ở đời. — Kinh-Thi có chữ : « Khiêm thọ ích » — Khiêm tốn là hay. — Kinh Dịch cũng có câu : « Nhân đạo ô dinh nhi háo khiêm. » — Đạo lý của con người : đầy thì tràn, lưng thì còn thêm mãi.

ĐOÀN-HỮU-TRƯNG

Khiêm cung mới xây 18 tháng, thì có giặc nổi lên : một nhà ba anh em họ Đoàn, Hữu-Trưng, Hữu-Trực, Hữu-Ái, muốn hóa gia vi quốc. Họ bèn giao du với những nhà tiềm tâm phiến biến, và xét đò dư-luận, thường lai vãng sở Vạn-niên ; lại kết bạn với bọn lính, bọn dân, thì nghe bọn ấy hát thì-thầm :

« *Vạn-niên là của vua nào,*
Thành xây xương lính, hồ trào máu dân ! »

Sau khi nhận thấy dân tình oán thán nhiều, ba anh em mới thế-phát, khoác bộ cà-sa, đầu tròn, hình vuông,

vào chùa Pháp-Vân gần chợ Khoai, thuộc làng Dương-xuân, có Nguyễn-Văn-Quý là bạn đồng-chí làm Trù-trì, ba sư vào qui y thọ giới.

Cửa Phật rộng, các sư mở đại trai đàn, phước đẳng hà-sa, mặc sức cho các sư đong mà bán. Phía trước chùa thì tụng kinh, trì chú ; phía sau liêu thì mở sổ quyên tiền. Tín nữ, thiện nam, đua nhau đến ghi tên, cúng nhiều thì được phước nhiều ; sổ lạc quyên được bao nhiêu, chi để mua binh khí.

Các sư còn sợ : binh xuất vô danh, bèn may một lá đại kỳ, do tay Thể-Cúc vợ Đoàn-Hữu-Trưng thêu bốn chữ : « Hoàng tôn nghĩa cử ! » Chỉ một lá cờ ấy đủ hấp dẫn quần chúng ; Hoàng tôn là cháu vua Thiệu - Trị, con Hồng-Bảo bị chết một cách oan uổng, cách đó mười mấy năm ; còn quân thì lấy vào đâu, Đoàn - Hữu-Trưng đã trù tính trước.

Liền khi ấy, tức là đêm 18 tháng 9 năm Bính-dần (1866), triều Tự-Đức năm thứ 19, Đoàn.Hữu.Trưng đi võng điều, lên sở Vạn - niên, mạo xưng là Tham.tri Bộ.Binh, đến tuần tra công tác. Mở sổ kêu từng tên để điểm lính, thì phần nhiều quan Đồng-lý đã bán ; thành - thử, không có mặt, chỉ có tên. Đều bị bệnh sốt.rét rừng đau mà không thuốc.

Quan liền hạ lệnh, cho nghỉ việc một thời.gian, hầu theo võng mà về thành, vác theo cả chày nện vôi, để có giao cho bọn lính khác.

Đến chợ Khoai, kiểm điểm còn hơn trăm suất, các sư đổi áo cà.sa ra áo chiến, thắt lưng đỏ, nắm gươm trần kéo cả đạo quân qua đò Trường-Súng, chờ cửa thành mở thì vào.

Tôn-Thất-Cúc, Thống-chế, đã chực trước Ngọ-môn, là một yểu-nhân, để chỉ nẻo đưa đường cho đẳng. Đến nhà Duyệt-thị, chỉ còn cách một bức tường nữa, là đến long-sàng tại điện Càn-thành. Gươm vua xa mà gươm ngụy gần, lính canh thấy quân vào đông thì trốn hết. Chỉ có Hồ-Oai là Chưởng-vệ, cầm gươm để hộ thân, thì bị Đoàn-Hữu-Trưng chém đứt mất một tai ; máu cứ chảy, miệng cứ la : « Bây là bọn lính sở Vạn-niên, sao đi theo giặc ? » Bọn lính khi ấy hồn mới tỉnh, liền trở mặt, bắt đầu các tướng để lập công.

Một vợ bốn con của Đinh-Bảo, là Đinh-Đạo, Đinh-Tự, Đinh - Chuyên Đinh-Tường, đương giam giữ tại binh xá Phủ Thừa-thiên, đồng thời bị lên đoạn-đầu-đài, chung một án với ba anh em họ Đoàn, đã kéo cờ nghĩa cử.

Vụ án nầy đã làm cho cả Kinh thành sôi-nổi, nóng lại những gì đã nguội gần 16 năm rồi, kể từ ngày Hồng-Bảo anh vua Tự-Đức bị cải qua họ mẹ là họ Đinh, rồi bị giam, bị chết trong nhà tù, mà án chưa thành, sử biên là « tự sát. »

Vậy chúng-ta phải đi ngược dòng lịch-sử, để ý-thức một việc, đã bị khuất-lấp với thời-gian. Theo Thực-lục Chính-biên, thì bên năm thứ 6 triều Tự-Đức, Hồng-Bảo gởi thư, yêu-cầu vua Cao-Mên cho binh sang can-thiệp, để thâu-hồi quyền-lợi trên chiếc ngai vàng. Có người bắt được

thư, thành - thứ, Hồng-Bảo là An-phong-Công can án.

Vì sao vua Thiệu-trị để Di-chiếu, lập Hoàng-nhị-tử Hồng-Nhậm lên nối ngôi, mà không lập Hoàng-Trưởng-tử Hồng-Bảo theo nguyên-tắc ? Đó là lịch-sử để cho chúng-ta một chỗ hoài-nghi, mà chúng-ta, theo phương-pháp đọc sử, phải nghiên-cứu để tìm chứng cớ, nếu muốn nhận-thức phê-bình.

Theo tâm lý vua Thiệu-Trị, thì người kế-thống tất phải có tiên-thiên bảo-đảm, nghĩa là con dòng cả hai bên. Hồng-Bảo tuy là trưởng, song do một bà người Thuận-Cần họ Đinh sinh ra, về tiên - thiên có pha huyết tanh dòng dân Thổ. Vậy phần tiên-thiên của Hồng-Bảo đã không bảo-đảm, thì không nên cho kế-thống ; nếu không làm Di-chiếu, thì Trương-Đăng-Quế sẽ theo nguyên-tắc tôn dòng trưởng lên chiếc ngai vàng : suy nghĩ đã cùng, bất-đắc-dĩ mới phải làm tờ di chiếu, vua Thiệu-Trị rất khổ tâm, vì cha thấy rõ số phận của con : Nhà Đinh, anh em giết nhau, do vua Tiên-Hoàng phế trưởng lập thứ : nhà Lê cũng vậy, vua Đại-Hành lập Long - Việt lên làm Thái-tử, thì Long-Đĩnh giết, là lẽ tất nhiên.

Theo sử-liệu mà chúng ta đã dùng làm bằng-chứng, thì vụ án Hồng-Bảo không phải là em giết anh, mà chính là giết con một cách gián-tiếp. Nhờ Hồng-Bảo có học, tuổi lớn, suy-nghĩ nhiều, cố giữ-gìn chức-phận làm tôi, hơn 6 năm chầu hầu theo địa-vị Hoàng-thân, chỉ mong trên vua tin cho tấm lòng trung nghĩa.

Song dầu Hồng-Bảo cúi lòn đủ lễ, vua Tự-Đức càng chẳng yên lòng, khi nào cũng vẫn hoài nghi ; đã có hoài nghi, tất có để ý. Bọn chầu hầu hai bên, mong gãi cho nhằm chỗ ngứa, mới tự cầu tạo ra một tấn tuồng, mỗi lớp mỗi màn, kẻ cao chừng nào, công cao chừng nấy.

Chúng ta đã thấy trên sân khấu, Hồng-Bảo bị bắt, bị giam, song Hồng-Bảo không có chủ mưu, thì dầu làm thế nào, Hồng-Bảo cũng không vu phục. Chúng ta đọc sử, đến lớp « Hồng-Bảo tự-sát », mới thấy chỗ thâm tâm của người đã đặt tấn tuồng ; vua khỏi mang tiếng giết anh, quan cũng khỏi kết án tử hình mà không đủ chứng.

Còn một chỗ mà chúng ta phải tìm hiểu, là Hồng-Bảo tự-sát cách nào ? Huống chỗ giam cầm, nhất là đối với chánh-trị phạm, bao giờ cũng nghiêm thiết, người canh-giữ kiểm soát cả đồ ăn uống, cho đến đồ phục-sức, người bị giam dầu muốn tự sát, cũng không có phương-tiện để thực hành. Chúng ta khảo cứu đã cùng, mà lớp màn nấy, vẫn còn chịu ở trong mờ-ám,

Đến triều Khải-Định, chúng ta thấy Hồng-Bảo được khai phục trước Công phần mộ cũng được cải táng. Vua đặt một Hội-đồng thi hành việc ấy, trong Hội.đồng có cụ Ưng - Dinh, nay tuổi đã 90, buổi ấy làm Tham-tri Bộ Hình, vua Khải.Định có ý lựa một người trong Hoàng gia, để coi công việc cho chu-đáo. Theo

lời cụ Ung-Dinh kể lại, thì nguyên mộ An-phong-Công tại chân núi Ngự-Bình. Khi đào lên, thì quan-tài đã mục nát hết rồi, trên hương cốt, có một viên đá chặn lên, như cố yểm cho khỏi phát đế-vương, theo nhà phong-thủy.

Cụ Ung-Dinh kể tiếp, rằng: « Khi ấy, có phụ-lão ở Lâm-Bàng đến nói, thì không phải nhà phong-thủy cố yểm làm gì; họ có nghe người trước nói rằng: « Trong khi Đinh-Bảo bị giam, có một bức tường sập xuống; viên đá còn đó, chính là vật sát nhân! »

Nhờ cụ Ung-Dinh, mà chúng ta được thích nghi, lại nhân thấy rõ ràng: Người làm lớp tuồng, không sót một chút nào, cho đến đem viên đá chôn theo, để làm tang chứng. Sở-dĩ sử biên « tự sát » là có ý nói: Đinh-Bảo tự thú tội, và tự xử tội, trong khi tự kết liễu cuộc đời.

Nếu không có bọn giặc « Chày-vôi, » thì sự tích của An-phong-Công còn nằm trong mờ ám. Chúng ta cũng tiếc, nếu cụ Trương-Đăng-Quế còn tại thế, thì vợ con của Hồng-Bảo không đến nỗi bị tru-di.

TRƯƠNG-ĐĂNG-QUẾ

Về Thực-lục, chúng ta đã đọc truyện bà Từ-Dũ, truyện tên Đoàn-Hữu-Trưng, và đã phê-bình; nay chúng ta muốn nhận-thức sự-nghiệp của một nhà đại-nho giáo, suốt đời đã chịu hy-sinh, trước lợi-quyền của dân của nước.

Truyện Trương-Đăng-Quế, Tuy-lý Vương có tâu với vua Tự-Đức rằng: « Triều Minh-Mạng, chúng tôi theo học với Thân-Văn-Quyền, sau chúng tôi có thọ-nghiệp với Trương-Đăng-Quế và Phan.Thanh-Giản. Tôi hậu, chúng tôi chỉ chuyên học anh tôi là Mâng-Thẩm. Bốn nhà này, chưa bàn đến văn thơ, chỉ xét về tư-cách làm người, thì mỗi việc làm, mỗi lời nói đều là thước ngọc khuôn vàng; còn về học.thức thì rất uyên-thâm, từ xưa đến nay, chúng tôi chưa thấy một nhà nào như thế. » Những lời trên nầy, có đăng trong tập văn Vỹ.Dã, quyển nhất. Vậy thì về Trương-Đăng-Quế, Tuy-ýL.Vương đã nhận-thức phê-bình.

Cũng trong tập văn Vỹ-Dã, quyển bốn, Tuy-Lý-Vương có làm bài « Thần đạo-bi », trò kể sự-nghiệp của thầy, chạm vào bia; nay chúng ta không phê-bình gì thêm, chỉ lấy vài đoạn trong bia, cũng đủ.

Tiên.sinh người làng Mỹ-Khê, phủ Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Nghĩa. Từ thuở nhỏ, về văn-học, tiên-sinh đã nổi tiếng đầu cả miền Nam. Khoa Kỷ-Mão (1819) ra Huế thi, khi đi qua Hải-vân-quan, thơ tiên-sinh có câu, đến nay vẫn còn truyền tụng:

« Cử đầu sơ nhật thượng,
« Hồi thủ chúng sơn đê ».

— (Nhìn lên vùng ánh sáng, Ngó xuống dãy non xanh). — Vùng ánh sáng, là tượng trưng có chúa anh minh; dãy non xanh, là nói bạn thanh niên, căn bản tương-lai của nước.

Tiên-sinh đậu Cử-nhân khoa ầy, đến năm thứ 14 triều Minh-Mạng, (1833), tiên-sinh đã làm đến Thượng-thư Bộ Binh. Về chính-trị về kinh-tế, tiên-sinh là nhân-vật duy nhất của thời đại ; ngoài Bắc có giặc, vua nhờ tiên sinh ra, trong Nam có bọn phiền loạn ở Cao-Mên sang, vua cũng nhờ tiên-sinh đối-phó.

Đến tháng chạp năm thứ 21 (1840), vua Minh-Mạng vời tiên-sinh đến một bên Ngự tháp ; lúc ầy tiên-sinh tuân mạng, tuyên bố giữa Tôn-nhân và Đình-thần rằng : « Hoàng-đế ban : Mâng-Tông Hoàng-trưởng-tử sẽ nối ngôi ! » Tiên-sinh đóng vai Cổ-mạng Lương-thần được vững-vàng, là nhờ đã có sẵn uy-tín.

Suốt 7 năm triều Thiệu-trị, tiên-sinh cầm cán nước, điều-khiển cả các cơ-quan, từ Bắc đến Nam, lúc ầy nhà nước đương tuyển cán-bộ chính-trị trong bạn nhà Nho, có ba khoa Điện thí, tức là chọn hạng Tiến-sĩ xuất-thân, thì tiên-sinh làm chức Độc-quyền, nghĩa là chầm quyền thế vua, duy tiên.sinh là sĩ-phu đều tôn lên bậc thầy, bậc Sơn-đẩu,

Tháng 9 năm Đinh-Vị (1847), vua trao cho tiên-sinh bản Di chiếu nhờ phò Hoàng-nhị-tử Hồng-Nhậm kế thống ; vậy tiên-sinh chịu chức Cổ-mạng lần thứ hai, vua Tự-Đức lên ngôi, mời thêm Nguyễn-Tri-Phương, Võ-Văn-Giải, Lâm-Duy-Nghĩa, đồng sung Phụ-chính.

Năm 1855, tiên-sinh soạn xong pho Hội-điển, năm 1856, tiên-sinh tu-chính pho Việt-sử ; ngoài ra, về chính-trị, về văn-hóa, nhà-nước kiến-thiết những cơ-quan gì, vua cũng phải nhờ tay tiên-sinh tổ-chức. Tuy tiên-sinh có vạn việc, song khi nào cũng ung-dung ; người ta đã hình-dung tiên-sinh bằng một câu thơ :

« Ưu dân như hữu bệnh,
« Kiến khách lợ vô quan ! »

— (Lo cho dân, như dân đương mắc bệnh ; khi tiếp khách, thì như người không có một chức vụ gì.)

Tiên-sinh làm Tể-tướng hơn 20 năm, Cung hàm đến Thái-sư, Tước phong đến Quận-Công, Điện hàm đến Cần-chính, thế mà ngày tiên-sinh về hưu, tại làng chỉ có một nóc nhà tranh, tiên-sinh có để trước cửa ngõ một câu đối rằng :

« Cố quận tự liên vô biệt nghiệp
« Thử sinh nguyện dĩ hứa vi thần ! »

— (Về làng chẳng có cơ-đồ sẵn ; Giúp nước không màng lợi lộc riêng.)

Tiên-sinh vẫn tự hào, thường nói với con cháu rằng : « Nếu muốn có lầu đài, thì ngày xưa ta đã đi làm nghề khác ! »

Trong dân tộc Việt-Nam chúng-ta may có Trương tiên-sinh đại-biểu, trên cõi Đông-Nam-Á, chúng-ta có thể hãnh-diện với người. Cả đời công, cả đời tư, tiên-sinh tự giữ được hoàn-toàn, trong nước cũng như trong nhà, không ai dị nghị gì được nữa.

Tiên-sinh có để lại một tập thơ, một tập văn, tác-giả tự đề là : « Học văn dư tập. » Nghĩa là làm bản phận có thừa thì-giờ, mới học đến nghề văn thơ. Trong bài tự tựa, tác-giả cũng tự thú rằng : « ... Thơ của ta, không làm theo sáo ; thành-thử, không theo phép có câu phá, có câu thừa ; ta chỉ tùy hứng viết ra, làm theo tình tính.... »

Mất năm Ất-sửu (1865), năm thứ 18 triều Tự-Đức, tiên-sinh hưởng thọ 73 tuổi. Cái quan định luận, trong bài Thần-đạo-bi, Tuy-lý-vương, vừa là Hoàng-tử, vừa là Hoàng-đệ, vừa là Hoàng-thúc, đã chứng kiến suốt đời, mới dám viết câu : « Tìm cả ngàn xưa, chưa từng thấy có người như thế. » (— Cầu chi thiên cổ, duyệt sở hãn kiến. —)

Thế mà ngày nay, có người phê-bình quá tự-do, nghĩa là không lấy sử sách làm bằng-chứng ; đã không bằng-chứng, tức thị tạo vu. Trong sách Lữ-Khôn có câu : « Ngôn ngữ chi ác, mạc đại ư tạo vu. » Có tổn hại đến danh giá của người đồng thời, hay là người thiên cổ.

Mới đây, trong báo Lành-Mạnh số 50, có người nói : « Viết nên sử sách, lưu lại hậu thế, không khéo, có hại cho hậu-thế hiểu lầm. » Vậy thì muốn phát-minh, phải chứng-minh, khi phê-bình bao biếm. Chúng ta sợ độc-giả không có thì-giờ phán-đoán, toàn tin vào sử sách, vào báo chương, ngộ nhận rồi phụ họa theo, ai là người sẽ mang trách-nhiệm ? Người đọc hay là người viết ?

ƯNG-TRÌNH

IMPRIMERIE NOUVELLE
D'EXTRÊME - ORIENT
(INDEO)
Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.?21 — Boîte postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

CIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

tìm hiểu người thanh-niên

★ NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

(Xin đọc từ B. K. số 100)

Còn một điểm nữa, là trong cái ham muốn của tuổi trẻ, ta thấy có một *sự cự-tuyệt* và một *sự qui-tội* gì đây. Họ chọn cái nầy để từ-chối cái kia, nhưng không biết từ-chối gì. Vì có sự hòa-trộn đó, nên họ có thể đi từ cực-đoan nầy đến cực-đoan kia, dễ dàng lắm.

Một đôi khi ta ngạc-nhiên thấy họ đang làm việc này, lại bỏ đi làm việc khác, mặc dầu họ đã đem hết cố-gắng và năng lực để làm công việc trước. Bởi lẽ sự từ-chối, cự-tuyệt lúc nào như cũng sẵn sàng chờ cơ-hội để biểu-hiện ra.

Từ-chối, cự-tuyệt cái gì ?

Ở vào giữa hai tình-trạng : trẻ con và người lớn, họ do-dự, không thể mỗi chốc đi ngay tới tuổi trưởng-thành mà không gạt tuổi thơ-ấu của mình đi, và cái đó mới khó. Khác nào cảnh-ngộ của một kẻ cùng-đinh, thất-nghiệp, bỗng dưng trở nên người triệu-phú, có địa-vị cao sang, sao khỏi lúng-túng trong buổi đầu, thay bực đổi ngôi ?

Nhưng gạt đi không có nghĩa là đoạn-tuyệt. Tuổi trẻ, đôi khi lại có khuynh-hướng ly-khai với dĩ-vãng của họ, để bước vội sang con đường của người lớn đi. Và sao không khỏi bỡ-ngỡ khi đứng trước một tình-trạng mới ? Tránh sao khỏi được những cuộc xung-đột sẩy ra, trong gia-đình, và chính ngay cả trong nội-tâm mình nữa ?

Khi một thiếu-nữ đoạn-tuyệt với dĩ-vãng một cách đột-ngột, họ trở nên người con rất khó chịu, có khi tai-ngược đối với gia-đình, nhất là với mẹ, với anh chị em. Nếu là chị cả, họ nóng nẩy, hách-dịch, đối với các em. Và có khi, như con trai, họ bỏ nhà đi.

Còn một hình-thức chống-đối nữa. Lần này họ không đoạn-tuyệt với dĩ-vãng,

nhưng lại *gạt bỏ tương-lai*. Họ sợ tương-lai, sợ cái gì mới, và riêng sợ đàn ông. Lúc nào họ cũng nơm nớp đề phòng, tự-vệ, coi nam-giới như kẻ thù địch. Nhiều khi họ thường nói ra miệng : « không thích làm con gái, muốn là con trai, vì theo họ, đỡ nguy-hiểm hơn. »

Dĩ-nhiên, như thế, họ không giữ được thế quân-bình, và họ có những hành-động « chướng kỳ », đảm biến tính, như một kẻ điên-khùng.

Tất cả những hành-động nói trên của thanh-niên nam-nữ chứng tỏ rằng *tuổi trẻ, tuổi thanh-xuân là tuổi của biết bao vấn-đề*, cũng như khi trước, tuổi thơ là tuổi hay hỏi.

Đến tuổi dậy-thì, họ muốn được tự-do, tự-trị sớm ; họ có nhiều nhu-cầu liên-hệ đến cuộc tiến-triển của tuổi trẻ. Cha mẹ, vì không biết có sự tiến-triển đó, chỉ nhìn thấy, trong thái-độ của con, những khía-cạnh tiêu-cực, như bướng-bỉnh, cứng đầu, cứng cổ, hỗn-hào, vô lễ... v..v... và không trông thấy mặt phải của hiện-tượng, không hiểu rằng hiện-tượng kia giữ một vai trò quan-trọng trong việc tu-dưỡng tính-tình, và phát-huy nhân-cách của đứa trẻ.

Sự va-chạm giữa tuổi trẻ và gia-đình không thể tránh được. Điều cần thiết là không nên « quan-trọng hóa », tránh sao đừng để có những cơ-hội làm bùng nổ các cuộc va-chạm, lâu dần đi tới tan vỡ.

Vì không hiểu nhu-cầu của tuổi trẻ, không rõ những đặc-điểm của tuổi xuân, thiếu kiên-nhẫn và tin cậy, không biết cách giúp đỡ, hướng-dẫn trẻ ở tuổi dậy-thì, nhất là không tạo được nên những hoàn-cảnh thuận-tiện trong gia-đình, nên cuộc tiến-triển kia, đáng lẽ chỉ có tính-cách tạm-thời, sinh ra biến-loạn, mà kết-quả là những vụ xung-đột giữa con và cha mẹ, rồi giữa nó với xã-hội.

Nói cho đúng ra, nhiều khi ta không nhận ra sự tiến-triển nói trên. Vì hai lẽ : có khi không rõ rệt ; nhiều lúc, bởi không kê vào loại nào được..

Còn một lý do nữa, là chính ngay gia-đình cũng phức-tạp : cha mẹ, hoặc không đồng-ý nhau ; hoặc hùa nhau lại để đè nén con ; anh chị em xúm nhau lại chòng ghẹo, chế giễu. Đứa trẻ càng lớn, gia-đình lại càng lo, lo cho tương-lai, cho hạnh-phúc... và ảnh-hưởng của mối lo kia, là *nóng nẩy, cáu kỉnh*.

Khi một đứa nhỏ lên ba kêu gào, ta bực mình đấy, nhưng không bận tâm, sẵn sàng tha thứ, bỏ qua. Nhưng nay đã lớn, không ai khỏi lo ngại : thầy thuốc tỏ-vẻ dè dặt, hy-vọng rồi đâu sẽ vào đấy ; thầy giáo lắc đầu, không biết khuyên nhủ sao ; ông bà, nếu còn sống cũng đành bó tay chịu. Cha mẹ hết lo cho con, lại lo cho mình, và lại càng cáu-kỉnh

Xung đột vì những lý do đó.

Nào chỉ có thế ! Còn bao nhiêu yếu-tố khác nữa ngoài gia-đình, nhưng có ảnh-hưởng lớn đến gia-đình : nào chuyện buồn, chuyện lo trước thời cuộc, nào bao sự khó khăn, đe-dọa của đời sống hằng ngày...

Chúng ta hiện đang sống ở một thời-đại mà mọi việc đều tiến-triển quá mau lẹ, trong những hoàn-cảnh, mặc dầu do con người tạo nên, nhưng không thích hợp cho con người. Đời sống nhộn-nhịp, máy-

móc, thiên nhiều về vật chất hơn về tinh-thần, đâu có phải là đời sống thiên-nhiên, đâu có đem lại cho ta thế quân-bình? Có lẽ, muốn thích-nghi với hoàn-cảnh do Khoa-Học và Kỹ-thuật tạo nên, phải hàng năm, hàng thế-kỷ là ít. Sự phát-minh ra những phương-pháp, cùng thuốc để « an-thần », mỗi ngày một nhiều, chứng tỏ rằng đến một mức độ nào của nền văn-minh cơ-giới, thần-kinh của con người ta không thể kham được nữa, và ta không nên ngạc-nhiên thấy cha mẹ cáu-kỉnh, gia-đình cáu-kỉnh, con cái bực dọc.

Những cuộc giải-trí, gọi là lành mạnh, mặc dầu có lành mạnh thật chăng nữa, vẫn không thể đem lại thế quân-bình, dưới dấu-hiệu tốc-lực, ồn-ào, nhộn-nhịp.

Ngày nay, ai còn tự-hào hưởng được những giờ phút hoàn-toàn tĩnh mịch?

Ai là người bị lôi cuốn trong trận cuồng phong mà không có lúc, cảm thấy bứt rứt, một mối buồn man-mác vu-vơ? Ai còn giữ vững được một tâm-hồn thanh-thản, bình an, vui tươi?

Có nhiều người nông nổi cho rằng thời trước, dạy-dỗ con đâu có phức-tạp như ngày nay, mà sao họ (nghĩa là chúng ta đây) vẫn ngoan-ngoãn, nên người như thường. Cần gì phải áp-dụng những phương-pháp, mệnh-danh là khoa-học, và gạt bỏ phương-pháp giáo-dục cổ-truyền, dựa trên những nguyên-tắc, tuy không bất-di bất-dịch, nhưng cũng khá vững-vàng, có tính-cách trường cửu? Rồi đây, tương lai sẽ trả lời cho ta biết ai phải, ai không, trong hai phái tân, cựu.

Thật ra, tương lai cũng không cho ta biết gì hết. Vì những vấn-đề của chúng ta, không thể ví như vấn-đề của ông cha ta được. Trong một thế-giới vững-vàng, ổn-định, mà an-ninh của mọi người không bị đe-dọa, có thể bình-tâm được; mối giao-thiệp trong gia-đình rất dễ-dàng, và áp-dụng bất cứ phương-pháp nào cũng vô hại.

Nhưng ngày nay ta thấy, *từ một cái vọt, bình-tĩnh mà vọt, đến một cái roi khi cáu-kỉnh giáng xuống, khác biệt bao!*

Cái vọt thứ nhất, có thể coi như một sự trừng-phạt đích-đáng, công bằng. Còn cái roi sau, dù chẳng oan uổng nào, có thể bị coi như bất-công, thiên-vị.

Có người biết mình có tính nóng « như lửa », và mỗi khi lên cơn, làm cho vợ con khiếp-đảm, mà nhiều lúc vẫn không dẹp nổi cơn nóng, không « làm chủ được gân cốt ». Nhưng nếu đứa trẻ tin chắc ở tình thương yêu của cha mẹ, nó vẫn chịu nổi như thường. Có trẻ bị mẹ mắng thậm-tệ, nói với bạn, với một giọng hồn-nhiên: « Đó là thông-lệ. Bà cụ « giận cá thì chém thớt, mắng chó, chửi mèo, mình cũng chẳng nên bận tâm lắm ».

Không dẹp nổi cơn nóng là một điều đáng tiếc, nhưng cứ cố chấp cho mình cáu, rồi có quyền chửi bới là phải, là một điều đáng tiếc hơn. Chúng tôi tin rằng khi nào các bậc làm cha mẹ có thể dịu-dàng nói với con một câu như thế này: « lúc nãy mẹ nóng, vì có nhiều chuyện bực mình, và không may cho con gặp lúc đó, chứ thật tình mẹ, cũng biết không phải lỗi ở con », chúng tôi tin rằng uy-tín của cha mẹ đối với con, lòng kính nể của con đối với cha mẹ, không vì thế mà giảm.

Chúng tôi không đề cập ở đây phương-pháp để « trấn tĩnh » thần-kinh, thuộc về y-học. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ, trước khi cầu-cứu đến Khoa-Học, ta có thể đề-phòng được một phần nào tật đó, bằng cách giữ được thế quân - bình giữa thì giờ dành cho con, dành cho mình (công việc sở, buôn bán, nội-trợ...) và sau hết, thì giờ rảnh cần cho ta để nghỉ - ngơi, dưỡng-sức, hay giải-trí.

Vì trừ một thiểu-số phụ-huynh ra, bỏ liều con, không săn-sóc, bảo ban, chỉ mải chạy theo « bả phú-quý, vinh - hoa », « ăn lấy đời, chơi lấy sướng », tự coi mình như vô trách-nhiệm với gia-đình và xã - hội, cho rằng « đời cua, cua máy, đời cáy, cáy đào », còn biết bao bậc làm cha mẹ, trái lại, lúc nào cũng loay-hoay, thắc-mắc về con, không dám rời ra, không hiểu rằng chính mình cũng có lúc cần phải nghỉ ngơi, cần dưỡng-sức, tiêu-khiển, giải-trí, để cho tâm-hồn được thảnh-thơi, quên rằng khi trong người mệt mỏi, thì tự-nhiên năng-xuất kém sút, và giáo-dục gia-đình không khỏi bị ảnh-hưởng không tốt.

Cha mẹ càng hoà-hợp, bình-tĩnh, vui vẻ, thì con cái càng được vững-tâm. Nếu trẻ, khi sống dưới mái gia đình, cần được cha mẹ thương yêu, cần được vững-tâm, tự-do để nẩy-nở, thì những nhu-cầu của cha mẹ, cũng phải được thỏa-mãn. Có thế mới giữ được thế quân-bình trong cuộc sống chung, và tìm ra một phương-pháp hiệu-nghiệm để đối-phó với sự nóng nẩy, một trong những tai-họa đáng kể của thời-đại vệ-tinh, hỏa-tiễn này.

Để các bậc phụ-huynh hiểu được một phần nào tâm-hồn phức-tạp của tuổi trẻ, nào sự mâu - thuẫn, do - dự, ngờ vực, chống-đối của họ, cùng những mối-tình u-ẩn... chúng tôi xin trích ra đây một vài đoạn trong cuốn « Nhựt-Ký của Anne Frank », một cuốn sách đã được cả thế-giới đọc, đã từng được nhiều lần đưa lên sân khấu Âu-Mỹ, và lên màn ảnh.

Anne Frank là một thiếu-nữ, gốc Do-thái. Hồi chạy loạn với gia-đình sang Hòa-Lan để thoát ách quân Đức quốc-xã, nàng còn nhỏ. Nhưng khi quân-đội Hitler rầm rộ chiếm đóng Hòa-Lan, năm 1942, nàng đã 14 tuổi, cùng với gia-đình — gồm cha mẹ và chị gái — lẩn trốn trên từng gác thượng của một căn nhà bạn, với hai gia-đình nữa, đều là người Do-thái : gia-đình của Peter, một thanh-niên 16 tuổi và một nha-sĩ. Tất cả là 8 người, ẩn-nấp trong một gian nhà chật hẹp, trên hai năm trời. Chẳng nói, ai cũng rõ tình - cảnh bi - đát của những gia - đình kia, những nỗi khó khăn về tiếp-tế, lương-thực, thuốc men khi đau ốm, những mối lo-âu trước sự lùng bắt của quân thù. Từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều, không ai được đi lại, nói năng, gây một tiếng động nhỏ, sợ người làm dưới nhà biết và có thể đi báo được. Thêm vào đấy, lại còn cuộc sống chung đụng của một cặp trai gái đang ở tuổi dậy-thì, tâm-hồn của con trẻ, trong buổi loạn-ly, sao không bị ảnh-hưởng mạnh mẽ?

Anne Frank có ngờ đâu một ngày kia sẽ bị cầm tù? Nàng « giữ » cuốn nhựt-ký của nàng trong trên 25 tháng. Trang cuối cùng đề ngày 1-8-1944. Ba ngày sau, nàng và những người khác bị quân Đức bắt đi. Anne mất vào tháng ba năm 1945

tại một trại giam. Riêng có cha nàng và Peter là sống sót.

Nhờ có cuốn nhựt-ký của Anne Frank để sót lại, ta thấy rõ từng chi-tiết đời sống của những gia-đình bị giam cầm trong thời loạn, và nhất là tâm-trạng của nàng, được diễn-tả một cách tế-nhị, chân-thật vô cùng, tâm-trạng của một thiếu-nữ mới lớn lên, điển-hình của tuổi trẻ thơ-mộng, yêu đời, lúc nào cũng tin-tưởng vào tương-lai tươi-đẹp, mặc dầu ở trong cảnh biển, xung quanh mình, loài người chỉ nghĩ đến chém giết nhau, không khác gì loài cầm thú.

Nhận-xét về người lớn:

« Thật là kỳ quặc! Sao người lớn, vì một chuyện nhỏ nào cũng cãi nhau dễ dàng như thế? Trước kia tôi cứ tưởng chỉ có trẻ con mới « học-hặc » nhau thôi. Ừ, thì họ cãi nhau vì một lý-do đứng đắn cho cam. Đây họ « ném » cho nhau những lời trọc tức vô cớ, thường-xuyên nữa là khác. »

Vì một cuốn sách lấy của chị mà không hỏi: « Tôi nhượng-bộ ngay, và sau khi trả quyển sách, tôi ra khỏi buồng. Ba cho là tôi giận, nhưng tôi đâu có giận, tôi chỉ buồn thôi. Công-bằng mà nói, Ba chưa biết đầu cuối ra sao, đã vội mắng tôi. Đáng lẽ tôi trả cuốn sách của chị Mạc ngay, nếu Ba và Má đừng can-thiệp vào việc riêng của chúng tôi. Và nhất là đừng về phe chị Mạc. Có khác nào hùa nhau lại để trút cả lỗi lên đầu tôi? »

Đây là những phút chán nản của tuổi trẻ: « Tôi chỉ yêu họ, vì họ là mẹ và chị tôi. Nhưng đối với Ba thì khác hẳn. Mỗi lần thấy Ba ưa chị Mạc, vuốt ve, khen ngợi chị ấy, bênh chị ra mặt, cho chị làm gì cũng phải, tôi tức quá. Vì ở trên đời, tôi không yêu quý ai bằng Ba.

Tôi không ghen với chị Mạc đâu. Chị đẹp, chị thông-minh, cái đó không quan-tâm đối với tôi. Chỉ có một điều cần cho tôi, đó là tình thương của Ba, không phải là tình thương của Ba đối với một đứa con, mà tình thương của Ba, riêng đối với Anne.

Có lúc tôi muốn níu lấy Ba để nói ra hết những cảm-nghĩ của tôi về Má, nhưng Ba không muốn nghe. Mà chết nỗi, tôi lại không thể nói thẳng ngay với Má được. Không thể bảo cho Má biết là Má lộn-sộn lắm, Má nghiệt, Má khó chịu... và tôi không thể chịu được, lúc nào cũng bị buộc tội. Dù sao, tính tôi khác hẳn tính Má, và dĩ-nhiên, giữa hai mẹ con, phải có sự va-chạm. »

Và đây là kẻ bị giam-cầm, khát khao khoảng trời cao rộng mỗi độ xuân sang:

« Vừng thái-dương sáng chói lọi, nền trời xanh thẫm, gió hiu hiu thổi, và tôi thấy thèm, thèm đến phát điên... đủ thứ: thèm nói chuyện, thèm tự-do, bè bạn, nơi hịu-quạnh. Tôi muốn, đến phát điên... khóc. Tôi cảm thấy tôi muốn nổ tung ra. Tôi biết rằng nước mắt sẽ làm cho lòng tôi dịu đi, nhưng tôi không thể khóc được. Tôi đứng, ngồi không yên, đi từ phòng này sang phòng khác, dừng chân để thở qua khe cửa chớp đóng kính, và tim tôi đập, như muốn nhủ tôi: thì người còn đợi gì nữa? »

Anne muốn làm một đằng, nhưng người lớn hình như muốn làm trái hẳn:

« Tôi không nghĩ gì đến sự cực-khổ nữa, mà chỉ nghĩ đến *cái đẹp* thôi. Má

khác tôi ở chỗ đó. Khi thấy sự chán-nản và buồn bực tràn-ngập tâm-hồn, mẹ tôi thường khuyên : « Hãy nghĩ đến bao nỗi thống-khổ của thiên-hạ, và mừng được chỗ dung thân như thế này là may lắm rồi. » Nhưng tôi lại khuyên : « hãy đi, đi ra ngoài đồng nội bao la. Hãy nhìn Trời, nhìn Đất, rồi cố tìm cho thấy hạnh-phúc ở người và ở Đức Thượng Đế. Hãy nghĩ đến cái đẹp nó vẫn ở trong ngươi, và xung quanh ngươi. Cầu chúc cho ngươi được sung-sướng. »

« Theo ý tôi, lời khuyên của Má không đi tới đâu hết, vì khi đã ở trong cảnh khổ, người ta phải làm gì ? Không lẽ cứ khoanh tay chịu, không tìm lối thoát sao ? Như thế thì nguy quá. Trái lại, tôi thấy rằng khi ta hướng về cái gì đẹp — như thiên - nhiên, vừng thái-dương, tự-do, hướng về những cái gì đẹp ở chúng ta chẳng hạn — người ta sẽ cảm thấy phong phú vô cùng. Khi ta không quên được điều đó, ta sẽ thấy gần Đức Thượng-Đế, và rồi ra, ta sẽ lấy lại thế quân-bình. »

Anne thầm yêu, trộm nhớ Peter. Nàng nằm chiêm bao thấy một chàng Peter khác, một thanh - niên tuấn-tú mà nàng quen biết từ hồi nhỏ, đứng trước cửa trường, đợi nàng mỗi khi tan học :

« Tôi ở vào tình-trạng khó quá. Má không bằng lòng tôi. Còn Ba thì làm ngơ, Mẹ tôi buồn, vì mẹ tôi yêu tôi lắm. Tôi không buồn tí nào, vì tôi cho là mẹ tôi không hiểu tôi. Và Peter... tôi không muốn bỏ chàng. Chàng thật dễ thương quá, tôi phục chàng biết bao ! Không hiểu tại sao các cụ cứ can - thiệp vào việc của chúng tôi ? Cũng may là tôi đã quen giấu kín nỗi lòng của tôi, không cho ai biết là tôi đã say đắm yêu chàng. Nhưng chàng, chàng có nói ra chăng ?

Họ không hiểu rằng chúng tôi chỉ cần ngồi cạnh nhau, không cần nói gì với nhau cả, cũng đủ thấy sung sướng rồi. Than ôi ! Chẳng biết đến bao giờ mới vượt qua được những nỗi khó khăn này ? »

Có lúc chống-đối lại gia - đình rồi, Anne hối-hận : « Tôi thấy Ba tha thứ cho tôi mà tôi xấu-hổ quá. Ba đối với tôi tốt quá, đến nỗi người ta có thể tưởng rằng chính Ba có lỗi chứ không phải tôi. Không, Anne ạ ! Ngươi còn phải học hỏi nhiều hơn nữa. Đáng lẽ đứng nhìn, và chỉ-trích, tốt hơn hết là ngươi hãy cố-gắng học đi. »

Hạng người thứ ba

Alain Decaux cho rằng :

— Ngày xưa, người ta phân biệt nhân loại ra làm hai hạng : hạng có của và hạng không có của. Ngày nay, không nên lãng quên hạng thứ ba là hạng tưởng mình có của.

Kết-luận.

Đến tuổi dậy-thì, trai cũng như gái, có một cuộc tiến-triển, không có không được. Những nỗi khó khăn của tuổi trẻ là sự thường. Hơn thế, đó là một điều cần-thiết, đáng mong, để giúp đứa trẻ mau tới bực trưởng-thành, và gia-nhập xã-hội dễ dàng.

Những sự lầm-lẫn của đôi bên (cha mẹ và con) cũng như cuộc va-chạm, không thể tránh khỏi được. Điều cốt-yếu, là tìm hiểu họ, có lượng khoan-hồng, rồi kiên-nhẫn đợi cho thời-kỳ đó qua, coi những vấn-đề của tuổi trẻ như vấn-đề của chúng ta, nỗi khó khăn của tuổi thanh-xuân như những trạng-thái tạm-thời tuy quan-trọng đấy, nhưng không có gì là trầm trọng, đáng lo cả. Như thế, ta sẽ giúp họ vượt qua những năm khó khăn mà bao cám dỗ, vụng về, bao cạm bẫy có thể đưa chúng ra ngoài con đường chính đạo như không.

Trên đây, chúng tôi mới nói đến hạng thanh niên sống trong gia đình mà mọi hoàn cảnh đều thuận tiện, nghĩa là có giáo dục. Nhưng quên sao được loại trẻ, chiếm phần đa số, sống ở nơi bùn lầy nước đọng, trong cảnh cùng cực, bên cha mẹ tàn nhẫn, thất học, rượu chè, cờ bạc, hàng ngày chứng-kiến ngay trong gia đình hoặc lối xóm, bao cảnh trụy-lạc, dâm-ô, nghe quen lời tục-tằn, thô-lỗ...

Khi còn nhỏ, chúng ít bị ảnh-hưởng, nhưng lớn lên, tránh sao khỏi tiêm-nhiễm thói hư, tật xấu, rồi dần dần không bị lôi cuốn vào con đường tội lỗi ?

NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG :*
— Đường miếng lọc
— Đường cát trắng ngà
— Đường cát trắng tinh
— Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*
— Rượu đốt 90°
— Rượu thơm 90°
— Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :
— *Các tiệm tạp-hóa*
— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* **(Đ.T. số : 21.360)**

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ-DO

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

VIỆT-NAM DANH-NHÂN TỰ-ĐIỂN

của NGUYỄN HUYỀN-ANH

(ĐO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẤN-HÀNH)

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN: 34

AIRLAO

NGÀY TẬN-THẾ CỦA VI-TRÙNG LOẠI KHUẨN-CẦU (Staphylocoques)

★ *CÔ-LIÊU*

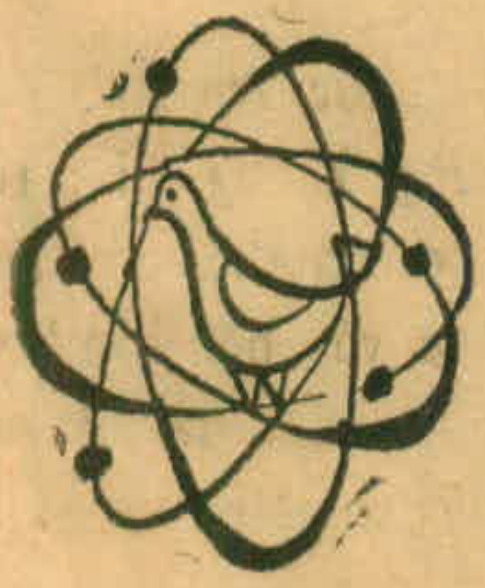

NĂM 1960 ghi lại một chiến công của y học trong cuộc chiến đấu với vi trùng mà ảnh hưởng quan trọng như cuộc chiến đấu với chế độ thực dân. Vị kiệt sĩ không ồn ào này tên là Ernst Chain và tổng hành dinh của ông đặt ở thượng-y-viện Roma. Vũ khí lợi hại của ông chỉ là một thứ bột như nhiều thứ thuốc trụ sinh khác tên là *BRL-1241*.

Vi trùng tiết ra chất pénicillinase để chống cự với thuốc trụ sinh

BRL-1241 là một thứ pê-ni-xi-lin mới, có thể gọi là siêu trụ sinh vì dược tính mãnh liệt diệt được những loài khuẩn cầu mạnh nhất, trước đây đã chống cự lại thuốc trụ sinh. Đã mấy năm nay người ta biết có nhiều loại vi trùng chống cự được với những loại trụ sinh mạnh nhất, dùng thuốc chỉ làm bệnh nhân yếu thêm, càng thêm kiệt quệ.

Những loại khuẩn cầu ấy tiết ra một thứ dịch chấp gọi là « pénicillinase » trừ được thuốc trụ sinh để giữ cho chúng an toàn.

Tại sao khuẩn cầu lại chống cự được thuốc trụ sinh? Có lẽ tại mấy năm gần đây người ta lạm dụng thuốc trụ sinh, hay dùng thường quá mà lại dùng không đủ liều. Người ta điều chế cả thuốc trụ sinh nhỏ mũi, mà nọc bệnh này (cúm) là một thứ siêu vi (visus)

chịu đựng được độc tính của trụ-sinh. Mỗi lần gặp một thứ trụ sinh mới nó có thể tiết ra chất trừ độc mới. Qua những trận chiến tranh tiêu mòn ấy con siêu vi càng thêm mạnh.

Hai sự kiện sau đây muốn như xác định lời giải thích trên :

— Mấy năm gần đây nhiều loại trụ sinh tiếp tục ra đời đến nỗi làm một bảng mục lục thì không biết bao giờ dứt.

— Từ 5 năm nay có một loại khuẩn cầu « sắc vàng » gây ra nhiều ung nhọt ở Mỹ, mà không thuốc trụ sinh nào trị nổi.

*
* *

Nhưng tình trạng không đến nỗ tuyệt vọng. Nếu vi trùng khôn ngoan thì các bác học lại cao kiến. Bác học đã biết mánh lới của chúng : Nghiên cứu tác động của thuốc trụ sinh người ta biết rằng thuốc sulfamides giết chết vi trùng còn pê-ni-xi-lin bao lấy con vi trùng như một cái « xà lim » hóa học, khiến chúng không sinh sản được mà cũng không tác động được. Phân tử pê-ni-xi-lin có điện tính nên bị hút bởi thân con vi trùng có điện tính khác dấu. Chất pénicillinase nó tiết ra tác động như một thứ máy cản, phân tử pê-ni-xi-lin không bị nó hút, nó lẩn trốn được.

Chất pénicillinase là một chất hóa học gọi là diếu tố (enzyme). Người ta biết được có đến 659 thứ diếu tố, đấy là mới kể những thứ thường, còn có thứ rất độc, nhiều thì làm cho tế bào của ta bị phá hủy, có khi làm chết người được.

Gặp thuốc BRL 1241, khuẩn cầu không tiết được pénicillinase để tự vệ, và giống nòi thoái hóa.

Nếu ví thuốc trụ sinh là một cái khóa để khóa vi trùng lại, thì diếu tố của nó là cái chìa khóa, chìa khóa chỉ hợp với cái khóa mới có thể mở được Như vậy, trên lý thuyết, nếu đổi máy móc trong ổ khóa tất nhiên chìa khóa kia không dùng được nữa.

Người ta dùng thuốc trụ sinh đã 15 năm nay nhưng không biết rõ thành phần hóa học của thuốc. Giáo sư Chain cộng tác với bốn bác học Anh khởi công phân tích để biết rõ kiến trúc của phân tử pê-ni-xi-lin.

Sau nhiều ngày tìm kiếm, ông cấu tạo được một thứ pê-ni-xi-lin nhân tạo (ta biết rằng pê-ni-xi-lin là một thứ nấm người ta nuôi trong phòng thí nghiệm).

Ông lại còn biết rõ trong pê-ni-xi-lin còn có chất « báo động » (précurseur). Chất « báo động » này rất quan hệ, không có nó, thuốc vẫn có tác dụng hóa học nhưng không ảnh hưởng đến vi trùng. Các nhà nghiên cứu trước kia chỉ chú trọng đến những

yếu tố tác động trong thuốc trụ sinh nên đã bỏ qua. Ông không nghiên cứu yếu tố tác động, mà ông nghiên cứu yếu tố chính của thuốc trụ sinh. Nhờ vậy ông tìm ra một ổ khoá bí mật, chìa khoá của vi trùng vô hiệu, đó là một trong nhiều loại pê-ni-xi-lin mới, lấy tên là BRL - 1241, tên hoá học là 6 - (2 : 6) di - méthoxy - benza - mido - pénicillinate - mong - hydrate.

Kết quả thật huy hoàng. Thí dụ : một thứ thuốc trụ sinh mới này tên là Staphcilline đã cứu được một đứa trẻ lên 9, mười phần nguy ngập : Đời nó liên tiếp 10 lần xưng phổi, 4 lần sốt vì có vi trùng trong huyết (septicémie), và cơ man nào là ung nhọt. Có người bị rớt nọc cúm Á-Châu hành hạ trong 3 năm, chỉ trích thuốc này trong 24 giờ là hết hẳn.

Một sự kiện khác đáng chú ý : Cho BRL 1241 vào một ống « cấy » khuẩn cầu thì khuẩn cầu yếu đi lần lần, chúng không thể tiết ra được diêu-tố, và các loại pê-ni-xi-lin cũ lại có ảnh hưởng đến chúng.

Loài khuẩn cầu đến ngày diệt vong.

Như vậy, nếu giả thuyết loài khuẩn cầu có thể biến tính mà đúng — nọc bệnh cúm Á-Châu có lẽ phát sinh do một loại khuẩn cầu biến tính mà hóa ra — người ta có hy vọng chặn đứng những trường hợp biến tính khác của khuẩn cầu. Người ta chưa biết rõ có phải khuẩn cầu tiết ra được diêu-tố vì « phản ứng thông minh » của nó không, nhưng người ta biết chắc chắn là nó không tiết được diêu-tố từ khi bị thuốc BRL 1241 cầm chân.

Có lẽ trong vài năm nữa khuẩn cầu sẽ bị tiêu diệt như những loại vi trùng bệnh dịch hạch, bệnh đậu mùa, bệnh thổ tả mà thời oanh liệt của chúng nay còn đâu ?

CÔ-LIÊU

✱ Tôi dám nói rằng ở thế-gian chỉ có cái đẹp mới là cái thực. Cái đẹp là biểu hiệu cao-siêu nhất của Thượng-đế loài người có thể biết được.

(Anatole France, La vie littéraire, Les torts de l'histoire)

✱ Tôi không viết lách gì mà đã từng sống những năm thực sung sướng : Tôi sống một khoảng đời trầm-tư và tịch-mịch, nhớ lại mà vẫn còn thấy dịu dàng, êm ái. Khi đó, tôi không tra-cứu gì mà học được nhiều thứ.

(Anatole France, La vie littéraire, sur le Scepticisme)

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GAY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

lối «ca Huế» và lối «nhạc tài-tử»

* *TRẦN-VĂN-KHÊ*

(*tiếp theo B. K. số 101*)

Trong số trước chúng tôi có nói từ đầu thế kỷ XX đến giờ trong loại đàn Huế và đàn tài-tử có mấy điểm đáng ghi lại. Những điểm ấy như sau :

1) Ở Huế, truyền-thống cổ-nhạc được giữ kỹ hơn ngoài Bắc và trong Nam.

Ngoài Bắc có hội Khai trí tiến đức « . . . tổ-chức âm nhạc ta dùng khí cụ và chút ít phương-pháp của Âu - Tây để hòa những bản đàn cổ » (1).

Theo nhạc-sĩ Lê-Thương thì chủ-trương của hội Khai-Trí là « bài đàn như trước viết lại cho đúng phương pháp Âu-Tây », và... « đặt những cung điệu tương-tự » (2). chủ-trương đó phỏng theo ý của cụ Hải Khiết và cụ Vũ-Tuấn-Đức (2). Lê-Thương có nhắc đến bài báo của Hồ-An đăng trong Tin-Mới tiểu thuyết năm 1939 nói về việc cụ Vũ-Tuấn-Đức... « chăm-chước những điệu hát ả-đào, chèo cổ mà lập thành cung điệu riêng.» (2)

Chủ trương của hội Khai-trí tiến đức ít được người hưởng-ứng.

Trong Nam có nhạc-sĩ Trần-Quang-Quờn, tức là Thầy Ký Quờn, người tỉnh Vĩnh-Long, cũng đặt bài bản mới phỏng theo cung điệu xưa, sáng chế nhạc-khí mới và đặt ra cách chép nhạc, nghĩ đến việc phối-khí, để mỗi cây, đàn một bản đặc-biệt mà khi hòa chung nghe vừa êm vừa lạ tai. Chúng tôi mong có dịp về Vĩnh-Long để sưu tầm tài-liệu về thân-thế và nhạc nghiệp của nhạc-sĩ Trần-Quang-Quờn. Hiện nay, tất cả những chi-tiết về đời-sống, việc sáng chế nhạc-cụ và sáng tác nhạc phẩm của nhạc-sĩ Trần-Quang-Quờn đều do cậu chúng tôi là ông Nguyễn-Tri-Khương gởi cho.

Theo cậu chúng tôi thì nhạc-sĩ Trần-Quang-Quờn làm thơ ký tòa bố tỉnh-Vĩnh-Long. Bao nhiêu tiền lương đều dành dụm để đóng đờn và thí nghiệm trong việc sáng chế ra nhạc cụ mới. Ông chế ra hai cây đờn mà thước tấc cậu chúng tôi không nhớ rõ. Mặt đờn bằng cây ngô-đồng, mình thùng bằng cây ngô - đồng, bao trắc mỏng. Mỗi cây đờn có 4 dây cây nhỏ tên *tiểu ha tiến*, cây lớn, *đại ha*

---

(1) Lê-Thương.— *Một vài nhận xét về phong trào nhạc mới*. Báo phụng - Sự loại mới số 4 — Từ ngày 11 đến 18 năm 1951 trang 5.

Bài ký tên là Trang Thư.

(2) Gustave Dumoutier. Les chants et les traditions populaires des Annamite. Paris 1890. Trang 18, 19, 20.

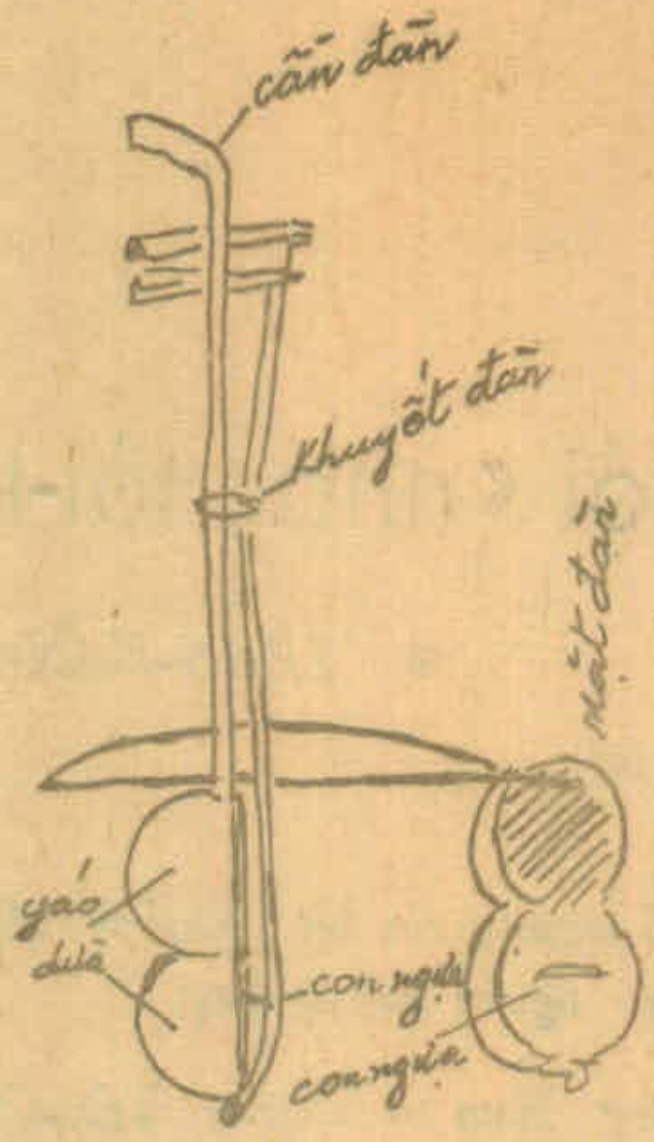

Song thường

tiêu. Ông có chế một cây đờn gáo làm bằng dừa ta. Nhưng thay vì dùng một gáo, ông lấy 2 gáo, dùng dây thau buộc đầu lại, mặt đàn bằng cây thông, cần đàn bằng cây trắc, cam-xe hay là gõ, dài lối 6 tấc. Đàn cũng có một con ngựa bằng tre, có khuyết đàn và dùng cung trong như đàn gáo thường. Mặt đàn dài độ 2 tấc rưỡi thành ra cả cây đàn dài lối 8 tấc rưỡi. Đàn nầy tên là *song thương* (chữ *thương*, theo chúng tôi, có nghĩa là cái chén uống trà vì đàn có 2 gáo hình như 2 chén uống trà. Chữ thương do cậu chúng tôi chép, lại có nghĩa là một trong 5 âm chánh : cung, thương, giốc, chùy, vũ).

Một cây đàn khác tên là *Đại đồng minh*. Thùng đàn cao 8 tấc; bề ngang 4 tấc, bề dầy độ 3 tấc. Thùng bằng cây ngô đồng mặt đờn bằng thau, cần đàn bằng cây trắc và dài độ 1 thước. Con ngựa hình nhọn theo lối cậu chúng tôi — Nhưng có lẽ nó hình vòng cầu như những con ngựa của đàn loại đàn đại vĩ cầm Âu Châu (loại violoncelle, contrebasse) vì cung đàn để ngoài dây. Đàn có ba dây tơ lên theo bậc Hò, xê, liếu Có lẽ nhạc sĩ Trần-Quang-Quờn phỏng theo cây đàn « contre-basse » của Âu châu mà chế ra cây *Đại đồng minh*.

Cây *Trùng đồng* phỏng theo đàn độc huyền (đàn bầu) Nhưng đàn độc huyền có một dây Đàn trùng đồng 2 dây, 2 ống. Thùng đàn cỡ 1 thước bề dài, 4 tấc bề ngang, 5 tấc bề cao. Cần bằng sóng lá, ống đàn bằng gáo dừa — thứ dừa đẹt — dây bằng thau. Bực dây tùy theo nhạc sĩ vặn.

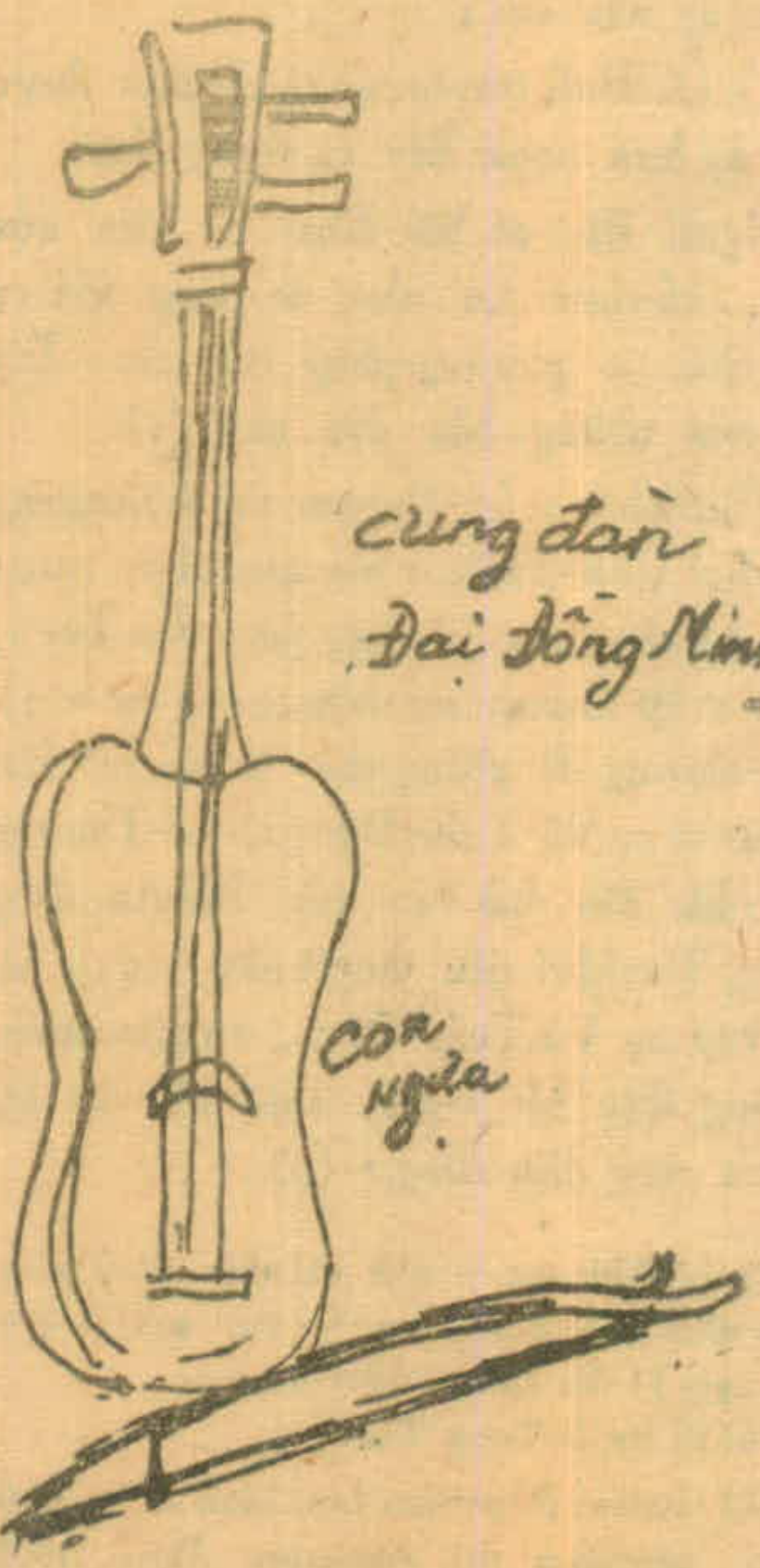

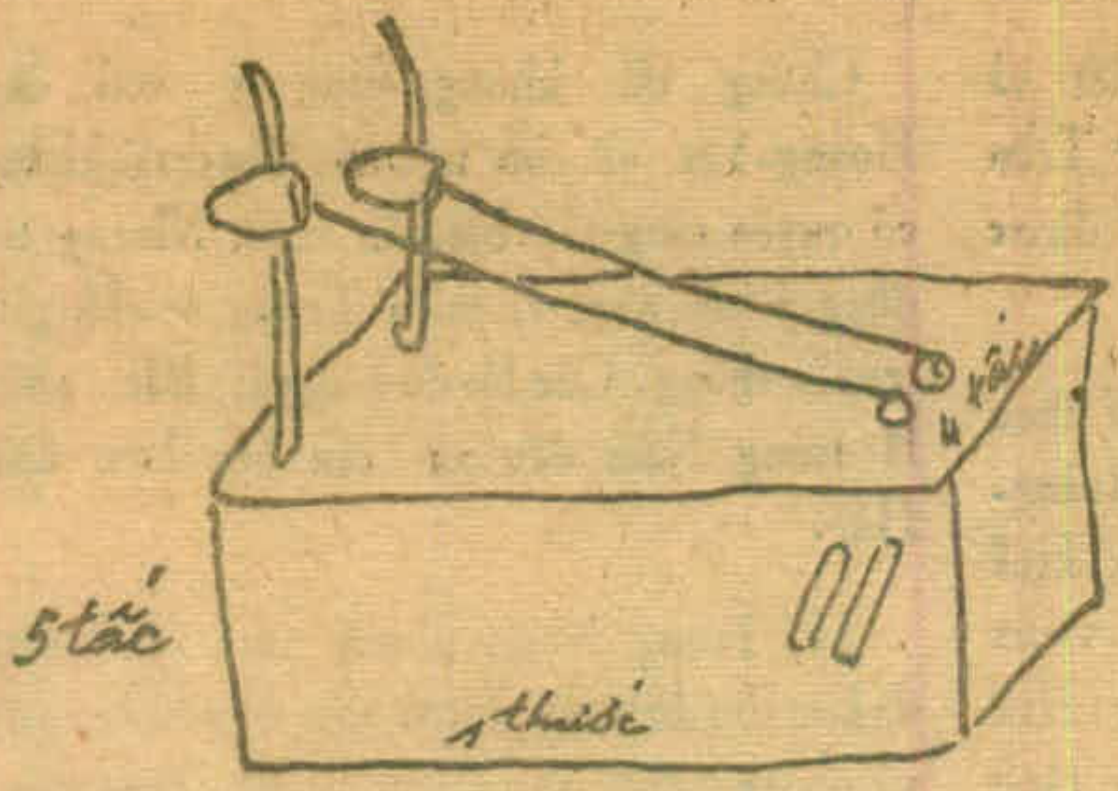

Trùng đồng

Mỗi nhạc cụ chế ra đều phỏng theo những cây đàn đã có nhưng hoặc thêm số dây. (Trùng đồng 2 dây so với 1 dây đàn độc huyền) hoặc đóng thùng đàn lớn để cho tiếng đàn kêu to (đàn song thương có 2 gáo nhập một ; thùng đàn to hơn đàn một gáo). Ngoài ra ông còn nghĩ cách chép nhạc, như C là *Công* e là cống E cổng Ĉ = Cồng C· = Cộng, có dịp chúng tôi sẽ viết một bài riêng về nhạc sĩ Trần-Quang-Quờn và nói rõ hơn. Nhưng cách ký âm, theo chúng tôi, không hơn cách chép xưa bao nhiêu. Chỉ có đặc điểm này đáng nêu ra là mỗi nhạc công trước mặt có một bản đờn chép trên một miếng giấy bồi. Bản viết riêng cho từ cây, thành ra mỗi bản có chiết phần.

Bài bản thì cũng đặc theo điệu Bắc, như mấy bài Hiệp điệp xuyên hoa, Tinh đinh điểm thủy, điệu Nam hơi xuân như bản Đông Hoàng, hơi Ai như bản Thù thinh, hơi Ai Oán như Dạ bán chung thinh v.v... Bài bản đặt ra vào năm 1920 khi ông Huỳnh Trí Phú lập một gánh hát bộ toàn là thiếu nhi nam nữ từ 15 tuổi trở xuống. Còn đờn thì chế ra từ mấy năm trước

Nhạc-sĩ Trần-Quang-Quờn dạy một số học trò dùng mấy cây ống chế ra mà biểu diễn những bài ông sáng tác. Đến khi ông Huỳnh-Trí-Phú lập gánh hát thiếu nhi thì có nhờ ông Trần-Quang-Quờn dùng giàn nhạc của ông và trong lúc hát, những bản đàn phụ họa đều do ông Trần-Quang-Quờn sáng tác — Hát thì theo lề lối hát bội. Ông Huỳnh-Trí-Phú rước những tài tử trứ danh về làm thầy tuồng dạy, khi hát Nam-Xuân thì giàn nhạc đờn bản Đông-hoàng, hát Nam-Ai thì đờn bản Thu-Thinh, nói lối đờn bản Đàn-Tâm hay Ốc-Thủ, Hát khách thì cậu chúng tôi không nhớ rõ đờn bản gì có lẽ là Ốc-Thủ — Hát Tẩu-mã thì đờn bản Khóa-mã dương-tiêu. Đánh giặc thì đờn 8 bài liên tiếp Bát thủ liên huờn : Khai-mau, Hiệp-điệp xuyên-hoa, Tinh-đinh điểm-thủy, Kim-oanh trịch-liễu, Song-cưu đối-ngữ, Anh-võ năng-ngôn, v.v... Tập đến tháng 9 dương lịch năm 1921 thì biểu-diễn đầu tiên tại rạp Cinéma Moderne đường Espagne cũ (nay là đường Trần-Văn-Thạch) Người ta xem tấp nập : Ông Trần-Quang-Quờn nghĩ là nhờ giàn đờn của ông nên có nói mấy câu lọt vào tai ông Huỳnh-Trí-Phú. Ông Huỳnh-Trí-Phú giận mà không mướn giàn nhạc của ông Trần-Quang-Quờn nữa. Sau rồi, gánh hát ông Huỳnh-Trí-Phú cũng rã đi. Rất tiếc là có sự hiểu lầm giữa ông bầu gánh và ông thầy đờn, để đến nỗi mấy bản đờn mới của nhạc sĩ Trần-Quang-Quờn bị mai một, những nhạc cụ mới chế bị thất lạc đi.

Những bài bản do ông Hai Khiết và Võ Tuấn Đức ngoài Bắc và ông Trần Quang Quờn trong Nam đều không được truyền tụng đến đời nay.

Ở Huế thì nhạc-công, nhạc-sĩ chỉ theo truyền thống phái tồn cổ có ông Hoàng-Yến. Trong bài khảo luận về nhạc Huế đăng trong tạp chí « Les Amis du vieux Huế » (Những người bạn của xứ Huế thời xưa) ông cực lực chống lại sự canh tân cổ nhạc và theo ông, thì những điệu cổ và điệu kim khác nhau xa như trời với đất ; điệu cổ êm ái mà nghiêm trang, điệu kim tục tằn và thô lỗ (1). Ông bảo rằng từ xưa nước Việt có biết bao danh cầm, mà có ai đặt bản mới đâu? Thế mà ngày nay — bài ông viết vào năm 1918-1919 — có người lại đặt bản « chàng chàng ơi ». Theo ông thì nghệ thuật âm nhạc cũng như nghệ thuật thi ca. ...« Đến ngày nay có biết bao nhiêu thi sĩ trứ danh, có tài nhả ngọc phun châu, viết những vần thơ đẹp như gấm mà có người nào dám ra ngoài những luật có sẵn như luật thi, triệt cú, trường thiên, trúc chi, tây giang nguyệt v.v... Với bao nhiêu luật đó ta có thể tập luyện và trau giồi. Ta không cần và cũng không có thì giờ mà đặt ra những phương-pháp mới — Trong âm nhạc cũng vậy. Cung điệu cổ nhiều đến đỗi không ai thuộc hết ; cần gì đặt bài bản mới ? Người đặt bản « chàng chàng ơi » chẳng khác gì anh thư sinh trẻ tuổi chưa đọc hết kinh Thi, kinh Thơ, kinh Lễ, kinh Dịch, kinh Xuân thu và Tính Lý mà muốn đặt một cuốn kinh thứ 7 » (2)

(1) **Hoàng Yến** *La musique à Huế* Bulletin des Amis du Vieux Huế. Juil-Sept. 1919. Trang 235

(2) **Hoàng Yến** Quyển trên Trang 236

Chúng tôi không đồng ý với ông Hoàng-Yến về chỗ người nhạc-sĩ không có quyền sáng-tác bài bản mới. Nhưng tôi đồng ý với nhạc-sĩ miền Trung ở chỗ giữ truyền-thống. Các lối đờn ngoài Bắc nhứt là trong Nam đều xa căn bản hơn đờn Huế.

20/ Trong Nam, phong trào cải-lương đã làm cho đờn tài-tử trở nên đờn cải-lương và phổ-biến lối đờn tài-tử trong dân-chúng. Chúng tôi không nói đến việc từ bài Tứ đại Oán dẫn tích Bùi Kiệm thi rớt mà bà *Ba Định và vài người khác* vừa ca vừa ra bộ tại nhà ông cai Tổng Tống-văn-Định, người tỉnh Vĩnh-Long, đến lúc khai sinh ra lối hát cải-lương. Chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào điểm hát cải-lương đã đem đờn tài-tử lên sân-khấu. Đờn tài-tử trước kia chỉ do những người nhạc công tài-tử » — tức là không phải hạng nhà nghề — biểu diễn, và chỉ một số ít người thưởng-thức. Đem lên sân-khấu, lối nhạc đó được lọt vào tai bao nhiêu người từ thành thị chí thôn quê. Rồi kịp lúc kỹ thuật làm dĩa hát mới bắt đầu phát triển, hãng dĩa Pathé thu thanh những tuồng « hát cải lương của Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-tho, ca cho hãng Pathé Phono nghe chơi », dĩa hát làm cho người Việt từ Bắc chí Nam được nghe những bài Lưu Thủy, Hành-vân, Cổ bản. Rồi bài Vọng-cổ ra đời do ông Sáu-Lầu (3) hay là ông Mười-Lầu (4)s áng tác. Bài Vọng-cổ cũng nhờ cải lương mà phát triển mạnh,

(3) Thanh-Lương *Một cuộc phỏng vấn bất ngờ.* Báo Dân-Mới. Ngày 20-12-1953, Trang 3. Nguyễn-Tử-Quang *Thử tìm xuất-xứ bài Vọng-cổ* Bách-Khoa số 63 Trang 66.

(4) Trần-Kiết-Tường *Từ bài Dạ-Cổ hoài lang đến các bài ca Vọng-cổ.* Tập san âm nhạc số 2, năm 1957 Hanoi Trang 22.

rồi số nhịp trong từng câu tăng lên gấp đôi, từ nhịp đôi, nhịp tư chuyển đến nhịp 16 lái 32. Bài Vọng cổ đã thành một bản đặc biệt của miền Nam, có hơi Bạc-Liêu, hơi Rạch-Giá, hơi Saigon, được người Việt ngoài Trung-Bắc hâm mộ mỗi khi có « cải lương Saigon » đến diễn — Bài vọng cổ được người Việt trong các từng lớp ưa thích, nên ai học nhạc cũng mong đến lúc đờn được 6 câu vọng cổ. Cũng nhờ hát cải lương mà cậu chúng tôi là ông Nguyễn Tri-Khương mới nghĩ ra sáng tác vào năm 1927 mấy bài *Yến tước tranh ngôn*, *Thất trĩ bi hùng*, *Phong xuy trịch liễu*. Mấy bài ấy cũng như các sáng tác của nhạc sĩ Trần-Quang-Quờn đều căn cứ trên các giọng Bắc giọng Nam, hơi ai, hơi oán, đàn lên nghe như những bản xưa, nhưng tiếc là mấy bài đó không được phổ biến trong dân chúng.

3) Âu nhạc bắt đầu có chút ảnh hưởng trong lối đờn tài tử trong Nam. Antoine Nguyễn-Kim-Đại và vài nhạc sĩ khác mà chúng tôi quên mất tên mà chưa tìm lại được tài liệu về các nhạc sĩ ấy — có chép bài bản bằng cách ký âm Âu Mỹ—Nhưng một là trong lối nhạc tài tử cũng như trong tất cả các lối nhạc Việt, có nhiều chữ láy, chữ luyến, chữ nhấn, chữ rung, khó mà ghi lại một cách rõ ràng ; hai là những người có thiện chí muốn chép lại những bản đờn cổ lại chưa nắm vững phương pháp ký âm Âu-Mỹ — Thành ra, chỉ đôi ba bài ngắn như Lưu-Thủy, Bình bán, Kim Tiền thì còn nghe tạm được, chớ những bài dài như Tây Thi Cổ Bản đàn nghe rất « sống sượng ». Trong Nam người ta bắt đầu dùng đàn « mandoline » (măng-đô-lin), rồi đến đàn guitare (ghi-ta) và « violon » (vĩ-cầm) để đờn Vọng-cổ và những bài khác trong lối nhạc tài-tử. Trong nhạc Việt, đờn phải nhấn mới hay, người đóng đàn nghĩ ra cách « móc phím » cho sâu để có thể nhấn. Dùng đàn « violon », có người chịu cần đàn xuống bàn để có thể vuốt, rung, chuyển cho dễ, hoặc thay vì cầm cung đàn ở tận đầu, cầm chỗ gần giữa cung để kéo tiếng cho êm. Ngoài Trung, Bắc, nghệ nhân trong cổ-nhạc không dùng nhạc-khí Âu-châu. Nhưng ảnh-hưởng Âu-nhạc phát hiện bằng sự thành-lập nhóm Tì-bà với nhạc-sư Nguyễn-Hữu-Ba. Nhạc-sư Nguyễn-Hữu-Ba đã am hiểu cổ-nhạc Huế, lại có óc nghiên-cứu khoa-học của người Âu, nên đã thu nhặt những di-tích cổ-nhạc theo con đường mà nhạc-sĩ đã vạch sẵn « Bảo-tồn nhưng không thoái hóa, tiến bộ mà không vong bổn » (1) ghi chép bài bản xưa, tìm một cách ký-âm đặc-biệt cho cổ-nhạc, cũng như trong Nam bác-sĩ Nguyễn-Văn-Bửu nghĩ cách chép bản đờn tranh như phương-pháp « tablature » (ta-bờ-la-tuya) của người Âu, ngoài Bắc nhạc-sĩ Nguyễn-Văn-Thương đã tăng số dây của đàn tranh lên đến 22 dây để có đủ 5 âm chính và 2 âm phụ trong một quãng tám, hay là những nhạc-công khác dùng gáo to và cần dài mà chế ra cây đàn *đại hồ*. Với một ý định canh-tân, những bảo tồn vốn cổ, các nhạc-sư, nhạc-sĩ trong giới cổ-nhạc nhứt là trong 10 năm sau nầy, muốn đưa cổ-nhạc lên một trình độ cao hơn xưa hoặc cổ giữ cho truyền thống đừng sai lạc. Cũng trong tinh thần đó mà ông Nguyễn-Đình-Lai viết từ năm 1935 một thiên khảo cứu về cổ

(1) *Nguyễn-Hữu-Ba Ca Huế cổ truyền* tập I trang 4.

nhạc Việt (1) ông Ngô-văn-Nghệ đã diễn thuyết tại Hội khuyến học Nam Việt về âm-nhạc cổ Việt-Nam (2) và chúng tôi đã viết và đệ trình một luận án và viết nhạc cổ truyền (3). Nhưng từ năm 1937 đến sau, cổ nhạc đứng lại trong khi phong trào « âm nhạc cải cách » đưa ra một lối nhạc mới, một lối nhạc có khi đi xa hẳn căn bản cổ truyền và hoàn toàn chịu ảnh hưởng Âu-nhạc, nhưng nói được những tình-cảm nguyện vọng. hoài-bão của lớp thanh niên đang tiến lên, cổ nhạc hầu như bị quên trong một giai đoạn. Đến nay, từ Bắc chí Nam các vốn cổ nhạc dân tộc được đem ra khai thác, đề cao, nghiên cứu và phổ biến. Cổ nhạc được dạy trong các trường nhạc và có lẽ trong những ngày sẽ tới với sự tìm hiểu nhạc Đông phương của những nhà nhạc học, nhạc sĩ Âu-Mỹ, với sự cố gắng của dân tộc Việt trong vấn đề xây đắp một nền tảng văn nghệ có dân tộc-tính, cổ nhạc Việt sẽ đóng vai tuồng xứng đáng của nó là đóng góp phần nào trong việc thay đổi nhạc-ngữ (langage musical) trong thế giới nói chung và trong nước Việt nói riêng.

TRẦN-VĂN-KHÊ

Kỳ tới : Nhạc khí, nhạc điệu trong lối ca Huế và lối đờn tài tử.

(1) Nguyễn-Đình-Lai.— *Etude sur la musique Sino-Viêtnamienne et les chants populaires du Việt-Nam* (Khảo về lối nhạc « Hoa - Việt » và Việt Nam) Bulletin des la Société des Etudes Indochinoises Nouvelle Série Tome XXXI no 1 1er trimestre 1956

(2) Ngô-Văn-Nghị *Âm nhạc cổ Việt Nam* Tủ Sách Hội khuyến học Nam Việt 21-9-1952

(3 Trần-Văn-Khê La musique Vietnamienne traditionnelle.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

GIÁ BÌNH DÂN

10$

DUC THU 60

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

PE G. T. M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

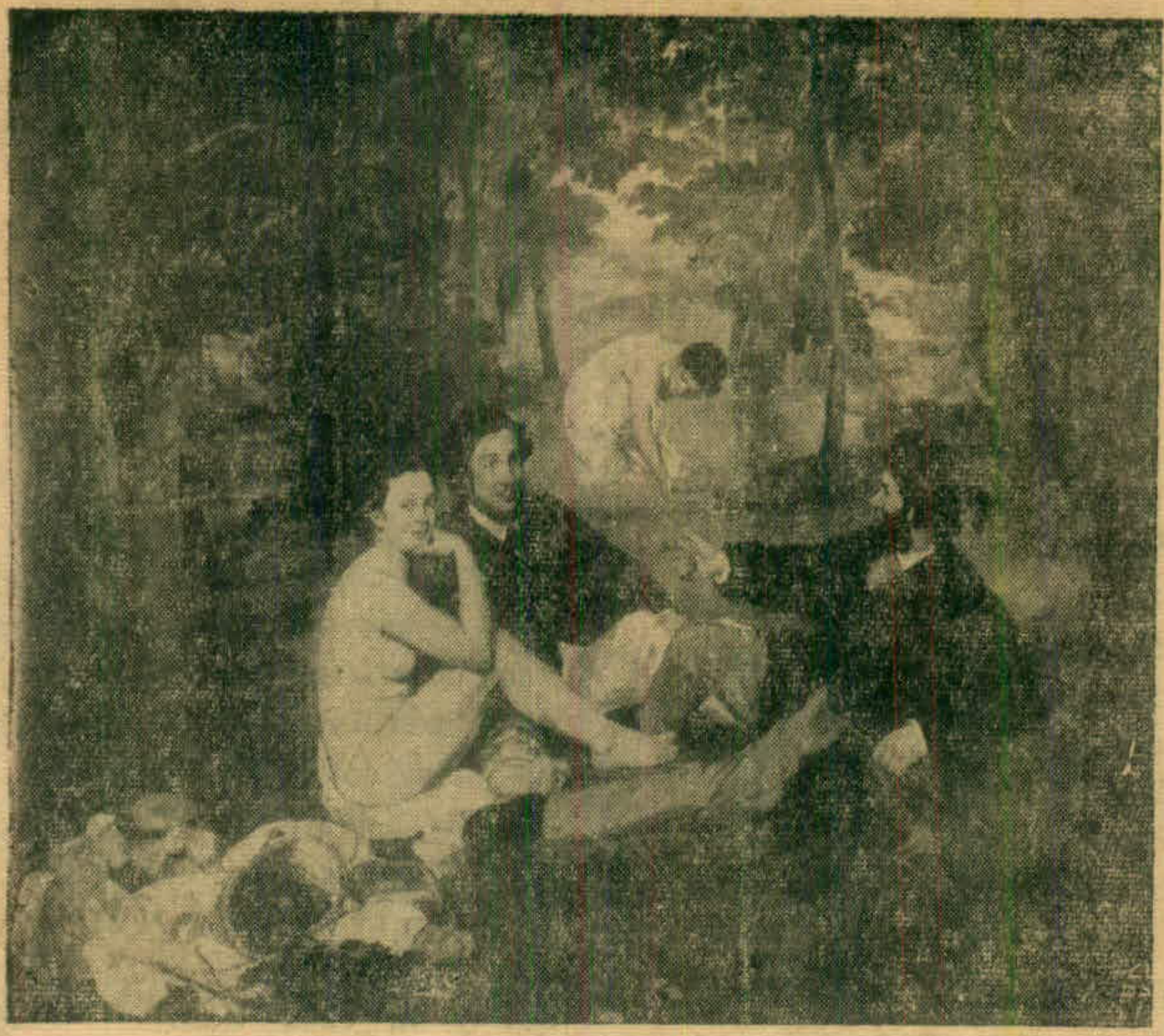

Bữa ăn trên cỏ « Le Déjeuner sur l' herbe » của Manet 1863.

THỬ TÌM HIỂU HỘI-HỌA

✱ *ĐOÀN-THÊM*

II. — SAO LẠI THẾ ?

NHIỀU vị ngắm tranh ở các phòng triển-lãm hoặc trong các bộ sách hội-họa, hay thắc-mắc về những điểm sau :

Từ cổ đến nay, thường thấy vẽ ; người, vật, cảnh, hoặc cả cảnh, vật, người trong một sự-tích gì.

Vẽ như vậy thì phải rồi, nhưng sao không « vẽ tử tế », lắm khi trần truồng, dơ dáng, bậy bạ ?

Sao không vẽ « cho giống », cứ phải lồ lăng, nghĩ là lệch lạc méo mó ? Đẹp ở chỗ nào ?

Tệ hơn nữa, về hồi sau này, lại vẽ những quái-trạng lủng củng lem luốc

không còn ai hiểu là gì nữa ? Sao có thể kỳ-dị như vậy ? (1).

*
* *

Chẳng phải riêng ở Việt-Nam mới có những vị coi tranh khỏa-thân là chướng mắt. Ngay bên Âu-Châu, lối vẽ, lối khắc người trần-truồng tuy đã thành thói quen từ thượng-cổ, vẫn bị nhiều người công-kích. Năm 1863-64, khi Manet trưng bày tranh một cô một bà không mặc quần áo, kẻ ngồi trên cỏ (*Déjeuner sur l'herbe*), người nằm dài trên giường (*Olympia*) họa-sỹ bị khán-giả và Hoàng-Đế Nã-Phá-Luân III kêu là phạm thuần-phong mỹ-tục. Năm 1917, những tranh phụ-nữ phơi mình của Modigliani, bị cảnh-sát cấm không cho phô ra các tủ kính quày hàng . . .

Vấn-đề này cũng tương-đương với vấn-đề văn tả thực và văn khiêu dâm, khó lòng giải quyết, chỉ tốn giấy mực, nếu đứng riêng về phương-diện luân-lý mà xét nghệ-thuật. Bởi mục-đích bài này là tìm hiểu chớ không phê-phán, chỉ xin nhận định những sự-kiện khách-quan theo từng loại tranh khỏa thân

Có nhiều tranh vẽ hẳn những cảnh với thái-độ cử-chỉ mà người Á-Đông khó tưởng tượng là có thể hiện ra trước công-chúng : đàn ông lực-lưỡng bắt cóc đàn bà rẫy rụa *Enlèvement de Dejanire*, của A. Pollaiuolo 1475 ; — *Enlèvement des filles de Leucippe* của Rubens 1610 v.v..) hàng đàn hàng lũ nam nữ lúc nhúc liên hoan ở « Vườn Cực-lạc trần-gian » (*Jardin des Délices terrestres*, của Jérôme Bosch, 1500) ; — thần Cimon ngồi ngắm cô Iphigénie nằm phanh trên cỏ (*Cimon et Iphigénie*, của Rubens) ; — những thiếu-nữ uồn éo lả lơi đùa rỡn của Boucher, Watteau, Fragonnard vẽ dưới thời trụy-lạc của vua Louis XV, thế kỷ XVIII ; — hai phụ-nữ nằm âu yếm nhau (*Deux nus*, của họa-sỹ tả chân Courbet) — vệ-sĩ lột áo cung-nhân cho vua *Sardanapale* ngồi ngắm, của họa-sỹ lãng-mạn Delacroix 1844 (2).

Những vị quan tâm đến đạo-đức không khỏi công phẫn nếu chẳng có những loại tranh khác, tuy vẽ khỏa thân, nhưng ở đây lòng ngay thẳng

---

(1) Giá thử có những họa-sỹ đứng giải thích giúp ở các phòng triển-lãm, như hướng-dẫn-viên trong các viện bảo-tàng ngoại-quốc, thì sự trưng bày mới ích-lợi cho tác-giả cũng như cho đại đa-số khán-giả.

Bởi thiếu sự dẫn-giải đó, không cuộc triển-lãm nào từ trước tới nay có tiếng vang dội trong quần-chúng. Hại hơn nữa, là hầu hết các họa-sỹ đều bị hiểu lầm, tránh sao khỏi sự nản lòng ? Không lẽ nào cứ ở mãi tình-trạng « một mình mình biết, một mình mình hay ? » Có những khán-giả tò mò, muốn hỏi mà chẳng biết nhờ ai, vào ngó qua, và ôm thắc-mắc ra về. Có vị còn thành ra ghét tất cả hội-họa.

(2) Nếu những cảnh đó hiện ra chốc lát trên màn điện-ảnh, tất nhiên bị cắt bị cấm. Nhưng nếu phơi ra trên tranh thì có thể trưng bày muôn thuở. Phim loại « hành lạc » « Dolce Vita » của Ý thì bị la ó, tranh liên-hoan của thời Phục-hưng thì được ca tụng (xin coi La Kermesse của Rubens). Kể cũng khó hiểu

Ngay đối với những tranh tả chân của Courbet, họa-sỹ Lhote đã phẫn nộ khi thấy hai bức khác bị phá hủy vì bị coi là tội bại : « quan niệm sống « trinh-khiết khắc-khổ, nó bóp nghẹt phần lớn địa-« cầu, đã khiến cho 2 bức tranh khác của Cour-« bet bị tiêu hủy, tuy vẽ rất tài tình Le purita-« nisme dont se meurt une grande partie de la pla-« nète, n'a pas permis que viennent jusqu'à nous les « deux tableaux précédents. Ils furent odieusement « détruits, malgré que merveilleusement peints ». A. Lhote. Traité de la Figure).

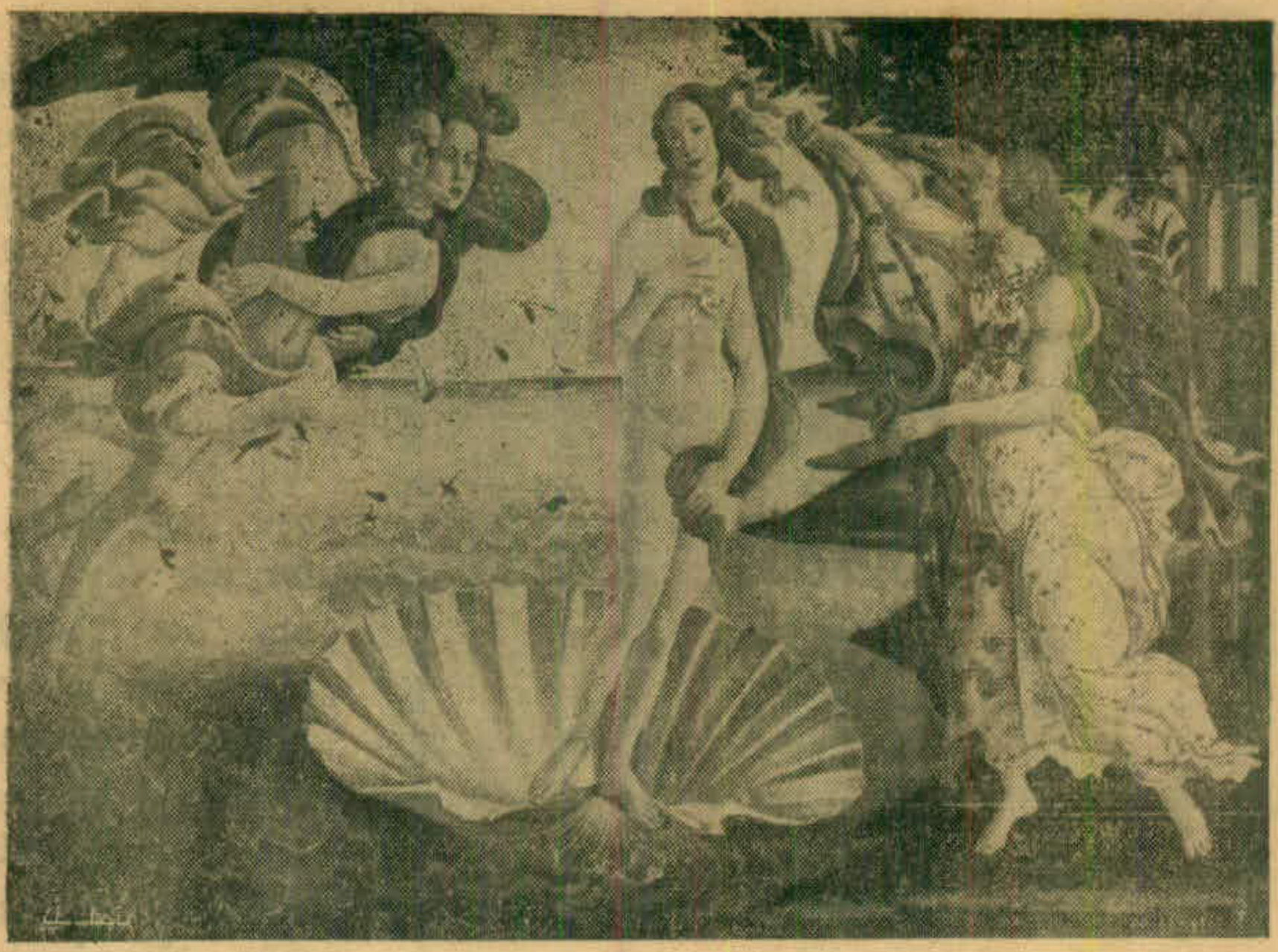

Thần Vệ-nữ giáng-sinh *của Sandro Botticelli (1444-1510).*

của họa-sỹ không thể ngờ vực : Trong bức tán dương hoàng-hậu Marie de Médecis ngự thuyền cập bến Marseille 1622, có cả những nữ-thần trắng tròn dâng sóng : Rubens đời nào dám có tà-ý ? Tà-ý nào có thể sai khiến cây bút khi vẽ những sự-tích thánh-kinh, mặc dầu có nhân-vật lõa thể ? (như tích thánh Saint-Jean được soi sáng, *Révélation de Saint-Jean* và tích phục-sinh *La Résurrection*, 1604-1614 của Le Gréco ? Tích Bà *Madeleine* của Procaccini ? tích *La Vierge et l'Enfant* của Fouquet ? nhất là những nét màu lộng lẫy bất-hủ của Michel Ange trên trần thánh-đường *Chapelle Sixtine* trong điện Vatican ? Họa-sỹ ở những trường-hợp này, chỉ sáng tác như nhà điêu-khắc tạc tượng khỏa thân mà ghi lịch-sử : Chánh-thể Cộng-hòa toàn thắng ở Pháp, được tượng trưng bằng một bà hở ngực, đứng trên xe có những nam nữ cởi trần hộ vệ (Le Triomphe de la République, của Dalou 1889, dựng giữa công-trường Place de la Nation). Và nếu tưởng rằng họa-sỹ Âu-châu thường do dục tình thúc đẩy, chẳng cũng oan uổng lắm sao ? Còn biết bao nhiêu hình tượng khỏa-thân ở các đền đài cung điện Ấn-độ (như nữ-thần Apsara, thế kỷ thứ V) Do-Thái (những bức fresque thế-kỷ thứ V) Abghanistan (những bức khắc từ thế-kỷ thứ II-III trước dương-lịch), ấy là chưa kể Phi-Châu...

Vậy thì vì lý-do gì họa-sỹ vẽ khỏa-thân, nếu chẳng vì ưa thích sự Đẹp thuần-túy, và còn gì trên thế-gian này có những nét màu linh-động yêu-kiều hơn con người mà thân-thể được coi từ thượng-cổ Hy-Lạp La-mã như kỳ công bậc nhất của Tạo-hóa ? Hoa đẹp,

La Danse *của Matisse 1909, với những đường « arabesque » và nhịp điệu khó lòng bắt chước.*

ngọc đẹp, nhưng người đàn bà vượt cả mọi vật, vì còn là nguồn gốc tình yêu và sức sống kỳ-diệu chứa chan lôi cuốn muôn loài, kể cả thần tiên trên mây khói Olympe : đó là lý-tưởng nhân-sinh vũ-trụ đã thấm nhuần văn-minh nghệ-thuật Hy-Lạp, qua La-Mã truyền sang những xứ thuộc đế-quốc La-Mã, tới Âu-Châu rồi gặp hoàn-cảnh thuận-tiện, đã tái phát ở thời Phục-Hưng, thế-kỷ thứ XV, XVI và cũng mang nhiều sắc-thái như văn-chương. (1)

---

(1) Cũng còn lý-do kỹ-thuật : các tình-cảm, sức sống động của con người hiện ra nét mặt, biểu lộ bằng cả thân thể. Muốn diễn tả một cách linh-hoạt, phải quan sát thật kỹ các thái-độ, các cử-chỉ, các dáng-điệu ở mỗi cảnh, mỗi lúc, nên phải biết thật rõ hình-thể và sự tương quan của mỗi bộ-phận, mỗi thớ thịt Cho nên học vẽ thì cần tập vẽ thân-thể, và các họa-sỹ từ Léonard de Vinci đều nhận là khó ; bởi vậy, họa-sỹ quí người vẽ thân-thể được tài tình.

Nhà văn nhà thơ có thể viết những truyện những bài lẳng lơ suồng sã bị coi là phạm tới đạo-đức ; song cũng bao nhiêu văn-nhân thi-sĩ ca tụng sắc đẹp và tình yêu, tuy rung cảm mà vẫn đầy vẻ tao-nhã. Sao họa-sỹ lại không thể như vậy ? Không kể những tranh có tánh-cách tôn-giáo, cũng rất nhiều bức vẽ khỏa-thân rất ngoạn-mục, rất có giá-trị về phương-diện kỹ-thuật, mà chẳng khiêu gợi gì vẩn đục, trừ phi người ngắm có tâm-hồn bịnh-hoạn : thần Vệ-Nữ giáng sinh trên sóng (*Naissance de Vénus*, 1478) hoặc các thiếu-nữ xinh tươi dập dìu trong ánh xuân (*Le Printemps*, 1478, của Botticelli) — hai phụ-nữ cúi mình nghe nhạc (*Le Concert champêtre*, 1510, của Giorgione) — những thân hình cao thấp nhịp nhàng, trong kiệt-tác của Cézanne (*Les Grandes Baigneuses* 1898-1905) — những nét uốn hình cong, vòng theo điệu múa vô-cùng uyển-chuyển của Matisse (*La Danse* 1910). Ngay đối với các tấm thân của Le Tintoret hoặc của Renoir, những ánh sắc ngọc ngà và vẻ ngây thơ trong trắng, xui khiến ta quí trọng tài nghệ và ưa chuộng dáng duyên hơn là mê say những « toà thiên-nhiên » « dày dày sẵn đúc ». Ngắm

kỳ những thân hồng hào lộ liễu nhưng mềm yếu của Modigliani, thấy phấn nhiều nét mặt đượm sầu hay mơ màng e lệ : sao có thể nghĩ bậy ? Ai không cảm thấy êm đềm, hoặc buồn man mác, khi nhìn những cô nhỏ trong « *Soir Trinitaire* », 1891 của Maurice Denis ? Ấy là chưa kể những khỏa-thân kỳ-dị của Picasso : còn dục-tình nào có thể xúc động trước những nàng thõng thượt thiểu não, hay cứng cỏi như sắt, méo mó như gỗ đá cắt chém lệch lạc ? Có thắc mắc, là vì sao đã vẽ kỳ-dị như vậy ?

*
* *

Đặt câu hỏi đó, tức là yên trí rằng họa-sỹ nếu muốn vẽ gì, cũng phải cố cho giống thực-tế, hoặc đẹp hơn thực-tế.

Quan-niệm chất-phác giản-dị như thế, hình như một sự tự-nhiên mà chẳng mấy phàm-nhân chúng ta chú ý kiểm lại. Hồi nhỏ, tôi cùng với nhiều người lớn tuổi hơn, rất phục hai hạng « phó vẽ ». Trước hết, là ông thợ truyền-thần cho cụ nội tôi ; khéo thật : như in, đủ từng nét nhăn cuối hai con mắt, lại cả sợi lông mày dài hơn các lông khác, mà cụ tôi gọi là thọ-mi, và mười đầu ngón tay với móng cong cong của nhà nho tự-trọng. Thứ hai, là ông vô-danh vẽ những tranh Tàu treo bán la liệt ngoài đường : sao Điêu-Thuyền mặt phấn môi son tươi thắm đến thế, quả là chung quanh mình chẳng thấy ai bằng, như vậy mới là « truyệt-trần » « siêu-phàm » quán-thế », bác tôi bảo cực đẹp, cực tốt, cực tài phải *tuyệt*, *siêu*, *quán* thì mới đáng khen, còn nếu thấy được hàng ngày, thì tầm-thường vô-vị lắm.

Thực ra, bác tôi cũng chẳng khám phá ra chi mới lạ, vì ý-kiến của bác đại-khái cũng phù-hợp với các tiêu-chuẩn thẩm mỹ (giống và đẹp, *critère de la ressemblance*) của các triết-gia nghệ-sĩ Hy La truyền qua các triều-đại và thể-hiện theo qui-mô này hay phương-thức khác,

– Soir trinitaire *của Maurice Denis 1891*

trên các loại tranh Âu-châu cho tới giữa thế-kỷ thứ XIX.

Vì thế, xem từ các tranh thời cổ, tôi càng ngày càng thấy ưa thích hơn. Sao ngay trước dương-lịch, mà họa-sỹ Grecs và Crétois đã vẽ người và vật giống thực như vậy? Tranh thế-kỷ XII, XIII, hình như kém đi: các hình thù kiểu «roman» hay «gothique» mộc mạc, cứng cỏi, khắc khổ, không «giống» lắm. Nhưng đến thời Phục-Hưng Ý, từ thế-kỷ XVI trở đi, quả là sướng mắt: những lực-sỹ vạm vỡ nhưng thân hình cân đối không chê vào đâu được; những nàng tiên hoặc các bà các cô óng ả xinh tươi, tuy thường nặng cân, nhưng dung-nhan xứng đáng với màn bạc hiện nay; — những trái táo trái cam, «tĩnh-vật, nature morte» mà trông như thật, chỉ muốn ăn; — những núi, cây, mây, hoa, sao mà đúng thế, rõ từng hốc đá, chiếc lá, hay hệt màu hoàng-hôn, chớ không thô-sơ «gợi là» như tranh Tàu và tranh ta phỏng theo Tàu; — những cảnh trận mạc, cảnh cung-điện, cảnh lịch-sử, hùng-tráng cực hùng-tráng, lộng-lẫy cực lộng-lẫy, thẳng thì thật thẳng, tròn thì thật tròn, mỗi đồ vật, mỗi dáng điệu, mỗi nét màu, thật tinh-vi trau chuốt.

Dù ở xứ nào hay thuộc môn-phái nào, Raphaël ở Ý, Vélasquez ở Y-Pha-Nho, Rubens ở Hòa-Lan, Poussin ở Pháp, dù ở nhóm «Ecole Flamande», «Ecole Venitienne» trọng mực thước qui-mô như phái Cổ-Điển *Classiques*, ưa múa may chuyển động như phái *Baroques*, muốn đi sát thực-tế như *Réalistes*, hay buông phóng tình-cảm và tưởng-tượng như Lãng-Mạn *Romantiques*... cũng đều vẽ người ra người, ngựa ra ngựa, cây ra cây, nhà ra nhà, nghĩa là toàn-cảnh tuy nhiều khi dàn xếp, song mỗi thành-phần trong bức họa dù nhỏ đến đâu cũng đều thấy trong trời đất cả. Nếu khó giống thì phải tìm ra mánh khóe gây cảm-tưởng là giống: (tromphe-l'oeil) bức tranh chỉ có bề ngang bề dọc, mỗi vật chỉ có thể vẽ theo chiều dọc chiều ngang, vậy làm thế nào giả vờ bề sâu bề tròn? Thôi thì họa-sỹ đua nhau tìm cách: đánh bóng (*modelé*) cho có vẻ tròn, nào bôi xẫm bôi nhạt (*dégradés*) nào kẻ vạch chạy dài hun hút (*ligne de fuite*) để tưởng là thấy phương xa (*perspective*) và bao nhiêu lề lối khác về nét, màu, ánh sáng. Kết-quả là họ thỏa mãn được sự đòi hỏi đơn-giản của hạng phàm-nhân như tôi: thích lắm, vì thấy giống quá và đẹp quá. Như vậy, tôi đã mặc-nhiên tán thành một quan-niệm rất lâu đời về hội-họa: nghệ-thuật này chỉ là sự bắt chước tạo-vật (*art-imitation*) (1).

---

(1) — «Phải ngắm tạo-vật và luôn luôn bắt «chước, *consulter la nature et imiter toujours*. Leo «Battista *Alberti* 1435.

— «Bao giờ cũng phải bắt chước cho hệt tạo-vật, «và tập nhìn cho đúng, *Il faut copier la nature, «toujours, et apprendre à bien voir*

«Nếu tự-thị có thể thay đổi sửa chữa những «gì anh trông thấy, anh chỉ đi tới giả-tạo, giả-trị «kỹ-thuật của anh đáng ngờ hoặc anh thành ra «lố lăng. *Si vous prétendez corriger ce que vous «voyez, vous n'arriverez qu'au faux, au louche ou «au ridicule*

Ingres (1780-1867)

«Qui tắc duy-nhất về nghệ thuật là theo đúng «hệt những gì trông thấy. *Le seul principe en art «est de copier ce que l'on voit*

Rodin (1840-1917).»

Cho nên, khi thấy tranh nào không giống, mặt lệch, lưng vồng ù lên, nét màu nghệch ngoạc, cây và người đều dẹt, vv... tôi sửng sốt và chán ngán : sao cứ lập-dị, không vẽ y như thật ?

Núi Sainte Victoire của Cézanne 1898
nét vẽ cứng hợp với các hình khối

Nhưng về sau tôi lại tự hỏi : nếu y như thật, thì thà chụp ảnh chớ vẽ làm gì, nhất là đã khá lâu nay, ảnh cũng đủ màu và ghi lại được rất nhiều cảnh sắc có ý-nghĩa. Tuy-nhiên, tại sao người ta và cả tôi nữa, vẫn quí tranh hơn, khi so sánh vẫn thấy ảnh « thế nào ấy » : như vậy đủ tỏ không phải vì tranh « vẽ giống » mà tôi thích, tất ở tranh còn có đặc-tính gì hấp dẫn, mà tôi chưa tìm ra ?

Rất nhiều ảnh chụp hoa nở rực rỡ, ở nhiều trang tạp-chí hiện nay : nhưng tôi chẳng ưa nhìn bằng mấy bông quì - hoắc hướng dương của Van Gogh (tranh *Tournesols*). Chắc hẳn vì một bên là hình sắc vô-hồn của máy móc vô-tri, một bên là nét màu quằn quại của một tâm - thần xúc động mãnh-liệt và truyền cảm chứa chan. Xem các báo điện-ảnh, biết bao nhiêu minh-tinh xinh đẹp : tôi giở qua, rồi vứt đi, nhưng tôi chẳng nhớ đã ngắm đi ngắm lại bao lần những ánh sắc dịu dàng hay óng chuốt ở mớ tóc, làn da, hoặc phảng phất trên toàn-thể các bức họa của Renoir, mà tôi không cảm thấy ở những tranh khác tuy cũng vẽ người vẽ mặt... Dần dần tôi nhận ra đã bị quyến rũ, không phải vì vật hay người được vẽ, nhưng vì sức cảm xúc đã hướng mắt dìu tay tác-giả, để hiện ra những nét, những màu, những « đặc sắc » mà tôi lặng thầm tiếp nhận như chất thơ huyền-diệu khó lòng phân tích. Hình như tôi thích vì tin là thông cảm với tâm-hồn họa-sỹ, vì khi vẽ cảnh vật, họ đã tả ra hồn họ, « *Ils ont peint leur âme en peignant les choses* » như lời danh-họa Dalacroix.

Nhưng từ nhận xét này, tôi lại đi tới một nhận xét cho là quan-

trọng hơn : nếu tôi coi tâm - hồn họa-sỹ là phần chủ-yếu, là tinh-thần bức tranh, thì cảnh vật vẽ có cần chi « giống » ở ngoài, nhưng phải hợp tình tùy ý họa-sỹ lựa lọc, sắp đặt, thay đổi thế nào cho thích-ứng. Như vậy, họa-sỹ không nhất nhất y theo tạo-vật, có quyền sử dụng tạo-vật với tất cả các sự chuyển nét, biến hình, và sai khiến ánh sắc. Họa-sỹ không bắt chước nữa, nhưng mượn những yếu-tố của ngoại-giới mà *tự-do cấu tạo nên tranh.*

Quyền tự-do cấu tạo đó, tôi nghiệm thấy xưa nay vẫn được thừa nhận, không công - nhiên thì mặc - nhiên, ngay đối với những họa - sỹ lên tiếng đòi hỏi những qui - tắc chặt chẽ và buộc phải theo thật sát tạo-vật. Về các phương - diện đó, còn ai khắc khổ bằng Nicolas Poussin, ông chúm phái cổ - điển thế - kỷ thứ XVII ?

Theo ông, hội-họa là kỹ-thuật « bắt « chước để ghi bằng nét và màu, trên « một diện-tích, tất cả những gì trông « thấy dưới ánh mặt trời, với mục-« đích hứng thú. *Une imitation avec « lignes et couleurs en quelques su-« perficies, de tout ce qui se voit sous « le soleil. Sa fin est une délectation* » Nhưng giáo-điều đó, ông đã khuyên áp dụng như thế nào ? Phải lựa chọn những gì có thể đưa vào tranh, để bố cục phân-minh, phải loại bỏ những gì xét ra vô ích hoặc không rõ-rệt ; phải làm nổi bật những hình nào được coi là chính ; phải đặt mỗi vật vào một vị-trí xứng đáng và định rõ thái-độ và tác-động ; phải đưa các nét vẽ theo những đường cong ra uốn vào *(arabesque)* về một hướng nào thích hợp, để giữ cho các nét cùng theo một nhịp điệu *(rythme)*...

Nhưng trong thực-tế, có sự xếp đặt như vậy không ? Ông chủ trương bắt chước tạo-vật, mà thật ra ông ép tạo vật vào những khuôn-khổ do lý trí ông dựng nên, với tất cả những sự biến đổi cần-thiết, thành ra chính ông đã đi xa sự mô-phỏng máy móc và cũng may, vì nếu không như vậy, thì ông đã chẳng thành danh Nicolas Poussin. (1)

Nếu ông thày khoa bắt chước còn biến đổi, và biến đổi sự thực bằng *lý-trí*, thì cầm sao người khác biến đổi bằng *tưởng-tượng*, bằng *tâm-tình*, bằng *cảm-giác* ? Ông biến đổi để thực hiện sự cân-đối, thăng-bằng, yên - tĩnh : nhưng người khác lại ưa xúc - động, hùng - mạnh, bi-đát, hay gây sợ gây thương gây hoang mang, tất cũng có thể biến đổi để đạt sở-trường sở-thích. Cánh cửa đã mở toang, để các họa-sỹ mặc sức lao mình vào những thế-giới ảo-huyền và vô-biên của hội-họa, hay đúng hơn để vào nghệ-thuật mà tạo cho mình những thế-giới riêng với những cảnh vật không cần gì « đúng » những nét những màu không cần chi « giống » Ai vẽ thiên về hình-thể, thì biến nét (la ligne) ai vẽ thiên về ánh-sắc, thì biến màu (la couleur) hoặc vì màu mà phải đổi nét.

---

(1) Đứng riêng về phương-diện nghệ-thuật thuần-túy, định diễn tả thực-tế, chính là sửa lại thực-tế : « en tant qu'art, tout réalisme est une *rectification* » *André Malraux* — Les voix du Silence.

Hoàng-hậu Eugénie *vợ vua Nã-phá-Luân III.*

Tranh vẽ của Winterhalter 1861. khác gì ảnh chụp ?

Một thiếu-phụ trong tranh « Le Skating » của Manet 1879. Nét phác họa tự nhiên khác hẳn nét chụp của Hoàng-hậu Eugénie.

Cô Lunia Czechowska *của Modigliani 1919. Nhất định vẽ, không « chụp ảnh ».*

Một cô trong số các Cô « Demoiselles d'Avignon » *của Picasso — 1907.*

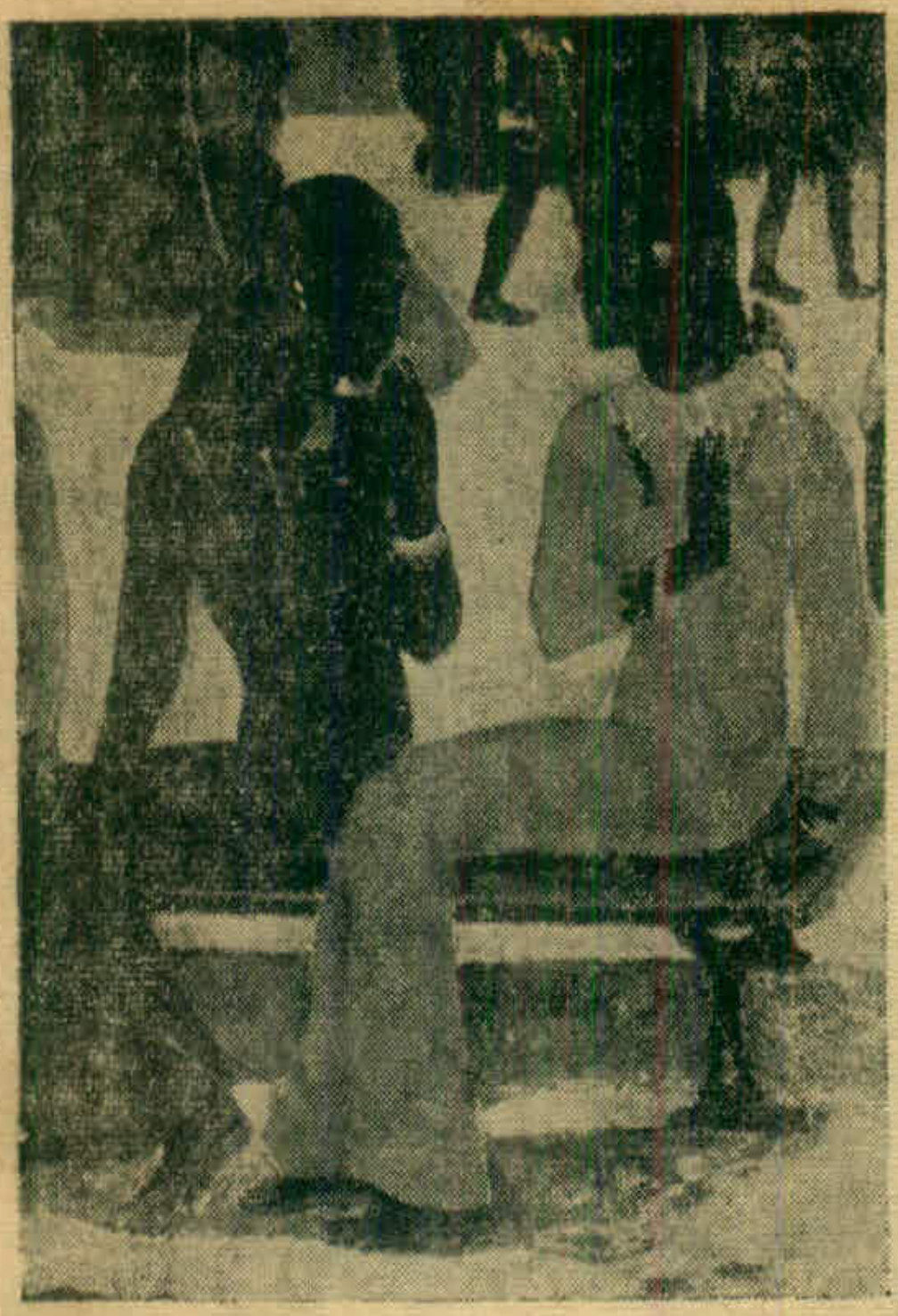

Cảnh chợ ở Tahiti, « Ta Matete » của Gauguin 1892. Dẹt như hình tranh hoặc tượng Ai-Cập thời cổ

Cổ bắt chước cho hệt, mới phải giả vờ có bề sâu chiều xa: trong bốn thế-kỷ, họa-sĩ hì hục thi nhau tìm cách vẽ cho được (profondeur, perspective). Nhưng nếu chẳng cần in lại tạo-vật, hà-tất tốn công? Gauguin, Matisse, và các đồ-đệ dứt khoát bỏ những hình nổi, tròn, thoăn thoắt, mà táo bạo vẽ hình dẹt, tô lớp mầu rộng trên mặt phẳng (*à-plats*).

Cần cho giống, mới phải đủ từng vật, từng hình, từng nét. Cảnh của Mantegna đủ nhà cửa, núi mây, cây cỏ, mà nhà rõ nóc, cây rõ cành rõ trái, đá đếm được từng hòn (*Le Christ au Jardin des Oliviers*). Nã-Phá-Luân của Gros ở chiến-trường, không thiếu một dây cương ngựa hay một tua ngù; Gérard vẽ thi-sĩ Lamartine y như chụp ảnh, đếm được cả mỗi khuy áo hay những miếng chạm nổi ở thành ghế, y như ông thợ truyền thần hàng đường Bông đã vẽ cụ tôi. Nhưng Monet hay Renoir vẽ phong-cảnh có cần chi đúng? Cho nên vài vệt sơn ngang dọc, chằm phá, đó là buổm, là cây, là nước.., và cũng đủ gợi hết cảnh linh-động trong ánh sáng rồi. Những vết chổi mầu, một sổ vạch thẳng đường cong cũng ghi lại muôn đời nửa người của Vallier, ông lão làm vườn của Cézanne, hay đúng hơn, là biểu dương tài cấu-tạo bằng ánh sắc hòa-hợp của họa-sỹ miền Aix.

Nếu tranh từ thượng-cổ mỗi thời một tinh-vi để giống ảnh hơn, thì từ giữa thế-kỷ XIX, càng ngày càng khác xa ảnh, vì những sự biến đổi về kỹ-thuật. Monet và các đồng-chí bỏ những nét rõ, cho khía cạnh (*contours*) mỗi vật lẫn vào ánh sắc (*passages*) nhiều khi như tỏ mờ ẩn hiện trong khói sương, trông rất thơ mộng. Seurat, Signac, không vẽ bằng nhát chổi ngắn dài, nhưng bằng trăm ngàn vết nhỏ lắm tầm bóng ráng khác nhau, để chập chùng hỗ-tương giao ứng mà hỗn-hợp thành những màu lung linh với cảm-tưởng gần xa

(*divisionnisme, pointillisme*) Cézanne vẽ như đẽo gọt góc cạnh, nhà, núi, thân cây đều như những khối, những trụ, chóp nón cầu (*tout traiter dans la nature par le cylindre, par la cône et par la sphère*) ông lột bỏ của tạo-vật những trạng-thái rườm rà diêm dúa, bắt hiện ra nguyên-hình kỷ-hà với thể-sắc đơn-thuần nhưng vĩnh-cửu. (1)

Sự giản dị-hóa các nét vẽ, được giới hội-họa đua theo và phổ biến rộng rãi. Các nét không còn nhiệm-vụ ghi cho thật đúng góc cạnh hay bóng ráng mỗi đồ mỗi vật, nhưng chỉ gọi là gợi qua các hình-thể, có khi là đường viền quanh tối-thiểu (cernes) nhỏ hoặc mềm (nhiều tranh Gauguin, Matisse) đen xẫm dập mạnh (tranh Dufy, Rouault) cuồn cuộn như làn sóng (tranh Van Gogh) nhiều góc cạnh nghệch ngoạc (tranh Picasso, Braque) cứng rắn như đá như thép (tranh Gromaire) hoặc biến mất hẳn vì mỗi vật hiện rõ hình nhờ màu sơn, không cần đến nét vạch (tranh Sérusier, Derain, Bonnard, Vuillard).

(1) Cézanne — của *Maurice Raynal* — SKIRA.

Sông Seine bến Courbevoie La Seine à Courbevoie của Georges Seurat. 1885 — Vẽ bằng các vết lấm chấm.

Họ biến nét vẽ, rồi đa-số cắm chổi họa ngay bằng sơn màu lên vải, không vẽ trước tô sau nữa. Và màu càng đóng vai trò quan-trọng hơn nét, nhất là đối với nhóm Matisse, Vlaminsk ưa dùng những nguyên-sắc sặc sỡ (*couleurs pures*). Bức tranh đối với họ, trước hết là một bản hợp sắc để gợi cảm (*polyphonie de couleurs*) cũng như bài đàn đối với nhạc-sĩ là một bản hòa-âm, và ở cả hai phạm-vi,

nghệ-sĩ chẳng cần bắt chước giống sự vật gì hết không lo trái ngược với thực-tế. Cho nên, ở trường-hợp cần chọn những màu hòa-hợp thì trời có thể xanh-lá-cây, cây có thể vàng-da-cam, thân người có thể vàng tươi (như tranh *Le Christ Jaune* của Gauguin) bãi biển có thể hồng (tranh *Cavaliers sur la plage*, của Gauugin) đầu, tóc, mắt có thể tím lam, mặt nửa vàng nửa hồng, mũi, môi, cằm có thể biếc tươi như lá (tranh *Portrait à la raie verte* của Matisse). Như Gauguin đã nói, màu sắc vốn có tính-cách huyền-bí, cho ta những cảm-giác huyền-bí, nên muốn hợp-lý, phải dùng nó một cách huyền-bí, không để vẽ, nhưng để cho những xúc-động du-dương phát nguyên từ bản-chất nó, từ sức mạnh huyền-bí mà nó chứa đựng (1).

Ngày hộ. 14-7-1907 *của Dufy, nét nguệch-ngoạc đập mạnh.*

Thoát ly những lề lối cổ-truyền, tự-do biến đổi nét màu để sáng-tạo chớ không mô phỏng, tất-nhiên các họa-sĩ từ cuối thế-kỷ trước đã dẫn chúng ta đến những hình sắc đặc-biệt mà ta chưa quen thuộc, nên tránh sao khỏi sửng sốt nếu không chịu tìm hiểu.

Đành rằng gợi ra cũng đủ chớ chẳng cần rõ rệt, nhưng sao lắm khi vẽ rõ nét, mà lại cho lệch lạc méo mó ? Đó là sự cố ý của họa-sĩ, để gợi

(1) « La couleur étant en elle-même énigmatique dans les sensations qu'elle nous donne, « on ne peut logiquement l'employer qu'énigmatiquement toutes les fois qu'on s'en sert, non pour « dessiner, mais pour donner des sensations musicales qui découlent d'elle-même, de sa propre « nature, de sa force mystérieuse, énigmatique ». (Gauguin — par *Charles Etienne* — SKIRA)

« Le vieux guitariste » *cảm giác khốn khổ của Picasso. 1903. Cần gợi lòng thương hay cần giống ?*

cho khán-giả những cảnh tình gì không x i n h đẹp theo ý thường của nhiều người, để chế giễu hài hước (như tranh Daumier hoặc tranh Toulouse — Lautrec) để tả bi thương thiểu não, P i c a s s o cho lệch vai nhô xương (tranh ông lão đánh đàn, *Le vieux guitariste*), để làm nổi bật vẻ kiên-quyết sắt đá (Gromaire vẽ chiến-sĩ như tượng sù sì) để phóng thả tâm - hồn cuồng - nhiệt (V a n Gogh cho lúa cuộn cành bay trong *Les blés jaunes* hoặc *Les Cyprès*). Tóm lại, nét chổi sơn cũng như nét chữ viết, tùy nhịp tình-cảm mà nhẹ nhàng, êm dịu, hay cứng rắn, lung tung, hình vẽ khác hình thực-tế, ghi ráng vẻ nhiều hơn thể chất, rung chuyển xô lệch tùy theo sức giao-động nội-tâm.

Lại còn nguyên-do khác, thuộc phạm-vi thẩm-mỹ. Mỗi thời, quan-niệm nhan-sắc thay đổi, tất họa-sĩ cũng phải đổi thay hình dáng phụ-nữ. Cho tới cuối thế-kỷ XIX, đa-số các bà các cô trong tranh đều béo mập, dù là thần-nữ của Rubens, các nàng lẳng lơ của Boucher hay Fragonnard, hoặc các phu-nhân hoàng-hậu như bà Du Barry hay bà Eugénie, có khi bụng phệ (người của Giorgione trong *Concert champêtre*) hầu hết đầu vẽ nhỏ, mặt vẽ nhỏ đi cho gọn

Đồng lúa vàng « Les blés jaunes » của Van Gogh. 1889 — nét vẽ quằn-quại như sóng gió chưa từng thấy ở họa-sĩ nào khác.

cho xinh, và để thân thể phô lộ ra hơn như tưng bừng nẩy nở : như đấu nàng *Suzanne* của Le Tintoret hay tiên *Diane* của Watteau. Nhưng về sau, nung núc là xấu, thanh tú là đẹp, nên Van Dongen — họa-sĩ cưng của phụ-nữ — đã phải thú : cần kéo dài các bà các cô ra, và vẽ sao cho họ mỏng manh đi « allonger les femmes et surtout les amincir » (tranh bà De Noailles, bà Jasmy Alvin, cô Paulette Pax).

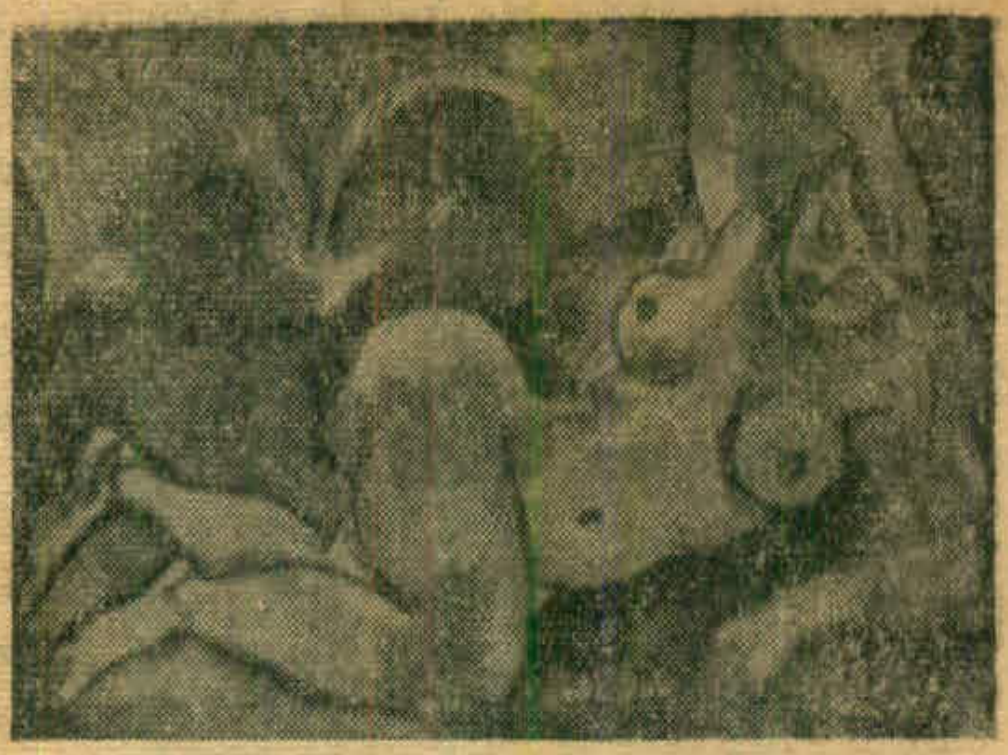

Khỏa thân xanh . Nu bleu *của Matisse. 1907*

Ngoài ra, họa-sĩ biến đổi khác thường, vì nhu-cầu thích-ứng về kỹ-thuật. Nhóm Matisse không muốn vẽ bề dày bề sâu theo lối cổ, không đánh bóng, không dùng các đường chạy

Cô Suzanne *của Le Tintoret (1518-1594)*

thoăn thoắt : vì thế, cần vẽ nét *vồng ra* cho hiểu đó là một khối, hoặc nét *lõm vào* đối với phần dẹt : kết quả, là nhiều phụ-nữ khỏa thân của ông, có bộ mông khá vĩ-đại (*Nu-bleu* 1907, *Sculpture et Vase Persan* 1908) Modigliani về sau cũng theo cách đó (1). Lại nhiều khi phải tìm màu thích-hợp, (*le ton pictural*) tỉ như một màu đỏ đủ tươi sáng để giao ứng được với màu lục bên cạnh ; mà theo kinh-nghiệm, thì khoảng bôi màu càng rộng, sức giao-ứng càng tăng ; vì thế, phải vẽ loang khoảng màu đỏ ra, mặc dầu như vậy hình sẽ khác thường : đó là trường-hợp bức khỏa-thân *Nu Rose* 1935 của Matisse, cô trong tranh nom dài ngoẵng và bắp đùi cánh tay quá mập, song nhìn kỹ, thì quả có sự cân xứng giữa tầm thân và toàn-diện, giữa màu đỏ của người nền tím của tranh.

Nhiều sự lệch lạc khác được giải-thích bằng những lý-do đặc-biệt, tùy trường-hợp. Như Le Greco vẽ mặt thánh *Saint-Joseph* với trán và đôi mắt nghẹo hẳn đi : họa sĩ Lhote cho

(1) Matisse, của *Jacques Lassaigne* — SKIRA. Modigliani — Nus, của *J.A. Cartier* (ABC).

là như thế mới phải, vì thánh nghiêng đầu, mắt ta ngẩng lên trông thấy cân đối sao được ? — Cô thủy-tiên *Nymphe de Fontainebleau* của B. Cellini có tầm thân rất dài, đôi đùi rất dài, cánh tay khuỳnh ngắn lắm, đầu nhỏ quá : Lhote bảo không sao, vì nếu chẳng có sự cân-đối theo lệ thường, cũng vẫn có sự tương-xứng của đầu và bộ ngực, của cổ và cánh tay cùng nơi bên trên đầu gối, miễn là có sự cân đối của bộ-phận này với bộ-phận nào đó trong toàn-thể (2).

Riêng tôi thiết nghĩ lời cắt nghĩa của họa-sĩ ở đây có phần lúng-túng, gượng ép : đổi gì thì đổi, nhưng cũng cần giữ mức độ nào đó, nhất là các nghệ-sĩ kể trên không thuộc các nhóm tối-tân, mà vẫn sáng-tác theo đường lối cổ-điển với dụng ý cho phàm-nhân thưởng thức được phần nào sự Đẹp (3).

Đ. T.

---

(2) « L'essentiel ici n'est pas la véracité des « faits, mais l'harmonie des rapports. Il y a har- « monie si les dimensions se retrouvent à des stades « divers, échelonnés tout au long de la figure ». *A. Lhote.* Traité de la Figure.

(3) Sau hết, nhiều cách thay hình đổi thể còn do sự biến-cải về nhỡn-quan, nhỡn-giới, cùng quan-niệm mới về hội họa. Xin liệu xét sau vì quan trọng hơn.

Kỳ sau : Tranh Lập-thể và tranh Trừu-Tượng .)

☆

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « Thử tìm hiểu hội họa » trong Bách-Khoa số 101 có những chữ in lầm như sau :

— trang 40 dòng 16 : *tánh thích* xin đọc *thành tích*
— cùng trang cột 2 dòng 26 : *khiếu mơ mộng* xin đọc *khiêu mơ mộng*
— trang 41 lời chú thích dưới hình : với đề tài lịch sử *cố và* cho thật hùng, xin đọc *cố vẽ* cho...
— trang 42, phần chú thích (1) : Le sujet... *n'agis* xin sửa : *n'agit*
— trang 44 chú thích : *tranh Compotion* xin đọc : *tranh composition*
— trang 46, chú thích : *antonio* xin đọc *Antonio*
— trang 47 chú thích ; *bi* đề tài xin đọc *vi* đề tài
— trang 47, cùng chỗ : Régates d'argenteuil xin đọc d'Argenteuil.

Xin bạn đọc sửa giùm các lỗi trên. Đa tạ.

Thử tìm hiểu về KHỐI ROYAL DUTCH/SHELL

Bạn cũng như tôi, chúng ta thường nghe nói đến danh từ SHELL và cũng thường nhìn thấy hình bóng CON SÒ tại các Trạm bán xăng, nhớt, trên khắp nẻo đường nước nhà. Những ai từng có dịp viễn-du còn nhận thấy chẳng riêng gì ở Việt-Nam, mà khắp các nước đều có SHELL với nhản hiệu Con Sò quen thuộc. Nào là Shell Cam-Bốt, Shell Lào, Shell Thái-Lan, Shell Phi-Luật-Tân, Shell Nhật, Shell Pháp, Shell Luân-Đôn, Shell Hoa-Kỳ, và... nhiều nữa, Shell gần đủ mọi quốc tịch.

Chắc đã có lần, chúng ta không khỏi tự hỏi rằng Shell là một tổ chức như thế nào, vốn liếng được bao nhiêu mà đem rải rác khắp thiên hạ như vậy ; ai là chủ số vốn ấy, một tư nhân, một gia đình, hay một nhóm tư bản ? — Mấy giòng sưu tầm sau đây mong có thể giải quyết được phần nào những điểm thắc mắc đó.

Cách đây gần sáu chục năm, hai Công Ty dầu hoả ROYAL DUTCH (Hoà-Lan) và SHELL TRANSPORT (Anh) khởi sự liên kết thành một Khối để gây thêm lực lượng kinh doanh, lấy tên là Khối ROYAL DUTCH/SHELL. Hiện nay, Khối này là một tổ chức quốc tế có thể lớn vào bậc nhất trong kỹ nghệ dầu hỏa, gồm tới 500 Công-Ty hoạt động trên 76 nước, với số nhân viên giúp việc đông tới 250.000 người (1/4 triệu) thuộc hầu hết mọi dân tộc và nói gần đủ mọi thứ tiếng. Những Công Ty này thường gọi tắt là Công Ty Shell với nhản hiệu CON SÒ theo định nghĩa tiếng Anh như Công Ty Việt-Nam cũng là một phần tử trong tổ chức quốc tế đó.

Trong năm 1959, riêng Khối này đã sản xuất được 128.200.000 Tấn dầu hoả nguyên chất, so với 1.064.000.000 Tấn của tất cả các Công Ty dầu khác trên thế giới cộng lại. Và cũng trong vòng ba chục năm gần đây, Khối Royal Dutch/Shell đã khuyết trương hoạt động thêm trong ngành Kỹ nghệ Hoá học và đã sản xuất những phân bón, thuốc sát trùng cùng hóa học phẩm dùng cho nghề nông, tơ sợi nhân tạo, nhựa hóa học và nhiều sản phẩm khác cần thiết cho công kỹ nghệ Hơn 5.000 chuyên viên tìm tòi khảo cứu trong các phòng thí nghiệm tối tân để kiếm ra những hóa phẩm mới, đã phải xử dụng hàng năm một ngân khoản không dưới 2.000 triệu bạc.

Tổng số kinh doanh đều là tiền tiết kiệm để dành của 725.000 người tại các nước. Họ là những người có khi xa nhau ngàn dặm, thường cả đời chẳng biết mặt nhau, phần đông thuộc thành phần trung lưu, biết lo xa dành dụm bằng cách mua cổ phần của hai Công Ty Royal Dutch và Shell Transport với điều kiện dễ dàng và giá thích hợp với túi tiền của mọi người (theo giá những ngày gần đây, chừng 650$ V.N. Một cổ phần Shell Transport, và 1.250$ V.N. một cổ phần Royal Dutch). Tất cả những cổ phần hay là những số tiền dành dụm đó được trao cho một Ban Quản trị để kinh doanh trong kỹ nghệ dầu hỏa Cuối mỗi năm, sẽ chỉ phân chia một phần nhỏ tiền lời cho các chủ cổ phần (thường

thường tương đương với mức lời tại các Ngân hàng), phần lớn còn lại sẽ đắp cả vào số vốn cũ để tăng cường dụng cụ đặng có thể hoạt động được mạnh mẽ hơn hầu thỏa mãn nhu cầu của nhân loại tăng tiến không ngừng. Do đó mà người ta đã có lý khi nói rằng Khối Royal Dutch/Shell không có chủ nhân ông tư bản với mọi quyền độc chiếm trong tay, mà đấy chỉ là một tổ chức cộng đồng hợp tác giữa hàng triệu con người luôn luôn chú trọng đến tương lai của kỹ nghệ dầu hỏa trong thời đại khoa học với những ảnh hưởng tốt đẹp của nó là đem lại thịnh vượng mỗi ngày một tăng cho các nước sản xuất cũng như tiêu thụ dầu hỏa trên thế giới.

Khối Royal Dutch/Shell hiện đang lãnh một vai trò kinh tế quan trọng trên bất cứ nước nào đã cần đến dầu hỏa để phát triển công kỹ nghệ và nông nghiệp. Chẳng phải đi sâu vào chi tiết, ta chỉ nhìn qua trên hai phương diện : sản xuất và tiêu thụ dầu hoả của một vài nước, cũng đủ hình dung thấy sự cộng tác hữu hiệu của Khối này :

1) Kỹ nghệ dầu hỏa là một kỹ nghệ không những đòi hỏi nhiều tiền vốn, mà còn dễ đưa đến nhiều rủi ro bất trắc trong cuộc kinh doanh. Nguyên việc tìm kiếm một mỏ dầu cũng có thể tốn hàng chục ngàn triệu bạc trong 10 hoặc 20 năm gian lao trước khi tìm thấy dầu hay là không bao giờ tìm thấy dầu cả (theo phương pháp tìm dầu tối tân hiện nay, đào 8 giếng dầu cũng mới tìm thấy 1). Xây dựng một nhà máy lọc dầu cỡ nhỏ để vừa đủ cung cấp nhiên liệu như ở Việt-Nam chúng ta (chừng 800.000 Tấn mỗi năm) cũng tốn phí vào khoảng 1 tỷ bạc. Đóng một chiếc tầu chở dầu cỡ trung bình (32.000 Tấn) cũng không dưới 225 triệu bạc. Hơn nữa, số tiền vốn cần thiết để kinh doanh dầu hỏa đôi khi còn quá mức khả năng tài chánh của một quốc gia. Cho nên, ngay tại những nước có mỏ dầu như ở Trung-Đông, Nam Mỹ chẳng hạn, sự hiện diện của Khối Royal Dutch/Shell với số vốn quốc tế mang tới, đã giúp những Chánh phủ này khai thác được tài nguyên quốc gia một cách dễ dàng.

2) Về mặt tiêu thụ, như chúng ta đều đã biết, dầu hỏa là một nhiên liệu có mãnh lực thúc đẩy mọi hoạt động, kinh tế khắp nơi. Nếu việc cung cấp dầu bất thần bị ngưng trệ thiếu hụt, thì sự tổn hại cho nền kinh tế tất sẽ khó mà ước lượng Vì vậy, vấn đề dự liệu đủ cung cấp dầu cho tương lai đã được coi là cần thiết, và Khối Royal Dutch/Shell. với chương trình trù tính lâu dài, đã phải xuất vốn hàng bao tỷ bạc để tìm kiếm thêm những mỏ dầu dự trữ đặng có thể thỏa mãn nhu cầu hàng mấy chục năm về sau.

*
* *

Tóm lại, Khối Royal Dutch/Shell là một tổ chức kinh doanh lớn về dầu hỏa, đã thỏa mãn tới 1/8 nhu cầu trên thế giới. Với khả năng hoạt động của nó từ trước đến nay và cả từ nay về sau nữa, ít ra cũng là 1/4 triệu nhân công trên năm châu được bảo đảm về công ăn việc làm theo một tinh thần phụng sự khoa học, góp phần nâng cao đời sống của nhân loại.

VIỄN - KÍNH

Nhân đọc bài « Lăng vua Quang-Trung »

của Ô. Ng-Thiệu-Lâu đăng ở B. K. số 99 ngày 15-2-61

TỪ LĂNG SỌ ĐẾN LĂNG BA VÀNH

★ *BỬU-KẾ*

NHỮNG kẻ tin theo phong-thủy, cho rằng mồ mả của người chết có liên quan mật thiết đến người sống. Cho nên người ta rất quan tâm đến việc chọn lựa đất đai trong những cuộc an-táng. Chôn vào đất tốt, con cháu sẽ làm nên, có khi phát vương, phát tướng cũng chưa biết chừng. Trái lại, gặp chỗ xấu, con cháu sẽ tàn mạt đau ốm, cực khổ v...v...

Cũng do đó, mà muốn hại đối phương, ta hay có lối tìm cách xâm phạm đến mồ mả, phá hoại hoặc cắt đứt long-mạch khiến con cháu không sao trồi đầu lên được nữa. Trong lịch sử, việc đào mả đổ xuống sông là một việc rất thường thấy. Tây-sơn đào mả nhà Nguyễn, đến khi lên làm vua Nguyễn-Ánh lại đào mả của Tây-sơn.

Thân phụ của Nguyễn-Ánh tên là Nguyễn-Phúc-Luân, mất năm 1765, nghĩa là trước khi Tây Sơn dấy nghiệp. Lăng của Hưng tổ là Cơ-thánh. Cơ nghĩa là nền, thánh là một tiếng tôn xưng. Lăng nầy nằm trên con đường đi lên lăng Minh-Mạng, mặt trước ngó ra sông, mặt sau dựa vào núi. Đứng về phương diện lịch sử thì du-khách cùng nên xem cho biết, chứ về lối kiến trúc thì chẳng có gì đặc sắc. Tiếp giáp với đường đi là một cái sân gạch không lấy gì làm rộng cho lắm. Bước lên mấy tầng cấp đến một cái sân thứ hai, tường xây ba mặt, ngay giữa trổ một cái cửa, sau cửa nầy là nấm mộ.

Theo Đại nam nhất thống chí thì năm 1790, quân Tây sơn khai quật hài

cốt đổ xuống sông chảy ngay trước mặt. Một người dân làng Cư chánh tên Nguyễn Ngọc-Huyên và con mới lén lút lặn hài là cốt lên chôn cất tử tế.

Sau khi vua Gia-Long lên ngôi, hay được chuyện ấy, chọn ngày lành chôn lại chỗ huyện cũ.

Theo lời thuật lại của dân chúng trong vùng thì sau khi Tây Sơn khai quật hài cốt của Nguyễn-Phúc-Luân ném xuống sông, một hôm Nguyễn-Ngọc-Huyên bỏ lưới bắt cá, kéo lên được một cái sọ. Ông ta hoảng sợ ném sọ đi, nhưng lần thứ hai tại thấy cái sọ ấy nằm trong lưới.

Nguyễn-Ngọc-Huyên mới khấn vái : Nếu quả là sọ của một vị nào anh-linh, xin cho chúng tôi biết. Thì qua lần thứ ba cũng lại thấy cái sọ ấy nằm ở trong lưới !. Kiếm nơi mai táng tử-tế. Khi vua Gia-Long lên ngôi, đi tìm lại hài cốt của thân-phụ, nghe người trong làng thuật lại câu chuyện đó, Ngài mới cho đòi Nguyễn-Ngọc-Huyên bảo chỉ chỗ. Khi đào được sọ lên, vua mới thử bằng cách chích huyết ở tay mình cho giọt vào sọ. Sọ liền hút những giọt huyết ấy như đất khô hút nước. Người ta cho rằng lối thử ấy cho biết về mối liên hệ giữa hai người có tình cốt nhục. Vua Gia-Long mới chôn lại huyết cũ và xây lăng Cơ thánh ngày nay.

Về việc vua Quang Trung xâm phạm lăng tẩm nhà Nguyễn, Dạ sử phép đại ý :

« *Sau khi thua Nguyễn-Ánh nhiều trận, Huệ cho rằng nhà Nguyễn, nhờ có mồ mả phát vương, mới sai người đào hài cốt các bậc tiền vương nhà Nguyễn đổ xuống hố sâu và sai Nguyễn-Văn-Ngữ đào lăng của Hưng tổ ném xuống sông. Lúc ấy nhà của Ngữ ở Kim-Long bỗng phát hỏa. Ngữ vội vã trở về. Nguyễn-Ngọc-Huyên mới nhân cơ hội ấy, cùng con lặn xuống sông vớt lên chôn cất tử tế, cho đến khi vua Gia-Long phục quốc v.v...*

Liệt truyện tiền biên cũng chép rằng Nguyễn-Huệ không phải chỉ xâm phạm mồ mả của thân phụ Nguyễn-Ánh mà còn hủy diệt các tôn lăng đời trước nữa. (Huệ tàn ngược vô đạo, sơ cứ đô-thành giã, liệt thánh chư tôn lăng giai phạm chi. : Huệ tàn ngược vô đạo, lúc mới đến đóng ở đô thành, tất cả các tôn lăng đều xâm phạm)

Để đề cao triều Nguyễn, Chính biên liệt truyện cho rằng cái chết của vua Quang Trung, một phần cũng do việc xâm phạm tôn lăng mà ra :

« *...Một buổi chiều, Huệ đang ngồi, bỗng mắt mờ đầu choáng, và thấy một ông lão tóc bạc từ trên không hiện xuống, mình mặc áo trắng, tay cầm đùi sắt, mắng Huệ rằng : Tổ phụ nhà ngươi lúc sinh thời ở đất của Vua, đời này sang đời khác làm dân của Vua, sao ngươi lại dám phạm đến Tôn lăng ? Đoạn lấy đùi đập vào trán, Huệ bổ xuống hôn mê, giây lâu mới tỉnh và đem chuyện ấy nói lại cho Trần-văn-Kỷ biết, từ đó bệnh trở nên nguy kịch.* (Liệt truyện chính biên sơ tập quyển 30, trang 42)

« Sách Liệt truyện chép tiếp : Lúc Huệ bệnh nặng có dặn lại :

Sau khi ta chết, nội trong một tháng, chôn cất qua loa sao cho xong thì thôi, bọn ngươi (Nguyễn - Quang - Diệu) nên cùng nhau giúp đỡ Thái-tử để sớm lo liệu việc dời đô. »

Vua Quang-Trung mất vào ngày 29 tháng 9, và theo lời căn dặn ở trên, tháng 10 đã an táng xong.

Trong Liệt truyện không minh-xác chỗ chôn, chỉ nói một cách mơ-hồ : Táng ư Hương giang chi nam (chôn ở hướng phía nam sông Hương, Vua Quang Trung sau khi thăng hà, Thị - trung Học sĩ Ngô-Thời-Nhiệm, Hộ bộ Tả đồng Nghị Nguyễn-Viết-Trực sang sứ Trung-Hoa cáo tang, nói dối rằng : Lúc Vua Quang-Trung mất căn dặn lại phải đem chôn ở Hồ Tây Bắc thành ngõ hầu gần gũi Thiên triều. Vua Thanh tin thật mới đặt thụy là Trung-Thuần, làm thơ để điếu lại tặng tiền và phẩm vật.

*
* *

Vua Gia-Long khi lên ngôi, có khai quật lăng vua Tây-sơn không ? Lẽ tất nhiên là có vì Liệt truyện đã chép rõ : *thị đông xa giá hoàng thành cáo miếu hiến phù, tận pháp trừng trị, quật phá Nhạc Huệ mộ, đảo khí hài cốt, u kỳ đầu vu ngục thất, cải Tây sơn ấp viết An tây ấp... Mùa đông năm ấy (Nhâm tuất : 1802), xa giá về đến Kinh thành, cáo miếu, làm lễ hiến phù (1) đem tất cả pháp luật ra để trừng trị, đào phá mộ Nhạc và Huệ, nghiền nát vứt bỏ hài cốt, đầu giam vào ngục thất, đổi ấp Tây sơn ra làm An tây ấp.)*

Theo truyền thuyết thì tại Khám đường có ba cái vò đựng sọ của các vua Tây sơn. Hai vò đựng sọ Nguyễn-Văn-Nhạc và Nguyễn-Văn-Huệ, còn vò thứ ba, người ta không rõ là của Nguyễn-Văn-Lữ hay Nguyễn-Quang-Toản. Ba cái vò đặt tại ba gian trong khám, dùng dây xiềng để cột lại, ngoài cửa niêm phong hẳn hoi. Cứ mỗi tháng lại một lần, có hội đồng đi kiểm soát. Lính gác khám đường cho rằng những cái vò ấy linh thiêng lắm nên thường hay cúng vái. Họ gọi là Ông Vò hay Ông Chúa Ngụy. (Theo Tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Huế bài Note sur les cendres des Tây-sơn dans la prison du Khám-đường của Nguyễn-Đình-Hòe trang 145 số 2 năm 1914)

Nay chúng tôi hãy xét đến ngôi mộ mà Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu gọi là Lăng vua Quang-Trung thử có đúng không :

Ông Lâu viết : *Gần Huế, ở các xã An-Ninh, Nguyệt - Biều, Kim - Long, có biết bao nhiêu mộ to. Có mộ mà bia bị chìm xuống đất.*

Nhưng chỉ thuộc về hai kiểu. Một kiểu thuộc về đời Nhà Tây - Sơn. Một kiểu thuộc về đời nhà Nguyễn.

. . . . . .

« Đây là một mộ to, có ba thành « bằng đá ong bao bọc. Chung quanh thành « ngoài, như các anh đã đứng trên mặt « thành mà nhìn, thời là các ngọn núi, « chạy vòng quanh với nhau, ôm lấy ba « cái thành, nghĩa là cái mộ ở giữa « một vòng hình lòng chảo vì chất đá « mềm đã bị suối đào (cuvette d'érosion).

« Nói tóm lại, lối kiến trúc hùng vĩ « trong một khung cảnh đặc biệt của « thiên nhiên, cái bia chữ thật to, bị « rập và cái mộ bị đào, ba chi tiết « này khiến tôi nghĩ rằng đây là mộ « một vị cấp cao chứ không phải là một « ông quan thường, dù là nhất phẩm, « văn hay võ.

(1) Hiến phù : dâng lên các đấng tiên vương những tù binh đã bắt được.

. . . . . .

Một lúc lâu tôi mới trả nhời : « *Đây là lăng Hoàng Đế Quang-Trung* ».

Và trong một đoạn nào Ông Nguyễn-Thiệu-Lâu viết : *Tôi tin chắc đây là lăng Hoàng Đế Quang-Trung* ».

Trước khi viết bài nầy, tôi đã đi những vũng Thành - Lồi, Ngự - Bình, Nam-Giao là những chỗ nhiều mồ mả. Còn tất cả các lăng của các vua chúa, dầu lớn dầu nhỏ tôi đã xem qua cả rồi. Theo tôi thì ở Huế không có lăng Tây-Sơn thành thử không có vấn đề khác biệt giữa kiểu lăng Tây-Sơn và kiểu lăng nhà Nguyễn.

Lăng tẩm nhà Nguyễn phần nhiều những bức thành xây bên ngoài, hình chữ nhật, cái nấm ở bên trong cũng vậy. Nhưng trái lại lăng Tự-Đức cái thành bên ngoài lại hình tròn. (Theo tôi biết, dưới triều Nguyễn, dân chúng không được đắp ngôi mộ hình chữ nhật vì thế nên ta thấy lăng vua và các ông hoàng bà chúa mới đắp hình chữ nhật mà thôi.) Cũng cùng con vua Minh-Mạng chẳng hạn mà có ông hoàng thì xây mộ trên mặt đất, nhưng có ông lại xây sụp xuống lòng đất, thành thử ta không thể bằng theo lối kiến trúc để phân biệt là lăng triều Tây-sơn hay triều Nguyễn được.

Sở dĩ tôi nói không có lăng triều Tây-sơn ở Huế là vì tôi nghĩ rằng một khi muốn phá lăng tẩm, người ta không phải chỉ moi huyệt lấy hài cốt mà còn phá sạch thành quách, khiến chỗ đó trở nên bình địa. Còn cái bia thế nào cũng đánh vỡ ra từng mảnh vụn chứ đâu có phải đâu cho mờ chữ đi mà thôi!

Cái lăng mà Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu nói đó thường gọi là lăng Ba Thành hay Ba-Vành, và vẫn có cái dư luận là vua Quang-Trung đã chôn ở đấy. Nhưng sự thật thì không phải.

Trước khi đưa bằng cớ ra, chúng tôi xin thêm đôi chút về lăng Ba-Vành.

Lăng nầy hình móng ngựa, vành ngoài vào lối 42 thước đường kính. Thành xây bằng đá lớn, chỉ có mặt trong trơn láng còn mặt ngoài thì đá không đẽo gọt. Vôi hồ không được gắn chặt. Thành bề dày 1 thước 40, cao 1 thước 60.

Để ra vào có một cái cửa rộng 5 thước, hai bên có cột trụ đá bị phá và mất một nửa. Trước kia hình như có cửa gỗ để đóng lại nay chỉ còn thấy dấu vết mà thôi.

Bên ngoài cửa, ngày xưa phía trước có lẽ có một cái bể cạn hình bán nguyệt vì ta còn thấy được hình dáng lờ mờ của nó.

Nấm mộ xây bằng đá nhỏ và vôi. Huyệt đã bị đào và lấp lại. Giữa khoảng bức thành và ngôi mộ lại có mộ của một người nào đem vào chôn ở đó.

Bia dựng trên một cái bệ, cao 1 thước 25, rộng 0 th 70 và dày 0 th 25. Mặt trước và mặt sau có những hàng chữ bị những lát búa đập vào cho mờ đi không thể đọc được.

Giữa bức thành và ngôi mộ lại có một cái bàn thờ xây bằng gạch phía trước có một cái bia nhỏ để bốn chữ : Son Nhạc Chung Linh (Khí linh thiêng của sông núi chung đúc lại). Đây là loại bàn thờ thổ thần, như ta thường thấy cạnh những ngôi mộ lớn.

Trong bài báo, Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu có nhắc đến cha Cadière. Cha là một người rất am hiểu về Việt-Nam, nhất là về Huế. Lúc từ trần, sách vở cũng như di-cảo, cha Cadière đều biếu dòng Thiên-An.

Dòng nầy có một cái thư viện chứa đựng khá nhiều sách cổ, lại được cái may mắn thoát khỏi nạn đao binh. Nhưng tiếc một điều là dòng Thiên An ở xa thành phố nằm trên ngọn đồi cao nên việc lui tới khó khăn, nhưng một khi đã đến nơi, các cha trong dòng tiếp đón rất niềm nở. Riêng về phần tôi, đã từng được giữ lại ăn cơm trưa.

Đọc xong bài « Lăng vua Quang Trung » của Ông Nguyễn - Thiệu - Lâu tôi nghĩ bụng thế nào trong tủ sách của cha Cadière cũng có đề cập đến. Tôi đã bỏ cả một chủ nhật để lên dòng Thiên An. Và sau khi lục tìm từ 8 giờ đến 12 giờ trưa, tôi kiếm ra một tài liệu chứng minh rằng lăng Ba Vành không phải lăng vua Quang-Trung.

Một cái thư của cha Cadière gởi cho Ông R. Orband, lúc bấy giờ giữ chức Hội lý hộ (Administrateur Délégué au Ministère des Finances) và cũng là trợ bút của Tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Huế.

« Nhờ bộ Lễ (hoặc một bộ nào khác) hỏi giúp làng Cư-chánh :

Ai đã chôn trong Lăng gọi là Lăng Ba Thành ?

Tại sao người chôn trong lăng ấy lại bị đào và đốt đi ?

Ngôi mộ chôn lại sau cũng trong lăng đó là của người nào ?
và vì sao bia lại bị búa đập ?

Ông. R. Orband trả lại bức thư của Cha Cadière, và thêm vào mấy chữ :

Thưa cha,

Sau đây là những điều mà tôi đã hỏi được.

Điều mà Ông Orband đã hỏi được đó là một tờ phúc thư của bộ Lễ, nói rằng : Tiếp Hộ chánh tòa Hội biện quan Đại-nhơn hỏi sự tích mộ Ba Vành và con cháu hiện nay ở tại xã nào, Bộ tôi đã tư Thừa - thiên Phủ chuyển hỏi làng Cư chánh. Nay cứ xã ấy khai rằng, ngôi mộ chôn ai, và con cháu thuộc xã thôn nào thì chưa được rõ, chỉ biết rằng mộ ấy là mộ xưa, nguyên đắp ba lớp thành tục xưng Ba Vành, bỏ phế đã lâu, chỉ lưu lại một tòa bia đá tự tích bị phá hủy.

Năm Thành-Thái thứ 13 (1901) lý trưởng lúc bấy giờ là Nguyễn-Bút (nay đã chết) cho Cơ mật viện Thừa biện Võ-bá-Khương (nay Chủ-sự Phụ chính phủ), đem thân nhân chôn vào trong lăng ấy. Bộ tôi hỏi viên chủ sự Võ-bá-Khương thì viên ấy khai rằng ngôi mộ Ba Vành là của Chánh Dinh Hộ Bộ kiêm Binh Bộ tặng Tá lý Công thần, đặc tấn Trụ quốc Kim tử Vĩnh lộc Đại phu chánh trị Thượng khanh Ý Đức Hầu Lê Quí Công chi mộ. Có một người làng Đồng Di là Đinh-như-Nghi khai rằng năm Thành-thái thứ bảy (1895) con cháu của ngôi mộ là Lê Xuân (nay đã chết) cải iáng hài cốt trong mộ đem qua chôn ở núi Ngự bình v..v..

Đinh Như Nghi có sao đính gia phả họ Lê, về viên quan đã chôn trong mộ :

Đời thứ nhất :

Chinh dinh Ký lục tặng Đại lý tự khanh, gia tặng Thị-giảng Quốc sư Đoan túc Duệ Bảo Trung Hưng Tuấn Đức Hầu Lê Quí Công, mộ tại làng Lương Văn.

Đời thứ hai :

Con của Quốc sư : Chánh đinh Tham nghị tặng Đôn Hậu Công thần đặt tấn Trụ quốc Kim tử Vinh lộc đại phu Đại lý tự khanh Hiến Đức hầu Lê Qui Công, mộ chôn tại xứ Cự sĩ.

Đời thứ ba :

Con của Tham nghị Chánh đinh Hộ bộ kiêm Binh bộ tặng Bá Lý Công thần đặt tấn Trụ quốc Kim Tử Vinh lộc Đại phu Chánh trị Thượng khanh Ý Đức Hầu Lê qui Công mộ gọi là Ba Vanh ở tại làng Cư Chánh.

Đinh-Như-Nghi có khai thêm rằng : Lúc Lê Xuân cải táng hài cốt ở mộ Ba Vành đem sang chôn ở núi Ngự bình bị dân làng Cư chánh nghiêm trách dữ dội, nên Lê Xuân hoảng sợ bỏ làng vào ở tại Đà Nẵng làm nghề thợ thiếc, nay đã từ trần.

★

Theo những tài liệu trên nầy, ta có thể tạm tin rằng Lăng Ba Vành không phải là lăng của vua Quang Trung.

BỬU - KẾ

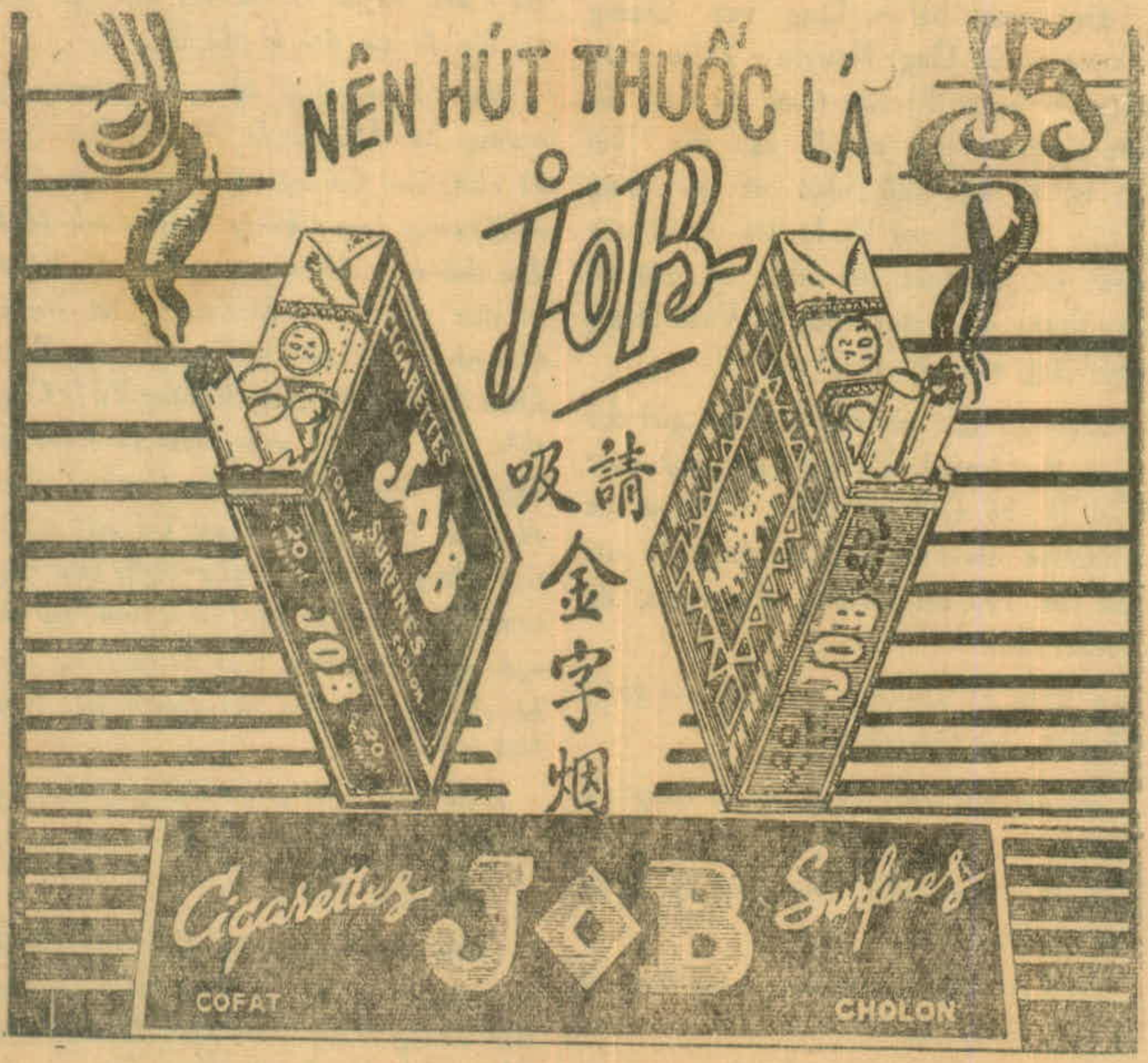

MỘT NHẬN-ĐỊNH VỀ HỘI-HỌA

họa-sĩ NGUYỄN-VĂN-PHƯƠNG

Từ cuộc Đệ nhị thế chiến vừa qua, tuy trải biết bao nhiêu biến chuyển chính-trị và kinh tế lớn lao đáng ghi vào lịch sử nhưng người ta vẫn không quên những sự kiện đã xảy ra trên lãnh vực nghệ thuật thế giới như sau :

— Khi lực lượng đồng minh phản công mãnh lực quân đội Thiên - Hoàng trên khắp mặt trận Thái-Bình-Dương và đang chuẩn bị đổ bộ lên đất liền, không-quân Hoa-Kỳ ngày đêm đánh phá các mục phiêu quân sự đã được lệnh tuyệt đối tránh không được oanh tạc nhằm vào bất cứ một Bảo-tàng-viện hoặc Thư viện nào trên toàn cõi Nhật Bản. Lệnh này đã được tuân hành triệt để cho tới khi đồng minh toàn thắng. Và nước Nhật tuy bại trận, nhưng tất cả những tài nguyên Văn hóa cũng như sản phẩm nghệ thuật quý giá của dân tộc họ vẫn được toàn vẹn.

— Ngày những sư đoàn thiết giáp tiền phong của quân Đức - Quốc - Xã đang rầm rộ tiến về phía Paris và ngay sau khi nhận được tối hậu thư buộc đầu hàng, Pháp đã ký nhận ngay sự đầu hàng ấy, để rồi mấy năm sau khi được giải phóng, ngày nay nước Pháp vẫn còn kiêu hãnh bảo toàn được những kho tàng nghệ thuật vô song của họ với Bảo-tàng-viện Louvre hùng vĩ, với điện Versaille tráng lệ huy hoàng giữa Paris chói ngời ánh sáng.

Theo những tài liệu văn hóa (U.N.E.S.C.O.) người ta được biết rằng : từ bên kia bức màn sắt, ngay giữa thành trì của thế giới Cộng sản, Bảo-tàng-viện Hermitage của thành phố Léningrad và Bảo-tàng-viện của kinh thành Mạc-Tư-Khoa đều đã dành riêng những căn phòng thật trang trọng để trưng bày hàng trăm họa phẩm sơn dầu của các họa sĩ thiên tài bên thế giới tự do có tên như Cézanne, Van Gogh, Matisse v.v... Những sản phẩm văn-nghệ này đã được sáng tác bởi các bàn tay người nghệ-sĩ tha thiết với tư tưởng tự do tại các kinh thành nghệ - thuật Tây-phương, và chỉ riêng các lãnh tụ cao cấp của chính quyền Cộng sản mới được đặc cách vào nghiên cứu hoặc chiêm ngưỡng những tác phẩm này.

Phải chăng tư-tưởng sáng-tạo siêu-việt của nền nghệ-thuật thế-giới tự-do vẫn có

tác-động mạnh tới thâm-căn niềm cảm - súc của những con người đã được tôi luyện máy móc bởi nền văn-hóa Mác-Xít.

— Ngay sau khi bại trận nước Nhật kiểm điểm thấy trong số chiến - lợi - phẩm chiếm đoạt được ở mặt trận Đông-Dương, có một chiếc thùng gỗ trong đựng ngót trăm bức tranh sơn dầu trên vải có ký tên Jean Despujol. Lập tức Chính - phủ Nhật tìm ngay được địa - chỉ của tác - giả là người Pháp lúc đó hiện làm giáo - sư hội-họa tại trường Cao-đẳng Mỹ-Thuật ở Nữu-Ước, trước kia từng làm Giám-Đốc họa-phái lâu đài Fontainebleau bên Pháp, sau qua Việt-Nam có lưu lại Huế ít lâu. Và người nghệ-sĩ già không ngờ lại nhận được của Chính-phủ Nhật trao trả toàn vẹn số Họa-phẩm quý giá mà ông đã sáng-tác suốt đời mình, và đã tưởng như không bao giờ còn thấy nữa từ khi bị thất lạc ở Đông-Dương giữa mùa chinh chiến.

Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, khi chánh quyền thuộc-địa Pháp bị lật đổ, cao-trào đấu tranh dành Độc - lập của dân - chúng đang dâng lên mãnh-liệt, lòng căm thù hằng sôi lên trong những cuộc phá hủy tàn-tích nô-lệ của thời ngoại - thuộc hung tàn. Duy tại giảng-đường của viện Đại-Học Hanoi còn sót một tác-phẩm hội-họa lớn của Họa - Sĩ Tardieux, một giáo - sư sáng lập trường Cao-đẳng Mỹ-Thuật Hanoi. Bức tranh này là một bối-cảnh lớn vẽ thẳng lên bức tường cong lõm bằng sơn dầu theo thể tả - thực (gần giống như họa - phái cổ - điển). Nội-dung diễn tả lại những cảnh tượng đầu tiên của người Pháp khi mới đặt chân lên xâm chiếm đất Việt để khởi đầu cuộc khai-hóa văn - minh và đặt nền bảo - hộ : hình ảnh những người thực-dân Pháp đội mũ trắng rộng vành, quần áo trắng, đi giầy cao cổ đang thi ân cho người bản-xứ đứng tề-tựu dưới gốc một cây đa cổ thụ trước một ngôi đình, xa xa là cảnh làng mạc đồng bằng thôn dã.

Bức tranh này cũng như bao nhiêu tàn tích khác, chỉ có phần tác - dụng là nhắc nhở lại những chuỗi ngày hờn tủi, vong nô, đáng lý, đã bị đập nát tan tành hoặc cạo sạch xóa đi nhưng vẫn được giữ lại.

Phải chăng dân tộc Việt trên những quan-điểm phức-tạp về lập-trường chính-trị đã có một thái-độ khoan-dung và đã chấp nhận giá-trị chân-sác về nghệ-thuật của một nước khi là bạn, lúc là thù?

— Mấy năm trước đây khi bắt đầu có đường Hàng-không xuyên Bắc-cực để nối liền Âu-Á, đã có nhiều chuyến máy bay chở toàn họa-phẩm quý giá của Nhật-Bản băng qua miền tuyết lạnh Alaska để hạ cánh ở phi-trường Orly trên đất Pháp.

Nhật-Hoàng đã cử một nàng Công-chúa cùng đi với vị Tổng-trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục trong Chính-phủ Nhật bay qua Pháp để khánh-thành cuộc triển-lãm các tác-phẩm của các họa-sĩ danh tài Nhật-Bản được tổ chức tại Bảo-tàng-viện Mỹ-Thuật Tân-Đại (Musée d'Art Moderne) ở thành phố Paris.

— Cách đây mấy năm, thủ-tướng Pháp cầm đầu một phái-đoàn Chính-phủ qua Nga-Sô thương-thuyết, họ đã đem theo tới Mạc-Tư-Khoa đầy một chuyến máy bay toàn phẩm-vật. Những quà biếu này, ngoài những thùng xâm-banh hảo-hạng thì còn toàn là những tác-phẩm hội-họa sơn dầu trên vải của các họa-sĩ bậc thầy thuộc họa-phái Paris.

Đặt chân lên đất địch người Pháp đã khôn ngoan mang theo tất cả uy-thế đàn anh trên lĩnh-vực nghệ-thuật hội họa của họ.

— Và gần đây trong cuộc công-du Mã-Lai, tổng-thống Việt-Nam đã hân hoan khánh-thành ở thủ-đô Kuala-Lampur một phòng triển-lãm Nghệ-thuật Việt-Nam gồm nhiều họa-phẩm có giá trị của các danh họa Việt hiện có mặt tại thủ-đô Sàigon đã sốt sắng hưởng-ứng đáp lời mời tham-dự của Bộ Quốc-gia Giáo-Dục. Lẽ ra cuộc triển-lãm này chỉ mở cửa mười lăm ngày, đã phải kéo dài mấy tháng thể theo lời yêu-cầu của chính-quyền và báo-chí Mã-Lai để thỏa mãn nhu-cầu thưởng-lãm nồng-nhiệt của họ, để gắn bó thêm nhịp cầu giao-cảm giữa hai dân tộc nhược-tiểu vừa khôi phục lại nền độc-lập của mình và cũng đang tiến mạnh trên đường phát-triển nền văn-hóa quốc-gia.

Qua những sự kiện kể trên, người ta phải nhận-thức rằng dù trong bất cứ thời-đại nào, chinh-chiến hay thanh-bình, bất luận ở nơi đâu, từ Đông sang Tây, giữa nếp sống của xã-hội loài người văn-minh tiến-bộ hoặc chậm tiến thô-sơ, sự sinh-hoạt nghệ-thuật hội-họa vẫn hằng phát-triển không ngừng dưới mọi hình-thức.

Nhân-loại đã thật lòng dành cho hội-họa một cảm-tình ưu-ái nhất, dù trên thực-tế nó không thể cung-ứng những nhu cầu để nuôi-dưỡng phần thể-xác ; những bức họa dù là tác-phẩm trứ danh cũng chưa bao giờ có thể đem lại cơm ăn áo mặc, nguồn sống của mọi người.

Tuy nhiên chính vì nguồn sống ấy mà nhân loại đã nhiều lần lao mình vào việc binh-đao gây nên bao nhiêu cuộc chiến-tranh tàn khốc. Nhưng giữa khi đang tay tàn sát đất thù, hủy-diệt hàng triệu sinh-linh, họ lại đều hết sức bảo-toàn những sản-phẩm nghệ-thuật của nhau.

Tâm trạng ấy thực là phức-tạp.

Hội-họa vốn chỉ là ảo-ảnh của mầu sắc giữa không-gian đã có giá-trị gì để khiến cho nhân-loại tận tình bảo-vệ và cùng muốn cho nó được trường cửu vĩnh-viễn với thời-gian ?

Phải chăng vì nhân loại nhận-định rằng hội-họa là một trong những hình-thái sinh-hoạt nghệ-thuật có khả-năng diễn-đạt trung-thành nhất những tư-tưởng cao đẹp của loài người. Sự truyền-cảm của nó trực tiếp giữa giống người này qua giống người khác, không kể gì biên-cương của ngôn-ngữ. Sức Chinh-phục lặng lẽ âm thầm của nó qua mọi tuổi trẻ, già trong khắp các giai tầng xã-hội, hoặc dịu-dàng hoặc mãnh-liệt, bao giờ cũng gây nên được những cảm-súc chân-thành.

Nó khơi nguồn nhân-tính.

Nó xoa dịu những thù-hận oan-khiên của lớp người dị-chủng.

Nó làm cho nhân loại không còn thấy mình cô độc nữa vì nó là dư vang hình ảnh tinh thần nếp sống của loài người tự thủa ban sơ qua ngàn vạn năm nối liền với thế-hệ hiện tại dưới cơ man nào là sắc-thái.

Hội-họa đã gắn bó những ân-tình hằng cửu từ vạn kỷ xa xôi và qua cát bụi tang-thương nó sẽ vẫn còn mãi mãi truyền tiếp tình người cho hậu-thế.

NGUYỄN-VĂN-PHƯƠNG

MẸ CỦA CON MÌNH

✱ VÂN-TRANG

THẤY chị Nhiên hấp tấp đi vào, tôi lo lắng hỏi :

— Gì mà vội vàng vậy chị ?

Chị không trả lời, đi thẳng tới, ngồi phịch xuống ghế, thở ra sườn sượt :

— Không ai dè đời còn có cái khổ lạ lùng nầy : khổ vì người ở !

— ?

— Thật vậy chị ơi ! tôi không khổ vì cha mẹ, chồng con, tiền bạc gì hết mà tôi khổ gì người ở ! Con Bính giữ thằng Lộc của tôi đó, nó hoạch hoẹ còn hơn là... mẹ tôi ! Mà vẫn phải chịu đựng vì thằng bé mến nó quá. Mỗi lần nó về thăm nhà là thằng bé nhớ không ăn ngon, không ngủ yên giấc, giật mình khóc hoài. Vậy mà nó có thương hại cho đâu, lần nào cũng ở quá số ngày đã hứa !

— Rồi tại sao bỗng nhiên hôm nay lại vẫn vương toàn những ý nghĩ hắc ám ấy chứ ?

— Bởi vì chịu hết nổi, tôi đuổi nó hôm kia rồi ! Thấy mình cần nó lừng đến nước hỗn. Hôm qua, nó cãi với nhà tôi, tôi đuổi rồi. Bây giờ nghe thằng bé khóc, nóng ruột. Tôi giữ nó cũng không chịu và lại khi bận công việc phải đi. Hai ngày này nhờ cùng chị em hết, để tìm một đứa khác, một đứa cho có biết điều hơn chút, tôi đi tốn bao nhiêu là tiền xe, thời giờ mà tìm cũng chưa ra. Thật khổ !

Nghe chị Nhiên nói, tôi giật mình. May thay, vì không mướn được một người giữ con, tôi đã phải tự giữ lấy con. Trong cái rủi có cái may. Cách ngôn ít khi trật. Một người ở giữ con, mình không thể tìm dễ dàng như mướn những người làm các công việc khác. Tôi không bằng lòng để họ thả con tôi chơi lăn lóc dưới đất, tôi cũng không bằng lòng cho con tôi sang chơi hàng xóm, cũng không bằng lòng cho ẵm mãi đứa bé trên tay, không bằng lòng họ hôn hít quá, chúi đầu vào bụng, vào cổ đứa bé, chọc cho cười điên dại, thở ra ngay vào mặt nó, nạt nộ hay ít hơn nữa, cau có với nó. Khi nó ngủ, tôi không muốn họ đẩy nôi, võng nó vùn vụt và nói to tiếng om sòm bên tai nó.

Bởi yêu sách cầu kỳ ấy, tôi được một bài học. Không ai thèm ở giữ con tôi, tôi phải giữ lấy.

Tôi sắm một cái xe và để con lên, khi nó chưa biết chơi thì tôi treo trước mắt nó

một chùm bong bóng hay banh nhỏ màu nhẹ — tránh màu đỏ và các thứ rằn ri rực rỡ chói mắt — khi biết ngồi, biết chơi thì tôi mua các loại đồ chơi mềm và vừa may vá vừa chơi với con. Thằng bé không phải dang nắng chơi đất lê la hàng xóm để đút đồ ăn bậy, không bị làm món đồ chơi cho mấy đứa bạn của người giữ nó với những bộ quần áo thiếu vệ sinh. Nó được ở trong nhà, mát mẻ, yên lành chơi, sờ mó, cầm nắm món này, món nọ, dùng hai tay để làm những thí nghiệm đầu tiên. Thỉnh thoảng nó cầm một món đưa lên, bi-bô hỏi, được mẹ trả lời lại cũng bằng vài tiếng bi-bô, kèm một cái hôn nhẹ nhàng và đôi mắt nồng đượm yêu thương ! Bây giờ tôi lại được cái sung sướng không phải khổ vì người giữ con như bạn tôi !

Con tôi sanh ra nhẹ kí hơn con chị nhưng nuôi lại khoẻ mạnh, mau lớn hơn. Tôi thì bảo rằng vì tôi biết cách và chủ ý săn sóc hơn người giữ con chị, nhưng chị thì lại cho rằng tại thằng Lộc chưa qua cái « đớt ».

Lúc ấy, tôi hành động hoàn toàn căn cứ theo trực giác của lòng mẹ và cái trình độ vệ sinh thô thiển của tôi, nhưng sau này — khi con đã lớn — tôi đọc sách giáo dục mới thấy tình cờ mình đã nuôi con đúng phần nào theo phương pháp lời khuyên của bác sĩ cùng các nhà chuyên môn tâm lý trẻ con.

Bỗng chị Nhiên hỏi :

— Chị có biết người nào, chỉ giùm tôi một người đi. Tôi bèn trình bày quan điểm của tôi : một người giữ em thì phải sạch sẽ, dịu dàng, vui vẻ với trẻ em, lúc nó còn nhỏ. Khi được vài ba tuổi là tuổi trẻ em tập nói, tập quan sát sự vật chung quanh, nên thường tò mò, lục phá, hỏi dai và lắt léo, người giữ nên chịu khó — thay vì la rầy, nạt nộ, nhốt vào nhà tắm — giúp đỡ và giải thích đơn giản vừa tầm hiểu biết của nó. Người như thế thì tôi chưa tìm được. Tưởng rằng sẽ được bạn phục vì những hiểu biết mà tôi cho là quan trọng lắm, nhưng trái lại, sau khi nghe dứt câu nói, chị Nhiên báy tôi một cái thật dài, con mắt trái có đuôi :

— Thôi đi, tôi chỉ muốn có một người trông coi, ẵm bồng, giặt giũ cho con tôi, chứ tôi không muốn cho nó có một người mẹ nữa...

Tôi cướp lời :

— Phải vậy chớ sao. Giữ trẻ mà chị không muốn tìm cho nó một người có lòng mẹ, chị cứ tìm một cái máy thì được gì ?..

— Ừ, chị gắp tìm một người có lòng mẹ cho con mình rồi nó sẽ là mẹ con mình thật đấy : mẹ ghẻ .. Vả lại có đâu mà tìm. Muốn vậy thì chỉ có cách tự mình làm mẹ của con mình mà thôi.

— Trời ơi ! bà này có « ý nghĩ đen » quá xá. Vậy thì bằng lòng hy sinh con đấy à ? Không nghĩ tới cuộc đời nó rồi đây sẽ phải chịu những ảnh hưởng trực tiếp của thời ấu thơ...

Chị buồn :

— Thật cũng khó. Biết sự quan trọng của giáo dục thời ấu thơ thì không còn dám giao con mình cho ai giữ. Nhưng giữ lấy con... vất vả quá, tôi không kham.

Trông những mâu thuẫn đó, tôi không biết làm gì để giúp chị. Cho đến khi chị ra về, chúng tôi vẫn còn trong tình trạng lình bình như cũ. Chị tốn thêm một mớ tiền xe để vào nhà tôi, rốt lại cũng chỉ « đi sao về vậy không hơn chút nào ».

VÂN-TRANG

LÁ THƯ HẢI - NGOẠI

MINH - ĐỨC

Alger ngày 16 tháng hai

Anh Nguyễn,

HÔM nay là ngày đầu mùa chay của Hồi - giáo, tôi muốn kể thêm cho anh nghe một vài điều lạ mà ở xứ ta ít người tìm biết. Theo lịch thì mùa chay năm nay phải bắt đầu vào sáng ngày 15 tháng hai dương - lịch tức là ngày hé nụ trăng non, nhưng lịch là một chuyện mà trăng non lại là một chuyện khác. Năm nay lịch bảo ngày 15 tháng hai có trăng non nhưng vì các vị thánh sống (Marabout) chưa trông thấy trăng nên chưa cho khai mạc mùa chay, mãi đến chiều 15 các ngài mới trông thấy và cho rao lên ở đài phát thanh để cho tất cả những con chiên của Hồi-giáo bắt đầu vào mùa chay (tiếng Ả - rập gọi là ramadan). Những thành phố lớn như Alger, Oran thì buổi sáng đầu tiên ấy có mười phát súng thần công bắn lên trời báo cho dân-chúng biết lúc mặt trời vừa hé mọc.

Không phải đợi đến lúc nổ súng các con chiên mới bắt đầu sự nhịn ăn, họ đã sửa soạn từ mấy tiếng đồng hồ trước, cứ thế cho đến lúc mặt trời lặn tất cả những ai ngoan đạo đều phải nhịn ăn, nhịn uống, nhịn cả hút thuốc. Chiều về khi nghe một súng thần công nổ báo giờ mặt trời lặn họ mới dám ăn uống.

Tại sao lại có mùa chay ? Tôi hỏi người Ả-rập nhưng không mấy ai trả lời được, người nầy bảo vì phong - tục, người khác bảo vì vệ sinh, hoặc tôn giáo. Họ chỉ biết đến thế chứ không ai chịu tìm hiểu kỹ hơn. Hẳn chỉ những người không ở trong tôn giáo mới hay tò mò. Theo sự hiểu biết nhỏ hẹp của tôi thì chỉ vì Hồi-giáo là một con đường rẽ của đạo người Do-thái (Hébraïque). Trong cựu ước có nói rằng đấy là một hợp-đồng ký kết giữa Yawei với các tổ tiên Do-Thái. Thánh-kinh của Hồi giáo (Coran) do Mohamed viết ra có nói thêm rằng nên nhịn ăn và để cái phần ăn ấy cho những người nghèo. Tuy vậy mùa chay của Hồi - giáo và đạo Do - thái không cùng một ngày tháng với nhau, và đạo Do-thái còn gay gắt hơn nhiều : chẳng hạn như có những ngày họ không những chỉ nhịn ăn uống mà còn nhịn nói, nhịn đi. Suốt cả ngày họ chỉ có quyền được đi mấy chục bước thôi, còn thì chỉ nằm một góc mà cầu nguyện.

Người Ả-rập Hồi-giáo tuy phải nhịn suốt ngày trong mùa chay nhưng ban đêm họ có quyền tha hồ ăn bù lại, vì thế đêm về, gia đình nào cũng thức rất khuya. Có người còn để đồng hồ reo đến 4 giờ sáng thức dậy ăn một lần nữa cho có sức mà nhịn suốt ngày hôm sau. Đi vào các khu vực Ả-rập vào mùa chay, lúc sáu bảy giờ chiều, anh sẽ thấy chật cả các vỉa hè ở hai bên đường phố với những cái bàn kê dài dọc theo lối đi, trên bàn bày đủ cả các thứ quà bánh ; không phải chỉ những người Ả-rập đến ăn mà tất cả du khách và ngay những người dân trong thành phố cũng nhân cơ hội đó đi chơi để nếm các thứ quà bánh. Anh Nguyễn nghe nói chớ vội thèm, bánh của người Ả-rập không ngon tí nào, ngoài thứ bánh hạnh nhân ra còn thì toàn là những thứ bánh rán béo ngậy tẩm mật đầy cả lên, ăn vào thấy như nó còn ở mãi trong cổ ; những ai đau gan, đau dạ dày xin hãy tránh xa.

Các gia đình lớn, đông bà con, thường mời nhau đến để cùng thức và cùng ăn đêm. Theo nguyên tắc, suốt mùa chay không ai được làm chuyện bậy bạ mà chỉ nên đọc kinh và đi nhà thờ nghe giảng. Ngay đến vợ chồng cũng nên tránh sự gần gũi, hoặc có lộn xộn cũng phải xem giờ nghĩa là tất cả mọi sự phải cho xong xuôi trước khi mặt trời mọc và chỉ nên gần gũi nhau với mục đích chính, tức là để có con nối dõi.

Theo Coran thì phải nên để ra hai sợi chỉ, một đen, một trắng ; lúc nào mắt người phân biệt được hai mầu chỉ, là phải ngừng tất cả mọi sự ăn, uống, hút, các thú vui vật chất v.v...

Những người thật ngoan đạo thì ngay lúc rửa mặt cũng phải chừa đôi môi không cho dính nước, ngoan hơn nữa thì không rửa mặt, không nuốt nước miếng, đàn bà bớt trang điểm son phấn, nhuộm tóc. Chỉ khổ cho những người nghiện hút thuốc mà phải nhịn suốt ngày.

Tất cả đều công nhận rằng vào mùa chay người Ả-rập thường hay cau có gắt gỏng, nhưng không gắt gỏng sao được : suốt ngày vừa đói vừa khát, nhất là khi trông thấy những người khác đang ăn uống trước mặt mình. Đến cả các hiệu ăn, hiệu bán thực phẩm của người Ả-rập cũng đóng cửa ban ngày đợi mặt trời lặn mới buôn bán, vì thế suốt tháng chay phố phường chỉ sống về đêm.

Những người ngoan đạo và có hoàn cảnh lại còn đi trẩy hội (pélerinage) ở La Mecque, nơi mộ của Mohamed.

Hẳn anh Nguyễn đã đọc và nghe nói nhiều về La Mecque, một vùng thiêng ở Arabie Saoudite kinh đô xứ Hedjaz. Trước thời kỳ Mohamed, La

Mecque đã là một nơi linh thiêng nổi tiếng. Ở La Mecque có một tảng đá đen rất lớn, theo truyền thuyết thì đấy là một thánh tích (relique) của ngôi đền đầu tiên do Adam dựng lên. Khi thiên thần Gabriel trao tặng Abraham thì tảng đá còn trắng toát nhưng vì những tội lỗi của loài người đầy rẫy đã làm cho tảng đá đen dần.

Truyền thuyết hay sự thật không biết chỉ biết rằng nơi đây mỗi năm có hằng trăm nghìn con người giàu cũng như nghèo, đi bằng máy bay, xe, tàu, hoặc lạc đà đến để hành hương. Họ tin tưởng rằng sau đấy họ sẽ trở nên tinh khiết, mọi tội lỗi đều được xóa bỏ. Từ một tháng trước mùa chay những ai uống rượu hay ăn vặt đều đã lo tập luyện dần ; nhất là người uống rượu phải bỏ rượu từ trước. Phải chăng vì thế nên con người mới đâm ra cau có gắt gỏng chăng ?

Ai cũng phải công nhận rằng đấy là cả một kỷ luật công cộng mà rất ít tôn giáo nào theo kịp. Tuy bảo nhịn ban ngày để ăn gỡ ban đêm thì nào có gì khó nhưng anh thử nhịn mà xem, không phải dễ như anh tưởng đâu. Sự thật thì trong lòng người Ả rập nào cũng chỉ mong cho cái tháng chay ấy chóng qua. Ngày cuối cùng, cũng với 10 phát súng thần công để bế mạc mùa chay và cái tinh thần cương quyết, đoàn kết của một tôn giáo từ nghìn năm nay.

Độ nầy Alger rất hay xảy ra những vụ bắn giết, người ta lợi dụng mùa chay để khuấy thêm vào, người Ả rập đổ lỗi cho người Pháp, người Pháp đổ lỗi cho người Ả rập. Trong những vụ lộn xộn ấy đặc biệt hơn ở các nước khác là bao giờ cũng có những tiếng rú (youyou) của phái phụ nữ để hưởng ứng. Sau nầy muốn cho tiện việc người Ả rập đã thu những tiếng rú ấy vào băng và khi nào cần mở đầu một vụ lộn xộn là chỉ việc bấm cái máy lục âm và tất cả đàn bà trong xóm tưởng có biến cố cũng vội vàng rú lên phụ họa, nghe như ma quỉ ở đâu hiện về. Mỗi một vụ đầu giả sau thật ấy đều kết liễu bằng một vài cái xác chết vứt lại và một số người được chở vào bệnh viện.

Cứ tình thế nầy chắc tôi phải dời « đại bản doanh » về Paris mất anh Nguyễn ạ, đã thế, khí hậu của Châu phi lại không hợp với người Á đông tí nào, tôi gặp ai cũng kêu ốm. Ban đầu người ta ngỡ rằng hai xứ đều có mặt trời giống nhau, ẩm ướt giống nhau, tất nhiên những ai sinh đẻ ở xứ nầy có thể chịu khí hậu xứ kia nhưng sự thật không phải thế, nhất là những người đứng tuổi, anh có muốn sang du lịch thì sang ngay đừng đợi già mới sang thì chỉ có nằm nhà uống thuốc. Hẹn anh thư khác.

MINH-ĐỨC

TRUYỆN DÀI

TUYẾT - HƯƠNG

PHẤN ĐẤU

PHẦN THỨ NHẤT

— Ảnh ai đây ?

Cầm bức chân dung, người bạn mới của tôi ngắm nghía một lúc rồi trao trả, khẽ lắc đầu hỏi :

— Ai thế ?

Không dấu nổi ngạc nhiên, tôi sửng sốt hỏi :

— Không đoán được ai à ?

— Chịu. Một thiếu nữ hóm hỉnh. Trẻ lắm, độ mười tám tuổi thôi.

— Tôi đấy. Chụp hồi tôi còn khỏe mạnh. Mới cách đây vài năm.

Chẳng hiểu sao tôi có dụng ý nhấn mạnh chữ « mới ». Cô bạn nhìn ảnh, nhìn tôi và nói :

— Hơi lạ. Song nhìn kỹ cũng thấy hao hao giống. Những nét chính vẫn nhận ra được.

Trông cái nhìn và dáng điệu, tôi biết bạn tôi tránh dùng chữ « già » và « xấu ». Chắc tại không muốn làm buồn lòng tôi. Nhưng dù bạn có nói, tôi đâu có quyền giận ! Đó là sự thật. Tuy nhiên cùng lúc ấy tôi công nhận sự thật nhiều khi làm mếch lòng. Tôi khẽ thở dài.

Soi gương tôi nhận thấy mình già và cằn cỗi. Nét tươi trẻ đã nhường cho dấu vết của bệnh não. Sức tàn phá của bệnh tật quả ghê gớm !

Mỗi lần soi gương tôi lại buồn. Tôi tủi thân oán trách số phận. Tôi muốn đập vỡ hết những tấm gương treo trong nhà. Nhưng buổi sáng sẽ làm sao chải đầu được ? Và những cặp mắt của người khác còn sáng hơn các tấm gương vô tri vô giác treo trên tường nhiều.

Vả chăng đó cũng là một sự thật. Tôi biết không thể trốn tránh, vẫn thường nhủ lòng phải can đảm nhìn thẳng vào sự thật.

Đứng trên hiên gác nhìn xuống đường, tôi thèm khát sự khỏe mạnh tươi đẹp của các thiếu nữ qua đường. Mùa xuân và sự vui vẻ ánh trên người họ, ngập cả quãng đường họ đi. Tôi mơ ước những khổ người tràn sức sống, những khuôn mặt ngời lên sự yêu đời. Tôi thiết tha với những nụ cười như ánh bình minh, những dáng điệu, cử chỉ trẻ trung, cuồng nhiệt...

Chính tôi cũng đã từng trải qua một thời kỳ khỏe mạnh và yêu đời như thế. Trước khi nhớn, ai cũng phải là trẻ con. Trước khi già, ai cũng phải trẻ chứ nhỉ. Sung sướng nhất là lúc vừa hết là trẻ con, vừa thành một người trẻ. Nhưng quãng thời gian ấy của đời tôi ngắn quá. Tôi có cảm tưởng mình chưa được hưởng. Mới như người ngồi trên du thuyền lướt qua một cảnh đẹp.

Bí quyết để kéo dài thời gian ấy dễ lắm. Chỉ cần khéo giữ sự hồn nhiên, bình thản ở tâm hồn, trong đời sống hàng ngày. Tôi biết tường tận bí quyết đó. Chỉ vì không thực hành nổi.

Tôi đã cố chiến đấu một cách tuyệt vọng để giữ thời gian ấy lại. Nhưng vô ích. Vì đã chót ốm đau.

Đôi lúc tôi cảm thấy hết nghị lực để chiến đấu với cái sức tàn phá vô hình, song rất mãnh liệt nào đó đến hoành hành trong cơ thể. Tôi muốn nhắm mắt lại để mặc hết thảy. Nhưng rồi có cái gì thúc đẩy, tôi lại hy vọng rằng sự thất trận đó chỉ tạm thời.

Một buổi sáng tôi thức giấc, đột nhiên cảm thấy có cái gì khác lạ.

Tôi mở mắt. Mở thật to để biết rõ mi mắt mình không còn đóng nữa. Có những sự ngờ vực khó tả. Nhưng tiếng động quen thuộc, nhưng to lạ thường, báo cho tôi biết trời đã sáng rõ. Song tại sao khung cửa sổ mờ như phủ sương? Cảnh vật ngoài cửa sổ và quanh trong phòng đang quay cuồng đảo lộn.

Tôi thấy hình như mình lạc vào một thế giới khác lạ. Đồ vật biết cử động. Có chuyến tầu hỏa tốc hành chạy đâu đây. Như chính trong đầu tôi. Phải lâu lắm tôi mới sai khiến nổi tứ-chi. Nhưng liền khi đó tôi cảm thấy sự đau đớn tràn ngập khắp cơ-thể. Nhất là ở đầu các khớp xương.

Nóng quá ! Có phải tôi đang bị nung như hòn ngói trong lò lửa ? Cổ tôi khô cháy rồi đây này. Tôi nghĩ thầm :

— « Ước gì có chút nước để uống. Nước lạnh sẽ dập tắt hòn than hồng trong cổ... »

Tôi cựa mình, cố kêu lên một tiếng. Có bàn tay mát dịu nhẹ đặt lên trán. Một giọng nói hòa-nhã :

— Con sốt rồi đây mà !

Tôi nhìn lên. Mẹ tôi đang cúi xuống. Tôi trông thấy mớ tóc trắng của người xõa trên một bên vai gầy. Và tôi thiếp đi.

*
* *

Một tuần lễ sau tôi hết sốt. Đã ngồi dậy, đi ra đi vào. Nnưng buổi chiều vẫn hâm hấp nóng. Mệt lắm. Người thì đau. Không muốn ăn. Rất tỉnh ngủ. Tôi cảm thấy có gì trong ngực. Có lúc hình như muốn ho. Có lẽ ho được thì dễ chịu. Tôi thử ho, song không thành tiếng. Chỉ như thì thầm. Anh tôi đưa đi chiếu điện.

Tôi không có ý nghĩ gì. Bởi vì tôi vẫn tin là không phải!

Hai hôm sau đến nghe... kết quả. Tôi ngồi đợi rất yên trí và vững-vàng. Tốn kém gì lòng tin-tưởng!

Trông các ông bác-sĩ và nữ y-tá mặc toàn trắng, tôi thầm hỏi miếng vải trắng che mũi và miệng có giá trị thế nào với vi-trùng! Chắc-chắn vi-trùng còn nhỏ hơn những khe hở ở vải nhiều lắm lắm. Vậy thì che thế với dụng ý gì? Để bệnh-nhân có cảm-tưởng mình ốm nặng hơn, hay để thầy thuốc có cảm-tưởng mình đã phòng-thủ, bảo-vệ trước vi-trùng? Có lẽ cả hai.

— Cô bị rồi.

Thấy tôi có vẻ ngạc-nhiên không hiểu, trong khi mắt nhìn chăm-chú miếng phim soi trước tấm kính có chiếu đèn, miếng phim thu hình bộ xương sườn và hai lá phổi của tôi đấy, vị bác-sĩ già nhắc lại:

— Phổi cô bị rồi. Bên phải bị nhiều, và trên đầu lá bên trái cũng đã chớm một ít.

Tôi lặng yên. Không hiểu sao lúc ấy tôi muốn hỏi có đúng phim của tôi hay của ai khác. Nếu hỏi thì tôi được hy-vọng trong lúc chờ đợi trả lời. Nhưng tôi không hỏi. Rồi bác-sĩ đã làm cái việc hỏi và đợi trả lời ấy thay tôi:

— Tại sao bây giờ cô mới đi chiếu điện?

Tôi mỉm cười. Trả lời thế tiện hơn cả. Bác-sĩ lại hỏi:

— Cô có ho nhiều không? Thấy ho thì phải đi coi thử. Biết sớm ngày nào chữa chóng hơn ngày ấy.

— Thưa bác-sĩ tôi không ho. Không bao giờ hết. Cả bây giờ.

— Thế tại sao bây giờ cô lại đi?

Tôi nghĩ học thuốc cũng hay. Các thầy thuốc có quyền hỏi vặn. Có phải mấy ông muốn bù lại suốt bao nhiêu năm trời đi học bị thầy giáo hỏi vặn?

Bác-sĩ cầm lấy hồ-sơ. Tôi thấy tôi cần phải trả câu hỏi vừa rồi.

Thế là đời tôi bắt đầu quay cuồng trong điệu luân-vũ: Dyhydro., Iso., P.A.S. ... Trong khi đó nếp sống hàng ngày thay đổi. Sức-khỏe mất nhanh chóng quá. Dù thầy không bắt mỗi ngày nằm nghỉ mười tám tiếng, có những ngày tôi cũng nằm gần hết cả hai mươi bốn tiếng.

Chính lúc đau trầm-trọng nhất, tôi cũng không có ý-niệm gì về bệnh tình của mình. Chỉ biết hễ mệt thì nằm, dễ chịu thì ngồi dậy, đi ra đi vào.

Lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ đến lời dặn của thầy thuốc: chịu khó uống thuốc, nghỉ-ngơi và... tin là mình sẽ khỏe.

(*Còn tiếp*)

TUYẾT-HƯƠNG

VỪA TIỂU-THUYẾT, VỪA KHẢO-CỨU, VỪA KÝ-SỰ :

VĂN-HÓA LỊCH-SỬ MIỀN NAM

Phong-tục, hội-hè, văn-chương, lịch-sử miền Nam
được phô-diễn, chứng-minh phong-phú trong sách

NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

Của **MỘNG-TUYẾT** *Thất Tiều-Muội*

☆

Dân-tộc Việt từ Bắc xuống Nam, rồi từ Đông tràn sang Tây, hòa đồng với dân-tộc nào để hoàn thành cuộc Nam-tiến tràng kỳ ? Văn-chương Hán và văn-chương Việt gặp-gỡ nhau, xung-đột nhau và phối hợp nhau ở điểm nào để gây dựng một nền văn-chương Miền Nam. Các câu hỏi trên đó đã được « **NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP** » trả lời cho các bạn.

☆

Sách dày 208 trang khổ rộng. Tài-liệu đầy đủ chắc chắn. Thủy-mặc, phụ-bản, ấn-tín tranh bìa do Thi-sĩ Đông-Hồ trình-bày theo một sắc-thái cổ nhã.

Bìa lá sen non, giấy ngọc trắng : 55 đồng
Bìa lá sen già, giấy ngà thơm : 95 đồng

YIỄM-YIỄM thư-trang, *113-115 Nguyễn-Thái-Học, phát-hành*

LUẬT LÀM CHỦ

(Rút ngắn truyện La Loi của Roger Vaillant, giải thưởng Goncourt Pháp 1957)

★ CÔ-LIÊU

TÔ-DU lượn xe quanh công trường, chiếc xe Lăm-bét-ta của chủ cho anh mượn để đi từ ấp lên tỉnh mua bán cho ông. Mua bán xong anh còn dư 200 đồng, anh giấu không cho Mai biết. Mai, vợ anh, là con thứ mụ Lý, một người nô-tỳ của chủ anh.

Tô-Du tự hỏi không biết nên xài 200 đồng cách nào ? 200 đồng là công nửa ngày thợ canh nông, là giá hai lít rượu chát, một cuộc mua vui tại nhà chứa điếm. Nhưng tại đây không có nhà chứa, phải bỏ ra 600 đồng tiền xe lên An-Nhâm, chi bằng vào tiệm đánh quyền phép.

Quyền phép là một lối chơi rất thịnh hành ở miền nam nước Ý. Một bàn có thể chơi 5, 6 hay 7 người. Sáu người chơi thứ nhất. Mỗi bàn chơi làm hai giai

đoạn. Trong giai đoạn thứ nhất người ta rút bài, ném súc-sắc hay rút thăm để bầu một người chủ tọa. Đến giai đoạn thứ hai người chủ tọa tự quyền chọn lấy người làm phó chủ tọa trong số người chơi. Hai người đó coi như thắng cuộc. Chủ tọa nắm quyền phép trong tay, được phép nói hay không nói, hỏi 4 người thua cuộc, trả lời thay họ, khen ngợi hay chê bai, thóa mạ, nói xấu, nói vu, bôi nhọ họ tùy sở thích. Người thua phải chịu phép, yên lặng mà chịu không được cãi lại. Đó là luật lệ chơi quyền phép.

Mỗi bàn đặt cuộc một lít rượu chát. Hai người được cuộc không phải trả tiền, 4 người thua chia nhau trả.

Tô-Du bước vào một quán rượu đang chơi quyền phép và được nhập cuộc khi bắt đầu vào bàn thứ 6. Anh thầm tính, mỗi bàn đặt cuộc một lít rượu giá 120 đồng, chia làm 4 phần, phần anh chịu 30 đồng. Vậy thì với 200 đồng anh có thể chơi được 6 bàn, kể như bàn nào anh cũng thua.

Trong số người chơi có Mã-Thiên, người ở ngay tỉnh Mãn-cổ này. Mã-Thiên nguyên là một viên đội Thủy-Binh, sau trận Đại-Chiến y trở về tỉnh nhà làm ăn. Y đã gần 50 tuổi. Ở đây y không làm gì cả, nhưng y kiểm-soát hết công việc của mọi người. Y kiểm soát người bán trái cây, người mua trái cây và kẻ ăn cắp trái cây. Y kiểm soát làng chơi, người mọc xừng và người cấm xừng. Y chỉ đường cho kẻ cắp và chỉ đường cho cảnh-sát. Người ta cho tiền y để nhờ y do thám và cho tiền y để đừng do-thám. Như vậy y đánh thuế tất cả mọi công việc buôn bán làm ăn và ăn chơi ở tỉnh Mãn-Cổ và vùng lân-cận. Mã-thiên dùng một người thợ làm đồ-đệ, tên là Bẩy-Xô.

Tối nay Mã-Thiên cũng gọi Bẩy-Xô đến đánh quyền phép. Trong số người chơi còn có một người Mỹ và Đông Thư-Lân (1), sinh-viên luật học ở thủ-đô về nghỉ hè.

Sau khi ném xúc-xắc. Bẩy-Xô trúng cuộc, được bầu làm chủ-tọa. Bẩy-Xô đưa mắt nhìn Tô-Du và nói :

— Tô-Du có cô em vợ kháu-khỉnh tệ... chọn một người có em đẹp làm phó chủ-tọa không phải là không có lợi. Tô-Du ! Nếu tôi chọn anh làm phó chủ-tọa chắc anh phải cho tôi mượn em chọn.

Con mắt mọi người xoáy vào Tô-Du. Ở đây ai cũng biết anh đang ga-gẩm Mùi, cô em vợ, mà Mùi không ưa anh. Bẩy-Xô đã nhắm trúng đích. Tô-Du câm như hến, đứng yên lặng trong bộ cánh trắng mới ủi.

Người ta cũng biết Mã-Thiên cũng muốn lơ-mơ Mùi, cô nàng cười khúc-khích khi Mã-Thiên nói đùa những câu hai nghĩa. Mã-Thiên là người thủ-đoạn, Tô-Du ghét Mã-Thiên lắm, nhưng không dám ra mặt chống đối.

Bẩy-Xô quay ra phía Mã-Thiên :

— Nhưng nghĩ lại, nếu tôi muốn Mùi thì phải nói chuyện với Mã-Thiên, anh cho tôi Mùi nhé !

— Để khi nào mở đường đã.

— Mở đường cũng không khó, vậy tôi chỉ định anh làm phó chủ-tọa.

---

(1) Đông: dịch chữ Don, dấu hiệu quý tộc nước Ý.

Chỉ định phó chủ-tọa xong, bốn người thua trả tiền cho chủ-tiệm. Chủ tiệm mang đến một bình rượu.

Bẩy-Xô đỡ lấy bình rồi tự rót một ly ra thưởng-thức :

— Rượu này đáng bực rượu tiến vua, uống một ly chơi phó chủ-tọa !

Cái thú chơi quyền phép là đảo ngược ngôi thứ trong xã - hội. Bẩy-Xô lên giọng chủ nói với người dưới làm mọi người nghe thích-thú. Có khi cao hứng, chủ-tọa và phó chủ-tọa uống cạn bình, không cho ai một hớp, đó là quyền của họ. Khi nào gần mãn cuộc chơi họ làm thế để cho người chẳng được làm chủ-tọa một lần nào phải thâm gan tím ruột mới thú vị. Cặp Bẩy-Xô Mã-Thiên chơi thạo quá, khi nào lại đi nước bài đó lúc mới nhập cuộc, người chơi còn tỉnh-táo.

Đổng Thư-Lân kêu-khát, họ cũng tặng ngay một ly tuy rằng không đúng luật chơi. Đáng ra phải nói với phó chủ-tọa : « anh trả tiền cho tôi một ly nhé ? » Đổng Thư-Lân con nhà giầu lại hào-phóng nên Mã Thiên không muốn phật ý hắn, vả chăng hắn có thể trở nên độc-ác được nếu bị khiêu-khích. Quyền lợi ngoài đời mâu-thuẫn với nước bài quyền phép, nhưng Mã Thiên đã uốn cong luật chơi một cách lợi cho đời thực-tế.

Đến lượt người Mỹ hỏi đúng luật :

— Anh trả tiền cho tôi một ly nhé ? Bẩy-Xô hỏi ý-kiến Mã-Thiên. Mã-Thiên từ chối :

— Tôi thiết tưởng có thừa rượu cũng chẳng nên đãi một anh keo-cú !

Người Mỹ này lừng danh kec - cú trong hàng tỉnh, vườn ô-liu của ông ta cũng nổi tiếng là xấu. Ông ta đứng ỳ ra không nói năng gì cả. Cú này cũng hay, nhưng họ thích chọc Tô-Du hơn. Mũi dùi sỉ nhục chọc vào những chuyện tình-duyên cay-độc hơn mà thích-thú hơn.

— Anh không đòi-hỏi gì hả Tô-Du ?

— Không.

— Được, đấy là quyền của anh.

Đến bàn thứ 2, lá bài lật lên, người Mỹ được làm chủ - tọa. Ông ta chọn Đổng-Thư-Lân làm phó. Anh này ngà ngà say chẳng thiết gì cuộc chơi. Khi Tô-Du hỏi rượu, anh thản-nhiên trả lời « không » Đổng-Thư-Lân không muốn làm nhục Tô-Du. Anh trả lời có hay không chỉ là tỉnh-cờ mà thôi. Đến bàn thứ 3 Mã-Thiên làm chủ-tọa, dĩ nhiên y chọn Bẩy-Xô làm phó. Tô-Du không hỏi rượu. Mã-Thiên không tha :

— Tô-Du hiền-lành quá. Vậy mà người ta bảo rằng y là người tin-cẩn của Đổng-Thái Gia cũng là một thứ phó chủ-tọa. Một người phó chủ-tọa phải làm cho kẻ khác kính-trọng mình.

Bẩy-Xô :

— Trong nhà Đổng-Thái-Gia chỉ có nữ phó chủ tọa.

— Sao ? Anh nói rõ cho tôi biết.

— Cách đây 30 năm, mụ Lý có bộ ngực đẹp. Đổng Thái-Gia vời đến, nhưng vuốt-ve mãi cũng chán nên đem gả cho một nông-phu, làm anh này, vì xấu hổ quá mà chết. Hồi đó anh ở trong quân đội nên không biết.

Mụ Lý sinh được 3 người con gái. Con cỉ là Mai-..

Mã Thiên vội xen vào :

— Mai, vợ Tô-Du.

— hãy khoan, để tôi cắt nghĩa rành rọt. Khi Mai 16 tuổi, Đổng Thái-Gia lại thấy nàng kháu-khỉnh, ngực còn đẹp hơn ngực mụ Lý. Thái-gia thương con bé quá đến nỗi nó lại to bụng. Bây giờ chỉ việc tìm một anh chàng chịu lấy Mai và luôn cả cặp sừng. Tô-Du dẫn xác đến.

Tô-Du nuốt tủi. Anh nghĩ thầm : « cứ nói đi, khi tao làm chủ tọa tụi bay sẽ biết. Thằng Mã Thiên này, mày lèn mặt ông nọ bà kia, mày có tiền gửi nhà băng nhưng không ai quên chuyện vợ mày đã qua tay tất cả các thủy-thủ. Mày đã mua giấy nhà bây giờ với tiền vợ kiếm của trai. Còn Bẩy-Xô, chuyện đánh cắp 500 ngàn đồng của một người Thụy Sĩ nghỉ mát ở đây dễ thường tao không biết ! »

Anh đã gọt rũa những câu, những chữ để tấn công.

Bẩy-Xô lại kể nốt :

— Nhưng em con Mai là Én lại lớn lên, 18 cái xuân không lọt qua mắt Đổng Thái-Gia...

Mã Thiên nối lời :

— Chẳng bao lâu sẽ đến phiên Mùi, cô em út.

Tô-Du thầm tính đã tiêu ba bàn mất 90 đồng rồi. Anh chỉ còn chơi được bốn bàn nữa. Mà chơi quyền-phép nếu gặp vận đen có thể thua thông 20 bàn. Hai tay anh nhiều thịt, trắng-trẻo, anh đặt lên bàn không hề run, nhưng ngực anh thắt lại vì lo-lắng.

* * *

Tại một phía công-trường, thiên-hạ ăn chơi dưới một gốc tùng. Mất 200 đồng người ta được vào vũ-trường khiêu-vũ và nghe nhạc. Ở ngoài, thanh-niên và thiếu-nữ không tiền đứng vòng trong vòng ngoài xem nhảy. Những người thất-nghiệp trở về khu lao-động, chạy dài từ một cái gò cao ở bờ biển tới đến thánh Vị-xuyên. Họ nằm trên giường hay trong ổ dơm tùy gia cảnh để nghe nhạc vọng đến.

Tại quán Thể - Thao viên trưởng-ty cảnh sát Hà-Thủ-Lô mời viên trưởng-ty nông súc ngồi cùng bàn uống một ly rượu. Ngồi đây, con mắt ông bao-quát cả công-trường. Cả đám người khiêu-vũ không ai lọt qua mắt ông. Khách ngồi chơi phần nhiều chỉ là những người đến đây tắm biển nghỉ mát. Các thân hào và gia-đình khá giả trong tỉnh lại đi nghỉ mát ở những bờ biển phía bắc nước Ý.

Viên trưởng ty nông-súc hỏi Hà Thủ-Lô :

— Nhạc jazz tỉnh ông hay lắm.

— Đối với một tỉnh nhỏ, như thế là khá rồi.

Viên trưởng-ty nông súc là người phương bắc được bổ-nhiệm ở Mãn-Cổ đã 3 năm. Ông chú trọng đến vấn-đề nuôi dê. Hy-Vọng lớn của ông là tạo ra một giống dê tốt, quen thủy thổ Mãn-Cổ. Ông đang muốn nói với Mụ Lý mượn Mùi về trông nom trại. Đã thoả thuận về Công-xá, nhưng còn phải đợi Đổng Thái-Gia ưng

thuận. Ông không hiểu tại sao Hà thủ-Lô lại biết rõ cả, có lẽ tại nghề của Hà cái gì cũng cần phải biết.

Hà Thủ-Lô nói.

— Vào địa-vị tôi, tôi không khẩn-khoản cầu con Mùi đến làm.

Hà cười, nhe hàm răng trắng rất đẹp rồi tiếp :

Con gái miền Nam này quái - dị lắm. Một là anh ngủ với Mùi, hai là không. Nhưng dầu sao, cũng có cả 10 người làm chứng đã thấy anh mưu toan phá trinh-tiết của nó. Họ sẽ đưa anh ra tòa. Anh chỉ còn có cách lấy nó làm vợ hay bồi thường mỗi tháng một món tiền.

Viên trưởng - ty nông-súc không tin những việc bỉ ổi như thế và bênh-vực ý-định thẳng thắn của mình. Nhưng Hà-Thủ-Lô cố bầy tỏ cho ông biết nếu mượn Mùi thì sẽ khó chịu thế nào.

Âm-nhạc nổi lên một điệu nhạc khác. Dàn nhạc do Phan-Khoa điều khiển. Phan-Khoa sinh-viên trường-luật Na-Pô-Ly là con trai Mã - Thiên. Trong khi nói chuyện, Hà-Thủ-Lô vẫn liếc mắt nhìn theo Điệp, con gái một người chủ tiệm buôn đồ sắt. Điệp có dáng người rất đẹp. Nàng đang nhảy với viên giám-đốc một đại-lý ngân-hàng. Điệp cười cợt, làm dáng với tất cả mọi người đàn ông có vợ hay không có vợ, trong số đó có cả Hà-Thủ-Lô. Bỗng Hà lại hỏi :

— Sao anh nghĩ đến việc mượn Mùi ? Có ai gợi ý anh trong vụ này không ?

Viên trưởng-ty nông-súc chợt nhớ ra một hôm có một mụ-mập đến trại chơi và tỏ ý ngạc nhiên sao công việc chăn nuôi quan trọng thế lại chỉ có một người chăn chiên.

— Anh đã mắc bẫy họ rồi đó !

Hà - Thủ - Lô nghĩ thầm « Mùi làm chủ được anh ta rồi ». Ở đời, người này làm chủ người kia, kẻ làm chủ người lại bị người khác làm chủ mình. Hà-Thủ-Lô đã làm chủ được nhiều đàn bà con gái hàng tỉnh, bấy giờ lại bị Điệp làm chủ mình.

Viên trưởng - ty nông-súc không tin lời Hà-Thủ-Lô, chỉ kết-luận :

— Con gái xứ quê là những người trông nom nhà cửa đắc-lực.

*
* *

Hết bàn thứ 7 Tô-Du không được làm chủ-tọa lần nào, cũng không ai bầu y làm phó. Đánh quyền phép chỉ thích-thú khi nào có một nạn-nhân thật sui-sẻo để cả làng săn đuổi như săn con thú.

Đến bàn thứ 7 anh đã nợ chủ quán thêm 10 đồng rồi. Tính anh lỳ, nhưng thua quá anh mất tự-chủ. Nếu bàn này thắng có lẽ anh sẽ thừa thế mà có diễn-xuất siêu quần để làm nhục đối-thủ.

Bàn sau Đổng - Thư - Lân lại thắng. Đổng biết rằng Mã Thiên là tay độc ác hơn cả nên chọn làm phó chủ-tọa.

Tô-Du đứng giậy, Đổng la lên:

— Anh không có quyền bỏ cuộc, đã chơi với chúng tôi tức là mặc nhiên ký hợp-đồng. Anh ký hợp-đồng làm với chủ không có quyền bỏ ngang cũng như chủ không có quyền đuổi ngang. Anh đang chơi không có quyền bỏ cuộc mà không báo trước.

— Thôi chào cả làng.

Chủ quán xen vào :

— Tôi không cho anh chịu nếu anh bỏ cuộc: đưa trả 40 đồng đây rồi hãy ra.

— Tội này là tội ăn quỵt.

— Chủ quán có quyền thưa cảnh sát bắt lại.

— Nếu ở lại chơi tôi sẽ cho chịu.

Tô-Du phải ở lại.

Những khách ăn trong quán cũng châu đầu vào bàn quyền phép. Họ lại đem Đổng Thái-Gia ra chế-giễu. Cả tiệm hò hét inh-ỏi. Cuộc chơi đến chỗ lý-thú nhất. Mã-Thiên ngồi chễm chệ trước mặt Tô - Du rót một ly rượu đưa cho Tô-Du :

—Uống đi.

Tô-Du uống ực một hơi rồi ngồi không nhúc-nhích.

*

Lâu-đài của Đổng-Thái-Gia ở một cái ấp ngoài tỉnh.

Trong căn phòng lớn, Đổng Thái-Gia ngồi trên chiếc ghế bành lớn. hai mắt không rời một pho tượng cổ của dân chài vừa mang đến bán cho ông. Tượng tạc một vũ-nữ mảnh mai trong bộ áo xiêm cổ Hy-Lạp.

Từ ngày bất-bình với đảng Phát-Xít, năm 1924, Đổng mới có 40 tuổi, ông trở về ấp săn bắn, câu cá, uống rượu với gia nô ngoài ra ông nghiên-cứu để viết lịch-sử thành phố Uria, một đô thị rất phồn-thịnh của người Hy-Lạp lập ra vào thế kỷ thứ 3 trước kỷ - nguyên ở tại đây, nay đã bị hoàn toàn tiêu-hủy. Ông là con nhà giòng dõi quý tộc. Ông giữ phong tục của các chúa tể xưa, gọi đàn bà con gái trong nhà lên hầu. Khi gặp một người con gái trong ấp nom hay mắt ông cho gọi đến, cho một việc nhỏ như giặt ủi, may vá hay bẻ hạt bắp, làm bất cứ công việc gì để lấy cớ giữ thể-diện cho bố mẹ. Nếu sau tối đầu, ông còn ham thích, ông giữ lại làm nô tỳ, nếu chán ông đem gả chồng cho. Đối với mụ Lý, tuy ông đã gả chồng rồi, ông vẫn giữ cả hai vợ chồng làm cho ông vì chồng mụ cẩn-thận giữ gìn đồ cổ ông sưu-tập, mụ Lý làm bếp khéo và lại mụ có 3 con gái xinh.

Đổng Thái-Gia là người giầu có lớn, ông làm chủ phần lớn đất đai vườn tược ở tỉnh Mãn-Cổ. Gia-tài của ông giao cho các chủ trại khai thác, người ta ăn cắp của ông một phần lớn hoa lợi, ông biết rõ nhưng đã chán việc đời, ông để cho họ ăn cắp. Như vậy họ kính trọng ông và ca tụng ông rộng lượng. Thỉnh thoảng ông cũng đuổi một người chủ trại để tỏ cho họ biết ông có mắt. Chủ trại ra tỉnh đứng đường, nhập vào hàng ngũ những người thất nghiệp.

Mỗi năm một lần, họ hàng xa gần kéo đến thăm đông đủ. Con cháu ông có người làm trạng sư, giáo sư, bác sĩ. Ông lấy làm thích thú báng nhạo tôn giáo và kể những chuyện tình của ông hoàng bà chúa. Đổng có những cử chỉ khả ố với con gái, các cô đỏ dừ mặt hay tái mặt đi, nhưng không dám làm dữ, sợ các bà mẹ quở. Các bà mẹ nhìn vào cái gia tài kếch xù của Đổng không người thừa tự mà liệu cách làm vừa ý ông.

Tuy thế một hôm có đứa cháu ngoại kháng cự lại, gầm lên :

— Dê già !

Đổng-Thái-Gia lấy làm khoan - khoái quá cỡ. Bà mẹ mắng át con rằng vô-

lễ, ông ngoại âu yếm cháu mà lại đi nghĩ xằng bậy. Đồng bảo thôi, không cần la đứa bé nhỏ dại. Trở về nhà ông cho gọi đứa cháu ấy đến giúp việc biên-soạn và sưu-tập. Con bé thông - minh lanh lợi lại có chút học thức. Đồng ưng ý lắm, ông cũng rất đứng đắn. Nhưng một đêm, cô nàng đi chân không, mặc áo ngủ trắng mướt lén đến buồng Đồng. Sáng hôm sau ông tống cổ cháu về, và từ đấy không tìm hiểu con người có thể đê-tiện được đến bậc nào nữa.

Tối hôm ấy, Đồng - Thái - Gia ngồi lặng-lẽ ở một góc bàn, trước ánh đèn dầu. Trước mặt ông mụ Lý và ba con gái nói chuyện rì rào. Ông không nghe thấy gì cả, chỉ chú ý đến công việc khảo-cứu.

Mụ Lý, Mai và Én tìm cách khuyên Mùi đến làm với viên trưởng-ty nông-súc. Mụ Lý hiểu ý ông ta muốn Mùi nhưng không muốn chính thức lấy làm vợ. Mụ tìm cách gợi những cảnh sung túc, sang trọng để dụ con gái. Nhưng Mùi khăng khăng không chịu. Họ đã tưởng tượng đến cảnh Mùi lên bà chủ sẽ đem nhiều quà cáp đến cho mẹ và chị. Thái độ cứng cỏ của Mùi làm mưu mô xắp đặt của mụ Lý trở nên vô dụng. Mụ đã thầm tính phải làm gì để rêu rao khắp tỉnh con mụ bị cưỡng hiếp và nhờ luật pháp can thiệp. Én tưởng đã được thảnh thơi, nay lại vẫn phải lo âu Mùi sẽ chiếm địa vị mình bên cạnh Đồng-Thái-Gia.

Bỗng mụ Lý nói :

— Nếu nó không muốn đám này, chắc nó đã phải lòng đứa nào rồi. (Mụ quay lại Mùi) Mùi ! mày phải lòng đứa nào ?

Mùi không trả lời chỉ mỉm cười.

Ba người đứng giậy giữ chặt lấy Mùi :

— Phải lòng thằng nào thì nói ra !

Mùi đứng giậy húc đầu vào mẹ, hất khuỷu tay vào ngực Én, nhẩy xô ra, chạy quanh bàn, đến ngồi dưới chân Đồng Thái-Gia. Mụ Lý chảy máu mồm, ngực Én đau tức ran. Hai người la inh ỏi.

Đồng-Thái-Gia cau mày đập tay xuống bàn. Mấy người yên lặng đến nấp sau lò sưởi. Ba mẹ con nhỏ to bàn định cách bắt cho được Mùi.

*

Mã-Thiên chấm dứt cuộc chơi. Y phải ra kiểm-soát đám khiêu vũ, vả lại cuộc chơi cũng hết thú từ lúc Tô-Du chịu uống ly nhục-nhã. Không ai để ý đến anh nữa, phải tìm một nạn-nhân khác thì cuộc chơi mới khỏi tẻ. Người chơi sành phải biết chấm dứt ván bài khi nạn nhân đã bị hành-quyết.

Tô-Du từ giã quán rượu ra công-trường tìm chiếc lăm-bét-ta.

Dưới cây tùng, Điệp khiêu-vũ với một người ở Rô Ma đến nghỉ mát. Phan Khoa điều-khiển dàn nhạc rất hay. Từng đám trẻ con từ các đường phố đổ ra, vọt qua chỗ người nghỉ má tnhư một loạt đạn ghém. Bọn trẻ con do Bê và Ba cầm đầu.

Hà-Thủ-Lô đi đến một quãng tối gần công-trường thì đụng đầu Tô-Du. Tô-Du không dự-định trước, nhưng khi gặp viên cảnh-sát trưởng thì vội nghĩ đến mối thù. Anh chào Hà rồi nói :

— Buổi sáng hôm xẩy ra vụ mất chiếc bốp của người Thụy-sĩ, tôi thấy có người

từ phía biển bơi vào bờ chỗ để chiếc xe của người Thụy-sĩ. Hắn bơi lấp vào bụi tre không ai thấy được.

— Chỉ có mình anh thấy ?

— Vâng, tôi ở trên mái nhà phơi trái cây. Từ đấy nhìn qua được dặng tre sang tới bãi.

— Sao hôm nay mới nói ?

— Tôi không dám nói vì tôi sợ hắn.

Chính là Mã - Thiên.

Hà-Thủ-Lô nhìn Tô-Du rất lâu rồi nói :

— Thế ra con Mùi...

— Con Mùi không trông thấy.

— Con Mùi đã làm anh mất trí.

— Tôi nhận ra đích thị là Mã-Thiên.

— Mã - Thiên đã muốn phỗng Mùi của anh.

— Tôi xin thề với ông buổi sáng hôm xẩy ra vụ mất cắp tôi trông thấy hắn...

— Buổi sáng ấy hắn đi Phố - Gia. Thôi trở về với con Mùi của anh.

— Tôi xin thề với ông...

Hà Thủ-Lô bực mình, nắm hai vai Tô-Du xoay người y lại đẩy ra với chiếc xe của y.

*

Từ ngày xẩy ra vụ cô cháu ngoại, Đổng-Thái-Gia chán hẳn cuộc đời. Bề ngoài, nếp sống hàng ngày của ông không thay đổi, ông vẫn săn bắn, khảo-cổ, tối về ngủ với Én, nhưng thực ra không để ý đến việc mình làm. Lúc ông ngồi ngắm bức tượng ông đã phân ra làm hai người. Một Đổng - Thái - Gia đứng trước mặt Đổng-thái-Gia ngắm tượng, lạnh lùng xa lạ với Đổng thái Gia và bức tượng, Ông không yêu mến thù ghét ai mà cũng không muốn yêu mến thù ghét ai.

Triết lý chán đời của ông bắt nguồn từ những kỷ niệm xa xôi. Hồi còn niên thiếu, Đổng du lịch qua Bồ-đào-Nha, một dân tộc trước kia hoạt động là thế, sự nghiệp lẫy lừng khắp 5 châu, mà nay sống thầm lặng không còn ai biết đến. Ông nghĩ đến người Pháp, người Ý, người Anh rồi cũng sẽ chán đời như vậy. Bây giờ đến lượt người Mỹ, người Nga, người Tầu hoạt động. Dân Ý phía Bắc còn đôi chút hoạt động nhưng đó chỉ là bề ngoài, cũng như dân Pháp, họ che giấu sự chán đời bằng tiếng náo động xe hơi và xe xì-cút-tơ,

Bản thảo cuốn sách khảo cứu về thị-xã Uria viết xong từ lâu, một tác phẩm vĩ-đại 1500 trang viết tay, nhưng ông ngại không muốn đem in vì sợ phải bận rộn với nhà in.

Đổng-Thái-Gia đứng giậy để lên gác đi ngủ. Én cầm đèn đi theo. Khi tiếng bước đi của hai người đã xa, Mai nhẩy xổ lại phía Mùi. Mùi đứng giậy chạy quanh chiếc ghế bành rồi luồn qua hành lang, nhưng mụ Lý đã chờ sẵn ở đấy. Quay trở lại thì Mai tóm được. Mai đang tuổi tráng niên lại lớn con hơn Mùi. Mai tát cho Mùi một thôi và thúc đầu gối vào bụng. Mụ Lý đã giấu sẵn khúc dây, mụ lấy ra cột Mùi vào chiếc ghế bành, Mai với tay lấy khẩu súng treo trên tường, tháo cái tiêm trong nòng súng ra làm roi, vừa quất vào người Mùi vừa hỏi :

— Bây giờ thì mày nói cho tao nghe đứa nào đã bắt hồn mày.

Mùi cắn răng lại chịu đòn. Giữa lúc ấy có tiếng xe Lăm-bét-ta ngoài sân. Mùi la lên :

— Tô-Du, vào cứu em với !

— À mày phải lòng thằng Tô-Du.

Tô-Du chạy ngang vào, trước mặt mấy người đàn bà anh có đủ tự-tín :

— Cởi trói ra, mau lên !

Mọi người phải cởi trói cho Mùi. Mùi dựa lưng vào tường cười ngặt-nghẹo. Tô-Du quắc mắt lên :

— Các người không có quyền....

Hai người đàn bà giật lùi ra khỏi phòng. Mụ Lý còn nói lại :

— Nó cười mày đấy.

Mùi vẫn cười. Tô - Du lại gần :

— Giờ Mùi hôn anh đi,

Mùi bước tới một bước, cẩn-thận đặt hai tay lên vai Tô. Tô chưa hiểu vì yêu mến hay cẩn-thận đề phòng Tô dở ngón gì, Mùi hôn lẹ lên trán Tô rồi chạy ra cửa biến vào trong đêm.

*

Ở quán rượu ra, Mã-Thiên rủ Bẩy Xô đến vũ-trường uống một ly. Ngồi vào bàn y lia mắt quanh một lượt là ghi hết chi-tiết về nhân và vật. Mã Thiên rút trong túi ra một con dao, nâng lưỡi dao lên cho nó phập xuống để nghe tiếng tách. Y nghe tiếng kêu ấy lấy làm khoan-khoái lắm.

Ở ngoài, Bê và Ba, hai tên cầm đầu tụi trẻ con, đứng tựa vào lan-can nhìn Mã Thiên. Chúng ăn mặc quần áo nhàu nát, rách rưới, bẩn-thỉu. Bê có một cái sơ-mi đứt hết cúc quá tồi tệ, nó cũng không buộc hai vạt áo lại ở trước bụng như tụi trẻ con khác bắt trước người nghỉ mát. Tóc nó đen, xòa xuống trán từng lọn quăn. Mười sáu tuổi, chúa đảng, hai mắt nhìn lộ vẻ táo-bạo.

Ba, người lùn, ăn mặc gọn - gàng hơn. Nó giữ trách-nhiệm quân-phân những của ăn cắp được. Bê canh chừng Mã-Thiên. Mã Thiên canh chừng công-trường. Mã-Thiên ra hiệu cho Bê lại. Bê nhăn mặt bĩu môi. Mã-Thiên quay đi. Vẻ khủng-khỉnh của Bê chứng - tỏ nó không sợ Mã Thiên. Tại Mãn-Cổ chỉ có tụi trẻ con không để cho Mã Thiên kiểm soát nổi. Chúng như hột cát bay không ai bắt được.

Một người bệnh muốn xin được giường nằm tại nhà thương, một tù nhơn ra ngoài đều phải trả thuế cho Mã Thiên. Một thương-gia có cửa tiệm, một ngư-phủ có chiếc ghe đánh cá, một tài xế có chiếc cam-nhông, một công chức có chức nghiệp, một thân hào có danh dự nên không tránh được sự kiểm soát của Mã Thiên. Nhưng tụi trẻ con không có gì cả ăn cắp được gì chúng chia nhau hưởng-thụ ngay. Bao nhiêu mái hiên ở Mãn - Cổ, bao nhiêu lều quán quanh vùng đều là nhà của chúng. Chúng không có cái gì là của riêng để cho Mã Thiên đánh thuế.

Một thủ đoạn ghê gớm của tụi trẻ con là vụ đánh cắp 1 chiếc xe Lăm-bét-ta. Chúng tháo ra từng mảnh đem bán riêng rẽ. Mã-Thiên tỏ ý muốn đánh thuế chúng thì chúng mang ngay cái biển số xe đến gài vào trước cửa nhà. Người ta thấy mấy ngày sau hàng nước đá, hàng kem, bán chạy hơn trước. Đó là dấu-vết duy-nhất của vụ mất cắp chiếc xe.

Bỗng dưng bọn trẻ con độ 20 đứa từ 12 đến 15 tuổi kéo ùa vào vũ-trường, mặt bôi lem luốc, chúng giả làm dân da đỏ, dơ búa tưởng-tượng lên hò hét.

Mã-Thiện cười không hé miệng, hai mắt híp lại. Đó là cái cười lạnh của y.

Bẩy Xô vẫn liếc mắt coi chừng Bê và Ba :

— Có lẽ tụi nó đánh cắp 500 ngàn của người Thụy-Sĩ.

— Nếu tụi nó lấy thì các tiệm bánh đã chẳng có đủ bánh mà bán.

Y để con dao xuống bàn. Bê và Ba lui ra, y để ý thấy hai đứa tạt vào quán Thể-Thao cùng mua kem ăn với những người nghỉ mát. Tụi trẻ con biến dạng vào các phố hẻm bên kia công trường.

Hốt nhiên đèn điện ở công trường và trong vũ-trường đều tắt phụt. Lúc ấy trăng đã lặn. Trời tối đen, tụi trẻ con nhẩy qua tường tràn vào vũ-trường. Con gái la lên. Cảnh-sát cầm roi tiến vào.

Chỗ nào cũng có mặt tụi trẻ con, rồi, thình lình chúng bỏ chạy hết. Yên lặng trở lại.

Mười phút sau đèn lại sáng. Người ta khám phá ra có một đứa trẻ lẻn vào thị-sảnh tắt công-tơ trước khi bày trẻ con tràn vào.

Sở cảnh-sát kiểm điểm thấy có 2 người nghỉ mát mất bốp cầm tay, 1 bốp của người Đức để trong túi áo vắt ở lưng ghế, 2 món đồ chơi của 2 đứa con gái.

Bê và Ba vẫn đứng thưởng-thức cây kem với mấy người nghỉ mát từ lúc xẩy ra vụ này. Khi bắt đầu mở cuộc điều-tra, hai đứa mới thong-thả từ quán thể thao đi vào một phố hẻm để đến nơi hẹn chia của ăn cắp với tụi đàn em.

Lúc tắt đèn con dao của Mã Thiên vẫn để trên bàn, bên cạnh chai rượu, nhưng khi đèn sáng trở lại thì con dao đã biến mất.

— Con dao đáng 800 đồng !

*

Ra khỏi nhà, Mùi men đến bụi tre ngoài bãi biển, nàng cất tiếng hát một bài hát cổ của thôn nữ hái ô-liu. Giọng bổng lên cao rồi lại hạ xuống. Một giọng hát say sưa, mê hồn như tự thiên cung vọng đến, tiếng người không thể hát được. Một giọng hát thần tiên tự miệng một người con gái nhà quê chưa từng học hát bao giờ.

Đồng-Thái-Gia sực tỉnh giấc, lặng lẽ đến mở cửa sổ lắng tai nghe.

Mùi hát xong, yên lặng len lỏi qua bụi tre, không gây một tiếng động nhỏ. Đến một chỗ, nó tháo dây cột một con thuyền nhỏ, hai tay cầm mái chèo đẩy thuyền lách qua những gốc tre. Lối đó chỉ riêng Mùi biết mà thôi.

Ấp Đồng-Thái-Gia ở phía bên này vũng, tỉnh Mãn-Cổ ở phía bên kia. Mùi chèo thuyền đến tỉnh thì áp thuyền vào một mô đá chèo lên. Nó đi qua những vườn Ô-liu, đến con đường cái, chỗ có cây lô-mét. Mùi với tay tìm hòn phấn giấu quanh đấy, vạch lên cây-lô-mét một vòng tròn, giữa hai vạch tréo.

Mùi đi đến khoảng vườn cam. Những vườn này đều có tường bao-bọc để tránh người hái trộm. Đến một cái cổng nó kiễng chân, với tay lên một hốc tường lấy chiếc chìa khoá mở cửa vào rồi để trả lại chìa khoá vào chỗ cũ.

Trong vườn tiếng suối chẩy róc rách. Mùi theo tiếng nước chẩy tiến đến chỗ có suối. Đến một cái suối cao nhất có một túp lều đựng dụng-cụ làm vườn. Trong lều có bàn ghế. Trên bàn mấy trái vả và một bình nước. Bao bố xếp đống ở một góc nhà.

Mùi ăn một trái vả rồi nằm lăn lên bao bố ngủ.

✦

Mã-Thiên dặn dò kỹ-lưỡng Bẩy - Xô rồi trở về nhà. Y ở một cái lầu-đài cũ của vua Frédéric II de Souabe. Y ở tầng trên, tầng dưới cho sở Cảnh - sát thuê để chứa hồ-sơ.

Vợ Mã-Thiên là một người đàn bà tóc vàng ở xóm ngoại ô một thành phố phía Bắc. Mụ lớn con hơn Mã-Thiên, có lẽ vì có giòng máu Lạp - Phu. Thấy vợ đã đi ngủ, y lấy một tập giấy má đặt lên bàn ăn và bắt đầu tính-toán tiền nong, viết thư giao-dịch. Tiền kiếm được ở Mãn-cổ y đem hùn vào các công - ty ở Phố-Gia, các hãng chế dầu, các công-ty vận-tải. Công việc làm ăn sinh lời nhiều hơn số tiền y kiếm chác ở đây. Con y sẽ giàu. Y chỉ có một mình Phan-Khoa nên cho học luật để sau này quản-trị lấy tài-sản. Kinh-nghiệm cho y biết chỉ có những nhà luật mới loè nổi y mà thôi.

Được một lát Phan-Khoa cũng về, chàng cẩn thận cất cây đàn ghi-ta điện lên chiếc bàn con. Mã-Thiên liếc mắt nhìn con. Phan Khoa cao lớn hơn y, vai rộng, tóc vàng như mẹ.

Phan-Khoa không buồn ngủ, chàng mỏi mệt vì chơi nhạc nhiều và thắc mắc về buổi hẹn sáng hôm sau với người yêu. Chàng cầm mấy bản nhạc đến ngồi yên lặng xem, bên cạnh bố. Mã Thiên rất ưa con ít nói, lúc nào cũng như có điều gì bí mật. Y nghĩ rằng con sẽ đương đầu được với các nhà luật học.

Y không cho con tiền túi vì con chưa làm ra tiền, nhưng y cho con theo đại học và sắm cho con những đồ chơi đắt tiền (như chiếc ghi ta điện) để con giữ vai về với con các thân hào hàng tỉnh. Phan-Khoa là trưởng ban nhạc Jazz, lại mới được giải thưởng sáng tác nhạc ở Na-pô-Li.

Mã Thiên cho rằng lúc này rất thuận tiện để tìm hiểu con mình :

— Sao con lại phải nhận thư lưu trí ?

Phan-Khoa nghĩ thầm : « nguy rồi, đáng lẽ ta phải nghĩ đến điều này, tìm phương-tiện khác » Chàng trả lời dè-dặt :

— Vâng, con vẫn nhận thư-từ thế.

— Tao biết rồi, nhưng tao hỏi tại sao lại phải nhận thơ lưu-trí ?

Mã-Thiên nhìn con chằm chằm, nhưng không đoán được gì cả. Phan - Khoa không tỏ vẽ bối-rối, chỉ yên lặng nhìn cha :

— Ồ, không có gì quan-trọng.

Mã-Thiên rất bằng lòng con mình kín-đáo, khó nậy được điều bí-mật. Người nào khôn-ngoan chưa chắc đã ăn được nó.

— Con có đứa tình - nhân nào ở Na-Pô-Li ?

Phan-Khoa nghĩ : « Chẳng thà mình nói ra, khó mà kiểm-soát được »

— Vâng.

— Điều ấy có gì phải giấu, sao con không lấy địa-chỉ ở nhà ?

— Vâng, con sẽ bảo nó.

— Nó đi nghỉ hè ?

— Vâng.

— Nó nghỉ mát ở Tuy-Ranh ?

— Không.

— Vậy sao phong bì đóng dấu nhà giây thép Tuy-Ranh.

— Con không để ý.

— Lấy ra coi lại xem

— Con không giữ cái phong bì.

— Lấy thư ra xem đề ở đâu.

— Con không giữ bức thư.

— Con biết nó ở đâu không ?

— Có.

— Ở đâu ?

— Nó nghỉ mát ở Bình-Mông

— Tại nhà bà con ?

— Vâng.

— Con thấy không. Nó mượn người mang thư đến Tuy-Ranh bỏ vào thùng thư để cha mẹ khỏi nghi.

— Chắc thế.

— Nó ở với cha mẹ chứ ?

— Chắc thế.

— Con chẳng biết mấy tý về thân thế nó.

— Vâng, con không biết mấy.

— Sao nó lại dùng máy chữ.

— Nó là thư-ký đánh máy.

— Đi nghỉ mát cũng mang máy đánh chữ theo à ?

— Con không biết.

Mã-Thiên nghĩ thầm : « Nó sẽ là tay cứng trước mặt các nhà luật »

— Ba mong rằng con không dại-dột nói với nó cái gì làm khó khăn cho mình về sau.

— Không, con nghĩ đến pháp-luật.

— Con có nhớ cách đừng làm cho con gái có thai ?

— Con nhớ.

— Nó ưng-thuận ?

— Vâng.

Mã-Thiên mỉm cười yên lặng, tay vẫn viết.

Trong khi ấy viên giám - đốc chi cuộc ngân-hàng Rô-Ma nói dối vợ ra phố hóng mát. Ông đến một chỗ tối để gặp Điệp đứa con gái tiệm buôn đồ sắt đứng đợi sẵn ở đấy. Bẩy-Xô lang-thang trong các phố vắng bắt gặp cặp trai gái này vội-vàng ghi vào trí nhớ (để biết thôi, Mã Thiên giao cho y trách-nhiệm khác)

*

Bê đã được một đồ đệ báo cho biết ở cây-lô-mét đầu tỉnh có vẽ một cái vòng trong có chữ thập. Nó choàng giậy đi về phía núi, không biết rằng Bẩy Xô đã theo rõi đồ đệ của hắn và rình hắn từ lâu.

Ra khỏi thành phố, Bê đi về phía vườn cam. Nó theo lối đi ngòng nghèo giữa hai bên tường cao, đến chỗ Mùi giấu chìa khoá, mở cửa vào.

Mùi đang rửa mặt ở bờ suối gần túp lều. Hai đứa gặp nhau, Mùi trong chiếc áo vải trắng, tóc rối bù, Bê, chiếc sơ-mi rách tươm quàng ở cổ, từng lọn tóc quăn xoà xuống trán.

— Có chuyện gì ?

— Tào vừa bị đòn.

— Đau không ?

— Không

— Bao giờ thì sở nông-súc đến mượn mũi ?

— Hôm nay hay mai, nhưng làm quái gì, tao không muốn đi làm.

Hai đứa ngồi cạnh nhau bên bờ suối.

Nắng đã bắt đầu gay gắt, nhưng trong vườn, dưới bóng cây, trời vẫn mát. Suối chẩy róc rách, hoa tỏa ra hương thơm ngào-ngạt

Mùi chưa đến 17 tuổi. Bê ngoài 16. Chúng chẳng đọc sách bao giờ vì chúng chỉ võ-vẽ đọc được mặt chữ thôi. Chúng cầm tay nhau ngồi dưới bóng mát, nghe tiếng nước chẩy róc-rách, lòng thư thái.

Bê lấy con dao ra tặng Mùi. Mùi thấy con dao biết là của tốt. Ở xứ trồng trọt, Mùi không lạ những vật-dụng ấy.

— Con dao này đáng giá 800 đồng.

— Con dao của Mã-Thiên đó.

Mùi giật mình :

— Thật không ?

— Thật.

— Tụi bay thiệt là bảnh.

Bê kể lại chiến-công tối trước. Nó đã khôn ngoan chiềng mặt ra quán Thể-Thao để không ai ngờ được nó nhúng tay vào vụ ấy.

Mùi nói :

— Vậy là khai-chiến với Mã-Thiên.

— Tụi tao khai-chiến với hắn đã lâu rồi.

Mùi tức giận nắm tay lại :

— Mã-Thiên, tao sẽ hạ được mày !

— Mày định làm thế nào ?

— Chưa biết. Có lẽ tao phải trở về bãi,

— Khi nào chúng ta đi trốn ?

— Có lẽ chóng hơn dự-định

— Ta bỏ rơi tụi trẻ con ?

— Không, ta đón dần từng đứa đi theo.

Khi trở về Bê gặp hai đứa trẻ làm cho Đổng-Thái-Gia :

— Không có ai ở trong vườn cam cả nghe không ?

Hai đứa trẻ mỉm cười :

— Không có ai cả.

Mùi trở lại túp lều, nó sẽ ở đấy xuốt ngày nghĩ mưu-kế.

✱

Tám giờ sáng hôm sau Phan Khoa đã sẵn-sàng để đi đến nơi hò-hẹn với Liên Hoa, một ngư-cảng nhỏ gần tỉnh Mãn-Cổ. Chàng mượn vét-pa của Đổng Thư-Lân. Mã-Thiên đã có ý-định cho con tự do nên không cản trở con, y còn bênh con khi mẹ có ý thắc-mắc :

— Con đã lớn, cần gì phải săn đón như đứa trẻ !

Y cho con một ngàn đồng mua xăng và tiêu vặt. Phan-Khoa đã sắp sẵn những câu trả lời cha, nhưng cha đã không hỏi lại còn cho một ngàn đồng, chàng càng bối rối không hiểu.

Phan-Khoa gặp Liên-Hoa từ vụ nghỉ hè năm ngoái tại nhà Đổng-Thư-Lân Cha Đổng-Thư-Lân là một thân hào trong tỉnh, hàng năm thết đãi mọi người, nhưng chẳng bao giờ mời Mã-Thiên. Tuy Mã Thiên giầu có hơn nhiều người, nhưng y vẫn là người không vai vế vì không được phong phẩm trật gì. Y chỉ là một viên đội thủy quân. Con y thì khác. Phan-Khoa là sinh viên nên Đổng-Thư-Lân nhân danh bạn học mà mời.

Hai mươi tuổi, chàng chẳng biết mấy tí về đàn bà. Khung cảnh ái tình của Phan Khoa là những cô gái điếm gặp vội vàng nửa giờ trong một căn phòng, tường và nệm trắng tinh như một phòng nhà thương. Điều chỉ dẫn vệ sinh dán trên tường, chỗ quan-trọng in bằng chữ đậm, bình thuốc tím pha sẵn để trên kệ, ống pom - mát tùy-tiện muốn thoa hay không cũng được.

Nhưng Phan - Khoa biết rằng đó chỉ là những món khai-vị, để đợi một người đàn bà hẳn hoi. Giờ chàng phải kiếm ra người đàn bà ấy.

Trong đời học sinh, chàng có tự - ty mặc-cảm là người ở bãi. Giọng nói đã tố-cáo gốc tích ấy, chàng tập mãi cũng không sao sửa đổi được giọng nói. Vì vậy chàng không tìm tình với nữ-sinh như chúng bạn, chỉ biết mơ-tưởng đến con gái mà thôi. Người tình trong óc của chàng lần-lượt là một cô ngoại-quốc một lần chàng gặp ở Capri, một con đòi nụ cười dịu-dàng, một bà chồng con đề-huề chàng chợt gặp tại nhà ông cậu.

Phan-Khoa cảm Liên-Hoa vì phong độ khoáng-đạt tự-do. Nàng ăn nói hoạt-bát, đã nhiều lần đàm-đạo với Phan-Khoa về tiểu-thuyết, âm-nhạc. Những người khác chàng đã gặp không ai biết ăn nói thế.

Đây là lần thứ nhất chàng sẽ gặp gỡ Liên-Hoa ở một mũi đất gần Mãn cổ, nhưng chàng đi đến tận Chi Von rồi mới vòng ra biển.

10 giờ sáng, Liên-Hoa đã sẵn sàng để đi thăm một đoàn trẻ em đi nghỉ mát, nhiệm vụ thân dân của một bà quan tòa.

A-Lịch-San, vị quan tòa, sửa soạn để đưa vợ đi. A-Lịch-San phải mất 15 phút mới cho chạy được máy xe hơi. Nàng đã biết ông chồng lọ mọ nên đề phòng cả, không vì thế mà đến chậm. Nàng lên ngồi cạnh chồng.

Liên Hoa lấy A Lịch-San chỉ vì ngán nhà chật-chội. Cha mẹ, chú bác, anh rể, chị dâu, các em nàng, cả thảy 15 nhân - mạng chia nhau 4 căn-phòng chật-hẹp.

Liên Hoa là người kiêu - hãnh, thẳng-thắn, nàng ghê-tởm chúng bạn thì thầm về con trai, nàng ghê-tởm đàn ông trọc ghẹo mình. Những cách ăn nói trai lơ, cử-chỉ lả-lơi chỉ làm nàng lợm giọng.

Liên-Hoa đã học hết cấp trung-học tuy không thi tú-tài. Nàng đã đọc vài cuốn tiểu-thuyết nên lại càng thấy cái đẹp ái-tình tả trong truyện khác hẳn những cử chỉ thô-lỗ của đàn ông đối với mình. Nàng muốn lấy chồng để tránh những con mắt thèm-thuồng soi-mói mình.

Những năm đầu nàng say-sưa câu chuyện với chồng. Nàng bắt đầu cuộc sống ý-nghĩa hơn.

Trong khuê - phòng nàng thụ - động trao thân không ham-thích cũng không cưỡng lại. Hai lần sanh 2 đứa con nàng cũng chẳng hiểu gì hơn về mình. Đã có đầy tớ hầu hạ, nàng không có dịp hy-sinh, tận-tụy. Những khát-vọng không đạt được nàng cũng không đổi ra sự hy-sinh cho con, vì vậy nàng không cảm thấy đứa con là khúc ruột mình. Nàng lấy làm lạ nhưng không chú-trọng đến. Bây giờ một đứa lên 9, một đứa lên 5, nàng đã 28 tuổi.

CÔ-LIỄU

(Còn tiếp)

Các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch sáng tác như thế nào ?

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhứt định nào hay là lũy hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác giả từ khi tác phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

(II)

Vũ-Hoàng-Chương, *làm thơ, viết kịch thơ.*

Sài-Gòn. Hội Nghệ-sĩ ái hữu. Cạnh đó, một ngõ cụt. Có người gọi ngõ ấy là ngõ văn thơ. Vì đầu ngõ, Bình-Nguyên-Lộc ở ; gần cuối ngõ, Phạm-Phạm ; và trong cùng, Vũ-Hoàng-Chương.

Vãn xong, tới thơ. Mà Thơ là cái gì khó gặp như giữa trưa trời nắng thấy ánh đèn, như giữa đêm dày thấy một làn mây. Đến ba lần, tôi mới gặp được tác giả « Thơ say »

Phòng khách ấm cúng, mĩ-thuật, người bị quấy rầy đối đáp văn hoa. Chén trà nóng, có mùi gì thoang thoảng dịu.

— Tôi làm thơ để làm chi ? Để được về quê cũ...

— ?...

— Anh đã có đọc bài mở đầu tập « Rừng-phong » của tôi ?

— Bài « Nguyệu-cầu ».

— Tôi làm thơ là để nguyện cầu. Tôi cho mình vốn ở một vùng thanh khiết xa

xôi, bị lạc nẻo xuống trần gian đầy bụi đầy ma này, cần cầu nguyện để sớm được trở về...

— Nơi mình « xuất phát » ?

Thi sĩ trả lời tôi bằng bốn câu thơ của « Nguyện-cầu ».

« Lang thang từ độ luân hồi,
« U minh nẻo trước xa xôi dặm về.
. . . . . .
« Tàm hương đốt nén linh sầu,
« Nhớ quê dằng dặc, ta cầu đó thôi...

Qua khói trà, qua giọng ngâm, tôi thấy người đàn anh gầy gầy và xanh xanh đối diện mình sao mà xa xôi..., xa xôi như không cùng ở trên một địa cầu.

Thì ra Vũ-Hoàng-Chương sáng-tác cho một... tiền kiếp nào, để được « phát hồi nguyên quán ». Chẳng biết anh « nguyện cầu » cho đến bao giờ mới được toại nguyện.

— Có thể nói bao nhiêu bài thơ tôi làm là bao nhiêu đường lối, làm sao mà trả lời câu hỏi thứ nhì của anh.

— Sao lại không ! Anh không muốn đó thôi. Anh coi, sắc đẹp của phụ-nữ nó trăm ngàn vẻ, thế mà người ta cũng xếp loại được là : nào cái đẹp phúc hậu, nào cái đẹp giết người, nào cái đẹp nghiêng thành nghiêng nước, v.v... Anh cố giùm...

— Anh nói thế, để tôi cố xem sao...

Rồi nhà thơ mơ màng nhìn bức tranh dài treo ở tường, bức tranh vẽ một cảnh Tết cạnh hồ Hoàn-Kiếm, thời Bích-Câu kỳ ngộ thì phải.

— À, nghĩ lại, tôi làm thơ là do... Một là do trong tôi : buồn, thương, ghét, giận..., hai là do ngoài tôi : như những biến cố lịch sử, như cuộc Cách-mạng 1945, như cuộc Đảo chánh vừa rồi ; ba là do thù tạc.

— Với anh thì nguồn thơ bắt đầu từ đâu ?

Lời đáp nhẹ nhàng như chiếc lá vàng rơi mà lại chắc nịch như quả đấm thôi sơn.

— Ái tình.

— Phải yêu mới ra thơ ?

Nhà thơ gật gù.

— Chỉ có yêu thôi ?

— Còn phải đi.

Rồi đôi mắt tác-giả « *Tâm sự kẻ sang Tần* » bỗng trở nên xa vắng. Tôi tưởng chúng đang xuyên qua lớp tường vôi gạch để mà đuổi theo một áng mây nào đang bay lang thang trên một biển cát « mênh mông là mênh mông là bát ngát... » (1) của một phương trời xa... Tôi bèn kéo người ngồi trước mặt về với mình.

— Thế thì, với anh, muốn sáng tác, phải có Ái tình và Phiêu lưu.

— Phải.

— Thế còn vai trò của nàng Tiên... nâu ?

Anh cười rất nhẹ.

— Nàng tiên này chỉ giúp tôi về mặt kỹ-thuật. Nàng chỉ giúp tôi trau tria, đẽo gọt lời, câu.

— Anh cho biết lúc nào anh sáng tác...

— Lúc hứng đến.

— Mình phải đi tìm « nó », hay đợi « nó » tìm mình ?

---

(1) Một phần câu hát trong vở thơ nhạc kịch « Tục lụy » của Khái-Hưng, Thế-Lữ và Lưu-Hữu-Phước.

— Ít khi « Nàng » đến với ta. Ta phải chịu khó đi tìm « Nàng ». Ta phải tạo ra cái hứng..

— Bằng Yêu cho lăn lóc đá, bằng Đi cho rả bàn chân !

Nhưng còn những bài thơ có tánh cách lịch sử hay tuyên truyền, cũng cần hai kích thích tố ấy sao ?

— Cũng cần như thường. Như « *Bài thơ bình Bắc* » nói về Quang Trung, tôi mang nặng trong thời kháng chiến ở hậu phương, mà mãi đến khi hồi cư về Hà-Nội, tôi yêu một người, thế là thơ được khai nguồn, bài thơ thành hình. Người thơ là A, bài thơ là C ; muốn đi từ A đến C, phải nhờ cái cầu B.

— Mà B là Yêu-đương, là Ân ái..

— Đúng thế.

— Những bài thơ anh làm xong là toàn bích ngay — toàn bích theo anh — hay...

— Ít bài thơ được như thế. Lâu lâu còn sửa còn đổi. Thường thì đăng báo trước ; đến khi in thành sách, thì gọt giũa lại.

— Có nhiều, có lâu không anh ?

— Không nhiều, không lâu mấy.

— Vậy, anh có kinh nghiệm gì ?

— Tôi cho rằng khi nào có hứng thì làm thơ ngay, dù làm nửa chừng có tắc tị cũng được, rồi sau đó sửa chữa, bớt thêm Chớ để cái hứng đó qua rồi, thì không mong gì sáng tác cho hay được.

Có bài thơ phải đợi 5, 7 năm sau mới được hoàn thành.

— Anh có thể cho biết bài thơ nào anh thích nhất.

Nghĩ ngợi giây lâu, anh mới đáp :

— Về tư tưởng, tôi thích « *Bài ca Siêu thoát* »; về tâm tình, tôi thích « *Thiên đường lại mở* ».

Tôi hơi thất vọng. Tưởng đâu anh thích đôi bài trong «*Thơ say*» hoặc « *Mây* » ra đời thời tiền chiến, nào ngờ hai bài anh thích đều ở trong « *Rừng phong* », xuất bản năm 1954.

Tôi sực nhớ đến một câu thơ trong « Mây » đã làm năm anh em chúng tôi — bốn bạn và tôi, cùng nghề dạy học, cùng thích văn chương — chẳng hẩu nghĩa. Anh bạn Quảng-Nam, dạy Việt văn trường trung học công lập lớn nhất ở Quảng Ngãi ấy, quay lại hỏi tôi :

— Còn dân Nam Kì - quốc này giải nghĩa í ngu của mình xem sao.

« Rồi anh bạn ấy ngâm :

« *Kiều-Thu* hề *Tố hỡi em*

« *Nghiêng chân rốn bể mà xem lửa hùng*».

« — Thì để « kháng chiến thành công», ta tìm tác giả mà hỏi.

« — Anh đừng trốn nợ. Nhà thơ phải hiểu nhà thơ hơn ai mới phải.

«— Anh đã ép thì tôi giải nghĩa bừa vậy.

« *Nghiêng chân rốn bể mà xem lửa hùng*»...

« Rốn bể, theo tôi, là chỗ sâu nhất của « biển lớn Thái-Bình. Sâu nhất, tức là gần « trung tâm địa cầu nhất, nghĩa là nóng nhất. « Tố của ai ơi, hãy đến tận nơi sâu nhất « của Thái-Bình-Dương mà xem tình ta nó « nóng chảy đến bực nào ! »

« Dường như bốn bạn tôi mỉm cười thì « phải. Câu chuyện xảy ra ở bờ sông Trà- « Bồng, tại chỗ nước giao nhau, cách đây « mười năm có lẻ.

Tác giả bài « *Mười hai tháng sáu* » cười cười.

— Cũng là một lối hiểu.

— Nhưng tác giả muốn nói gì ?

— Thơ cổ có câu : « *Hầu môn nhất nhập thâm như hải* » (Cửa quan một khi vào rồi thì sâu như biển). Nàng lấy chồng nhà quan. Nàng như ở đáy vực sâu, thì hãy nghiêng mình ra khỏi cửa quan quyền mà xem lửa lòng ta ngùn ngụt đốt cháy mái Tây, đốt cháy tất cả đây này...

Tôi tự cười cho mình. Và nếu anh bạn xứ Quảng kia còn sống đến ngày nay, đọc đến đoạn này, cũng cười người bạn Nam-Kì quốc nọ.

– Thế nàng « *Tố của Hoàng nay Tố của Ai* » còn sống chớ ?

— Còn.

— Ở bên ni ?

— Không, ở bên kia.

Một chặp.

— À, mười hai tháng sáu, là ngày nàng về nhà chồng. Mãi đến mười hai tháng sáu năm sau, tôi mới gặp hứng để àm bài thơ đó.

— Thế tại sao có sự

« *Em xa lạ quá đâu còn phải*

« *Tố của Hoàng xưa Tố của tôi* » ?

— Thời đó, mình lãng mạn. Không muốn cưới nàng liền. Muốn kéo dài thời hứa hôn vài năm nữa. Mà gia đình « quan » của nàng ngại điều đó lắm, nên nàng buộc lòng phải

« *Là thế là thôi là thế đó,*

« *Mười năm thôi thế mộng tan tành* ».

Anh không nói gì thêm. Tôi không hỏi gì nữa.

Ngoài kia, hoàng hôn đang lên, trùm cả kinh thành. Trong phòng này, đèn sáng quá. Có ai tắt giùm ai một ngọn đèn...

Nguiễn-Ngu-Í viết lại

Kì sau : *Nguyên-Sa, Hoàng-Anh-Tuấn Cô Minh-Đức, Xuân-Việt, Lưu-Nghi.*

ĐÍNH CHÁNH

Trong Bách-Khoa số 101, bài **Phỏng vấn** của N. uiễn-Ngu-Í có để các lỗi sau đây :

— trang 108, cột 1, dòng 16, 17 : « nào là kỉ niệm *của* kĩ thuật » xin sửa : « ... *cùng* .. »

— trang 109, cột 1. dòng 7, xin đọc : « *làm gì. Nói thật ra* »

— cùng trang, cột, dòng 17, : « *tôi* đã mất ngủ ».

— cùng trang, cột 2, dòng 13 : « mới *viết* được chi ».

— trang 109 cột 2, chú thích (1) : ... 1945... xin sửa 1943

— trang 110, cột 2, dòng 21 : « nào của *tôi* ; xin trả lời anh... »

— trang 110, cột 2 sau dòng 24, sót một câu : « Còn truyện ngắn tôi thích nhất là truyện : « Lầu 3 phòng 7 »

— mục **Sinh hoạt** trang 112, dòng 7: « ngày 2-2-1961 », xin sửa: 26-2-1961

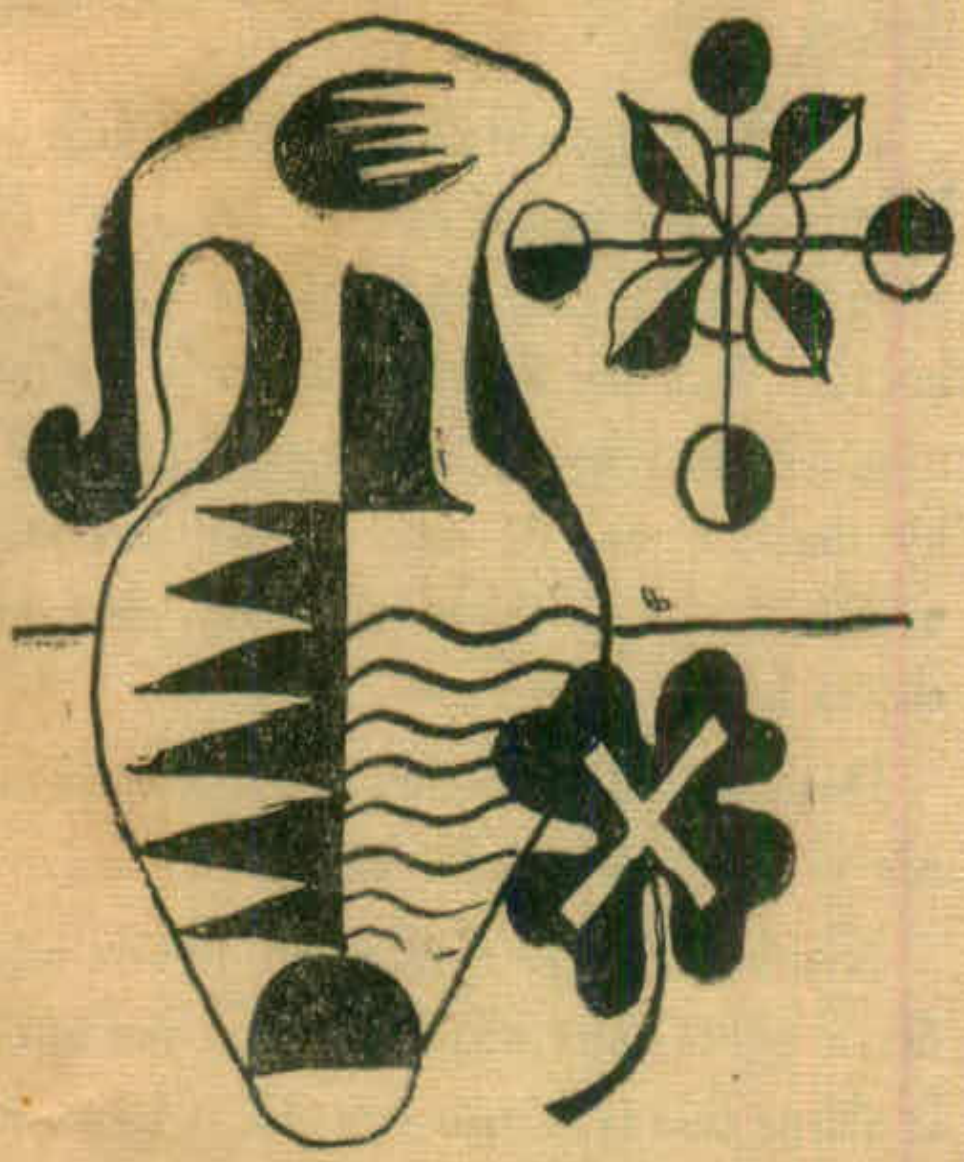

SINH-HOẠT

* *NGUIỄN-NGU-Í thuật*

NHO HỌC VÀ TÂY HỌC

Trên đây là nhan đề bài diễn thuyết của ông Nguyễn - Văn - Kiết, giảng sư hai trường Đại-học Văn-khoa và Sư - phạm nói ngày 2-3-1961, tại giảng đường trường Đại-học Văn-khoa.

Vào đề là diễn giả tỏ sự lo ngại của mình : vì vấn-đề quá rộng rãi có liên quan đến cả văn hóa Đông, Tây, vì dtễn giả không phải là người được huấn luyện trong cửa Khổng sân Trình, vì đang ở vào thời buổi khó khăn, không biết phải làm thế nào mà giải quyết một câu chuyện đưa ra cho hợp thời và đúng theo ý muốn.

Sở dĩ diễn giả cố gắng là vì ước mong « những cuộc diễn thuyết như buổi nói chuyện hôm nay sẽ có thể bổ túc và làm sáng tỏ thêm những bài giảng trong các lớp văn khoa, và đồng thời đem lại ít nhiều lợi ích cho những người học tập ». Diễn giả cũng xin « các bực cao minh có mặt »... « vui lòng cho biết thêm ý-kiến và chỉ cho... thấy những chỗ thiếu thốn hoặc sai lầm ».

Bài diễn thuyết được chia làm bốn phần rành mạch :

I. — Về Nho học

II. — Về Tây học.

III. — So sánh Nho học và Tây học.

IV. — Kết quả của hai nền học thuật đối với cá nhân và xã hội.

Về Nho học, diễn giả giới thiệu khái quát về đạo Nho : Nho giáo từ thời Thượng cổ, Khổng giáo và các nguyên tắc căn bản (như : quan niệm về Thái cực, bản thể của vũ trụ và thuyết vạn vật biến hóa vô cùng, vô tận, thuyết Trời với người có quan hệ lẫn nhau, quan niệm luân lý về cách làm người trong xã hội, chữ tâm, chữ nhân, đạo Trung dung, người quân tử và những đức hạnh của hạng người này), sự biến chuyển của Nho học trải qua trên 2.500 năm : từ nhà Châu, đời Chiến quốc, nhà Tần, nhà Hán, đời Tam-Quốc và Lục-triều cho đến nhà Đường, nhà Tống, nhà Minh, nhà Thanh.

Về Tây học, thính giả được biết qua triết học thời Thượng cổ với Anaximandre, Héraclite, Socrate, Platon, Aristote kinh viện triết học hay triết học thời Trung-cổ, thời Văn nghệ phục hưng và sau cùng thời Cận đại với Bacon, Descartes, với cuộc tiến triển về khoa học và ảnh hưởng của những phát minh mới mẻ.

So sánh Nho học và Tây học, diễn giả cho ta biết :

1.— Nho học đã tìm hiểu vũ trụ nhưng để tin theo thiên mạng, thiên lý. Các triết gia cổ Hi-Lạp thì rút ra những định luật bất biết của vũ-trụ có thể giúp con người hoạt động giữa thiên nhiên.

2.— Nho học tán dương lý trí, nhưng chỉ để áp dụng về mặt luân lý thực hành. Các học giả Tây phương cũng đề cao lý trí, nhưng dùng để suy luận và tìm ra phương pháp có thể giúp con người đi đến chân lý và làm chủ thiên nhiên.

3. Nho học nô lệ cổ nhân ; Tây học thì dựa theo chân lí mà phản đối lại thượng quyền.

4.— Nho học chỉ nhắm vào một đích là huấn luyện con người cho đủ đức hạnh để ngày sau ra đời giúp nước trị dân. Còn Tây học theo đuổi mục đích làm phát triển các khả năng về khoa học, văn chương, mỹ thuật kỹ thuật, v. v .. để ngày sau ra đời mỗi người sẽ tùy sở thích mình mà phục vụ cho xã hội.

Đoạn cuối, diễn giả đưa ra *kết quả của hai nền học thuật đối với cá nhân và xã hội.*

Nho học đào tạo những con người hiếu đễ, lễ nghĩa, nhã nhặn, ôn hòa, nhưng đó là những đức tánh tiêu cực, thích hợp cho một xã hội yên lặng, mà nền tảng là nông nghiệp.

Và nhấn mạnh những kết quả không thay của Nho học đối với cá nhân và xã hội Hán và Việt.

Quan niệm thiên mạng, thiên lý un đúc tánh yếu mềm ; óc quá sùng bái cổ nhân kìm hãm tiến bộ ; học theo khoa cử giết chết óc phê bình, phán đoán ; mãn nguyện ở chỗ thi đậu làm quan ; văn hóa Hán cũng như Việt bị đình trệ trên hai ngàn năm.

Và diễn giả kết luận :

. . . . . .

« Đứng trước hai nền học thuật Đông, Tây, chúng ta đã thấy bên nào đem lại nhiều lợi ích cho con người. Nho-học đã tạo ra những đức tính lễ độ, dịu hiền, có thể gây hứng thú cho một cuộc sống an nhàn êm ái. Nhưng thế giới ngày nay đã mất hẳn thăng bằng, và dù muốn dù không, chúng ta cũng bị lôi cuốn trong một cuộc

đua tranh quyết liệt. Muốn theo kịp các dân tộc đang mạnh bạo tiến lên, chúng ta cố nhiên phải hướng theo Tây-học.

« Theo Tây-học, tức là theo lý trí, theo phương pháp ; tức là rời bỏ chỗ mù mịt, tối tăm, để thấy được cái quang minh của chân lý Theo Tây-học tức là dùng khoa học cho đời sống con người ; tức là chế phục thiên nhiên, rời bỏ những điều kiện sinh hoạt. khó khăn để tiến dần đến chỗ tự do, khoang đảng. Phải chăng đó là điều mơ ước của Platon, khi ông muốn cởi trói các tù nhân trong hang đá để đem họ ra thấy được mặt trời ? Phải chăng đó là cái tưởng tượng của Victor Hugo, khi ông nằm bãi biển ngắm sao Mai và thấy đó là ánh sáng chỉ đường hạnh phúc cho dân chúng » (...)

*
* *

Lòng tha thiết của diễn giả đối với vấn đề nêu ra cũng như đối với tuổi trẻ và tiền đồ đất nước đã được cử tọa nhiệt liệt hoan nghinh. Người đi xem chỉ tiếc rằng ví như ban Tổ-chức thay cái máy vi âm to tướng đã che gần hết mặt diễn giả, cho thêm cái giá để người nói để bài diễn-văn. thì chắc chẳng ai phàn nàn được điều chi nữa.

NGUIỄN NGU-Í *thuật*

☆

* *THU-THỦY* *

ĐÀN EM QUẬT BỒ

Liên-Hiệp-Quốc còn đang điên đầu vì vấn đề Congo thì các nước Á-Phi lại đưa ra một chuyện rắc rối khác : Angola. Lần đầu tiên Bồ-Đào-Nha bị lôi ra Liên-Hiệp-Quốc vì vấn đề thuộc địa. Bồ la lối, phản đối. Nhưng người ta liền trưng ra những bằng chứng quá xấu xa : Bồ đã cho lệnh hạ sát từng vùng, Bồ đã đục thủng mồi những người ái quốc Angola ; còn ai tin được lời Bồ thề thốt nữa. Cả Nga cả Mỹ đều đứng về phe các nước Á-Phi mà kết án Bồ. Nay mai công chuyện của Bồ sẽ đưa ra Đại Hội đồng Liên-Hiệp-Quốc.

Trường hợp thuộc địa Bồ-Đào-Nha ở Phi-Châu là một trường hợp rất đặc biệt. Cho tới nay các nước thực dân có thuộc địa ở Phi đã phải nhả ra rất nhiều, nếu không thì đều gặp sự chống đối ầm ĩ. Nhưng trong khi Anh, Pháp, Bỉ chịu rút lui dần dần mà còn bị la ó như thế thì Bồ-Đào-Nha vẫn yên lặng, bình chân như vại Dư luận thế giới cơ hồ bỏ quên Bồ. Mà nào phải thuộc địa của Bồ ít ỏi gì : 800.000 cây số vuông ở Phi-Châu ! Gần bằng cả miền Tây-Âu.

Quan trọng nhất trong các thuộc địa là ba xứ Mozambique, Angola và Guinée thuộc Bồ. Từ ngày lên cầm quyền, thủ tướng Salazar đã cố gắng mở mang khai thác những miền ấy và tăng cường rất nhiều cho bộ máy cai trị ở đó. Nhất là trong vòng 10 năm gần đây, một phong trào

di dân từ Bồ-Đào-Nha sang các thuộc địa được chính phủ Salazar khuyến khích. Hiện thời ở 2 xứ Angola và Mozambique đã có chừng 200 ngàn người da trắng: Con số đó đang mỗi ngày mỗi tăng lên nhanh chóng, phần lớn gồm những người nông dân lao động. Cũng trong khoảng thời gian này, nền kinh tế của Mozambique và Angola tiến một bước rất xa: những xứ này xuất-cảng được rất nhiều sản phẩm (trà, cá, cà - phê, bông vải v.v..), phát triển mạnh những ngành kĩ nghệ làm xà phòng, làm xi-măng, la-ve v.v... Nhiều chương-trình khuếch-trương kinh-tế lớn lao được thực-hiện để mở thêm các trục giao-thông, mở mang thành-phố, hải-cảng, xây-dựng những công-trình dẫn - thủy nhập-điền, điện khi hóa .. Đã biết những điều thực-hiện ở các thuộc địa ấy từ 1950 đến 1960, nếu người ta nghĩ đến tình trạng của mẫu quốc Bồ-Đào-Nha và những phương-tiện eo hẹp của Bồ, người ta sẽ hiểu vì sao mà gần đây Bồ có vẻ tự đắc và yên tâm về số phận các thuộc - địa của mình: Bồ-Đào-Nha là nước còn nhiều người thất học nhất ở Âu-Châu và lợi tức quốc - gia tính chia theo đầu người còn thấp kém nhất trong các xứ Âu-Châu. Như vậy thì sự cố gắng của Bồ ở thuộc-địa Phi-Châu thực là phi thường, Bồ tin rằng dân bản xứ phải biết ơn mình.

Thế nhưng kết-quả lại trái ngược. Bởi vì thật ra bao nhiêu cái lợi của sự phát triển kinh-tế đều do người Bồ hưởng hết, còn dân bản xứ vẫn nghèo, vẫn cực, vẫn dốt. Nông dân và thợ thuyền Bồ qua Phi-Châu thành một cạnh tranh nguy hiểm cho nhân công Phi. Cái xã-hội da trắng và da đen ở đây càng ngày càng sinh ra đố kị nhau. Và nhà cầm-quyền bênh vực ra mặt người da trắng, đàn áp người bản xứ mỗi khi có sự xung đột. Người gốc Phi-Châu đến nay được hưởng sự giáo - dục chỉ có chừng 3%, mà sự học hành cũng rất là sơ sài: thường thường được học độ 3 năm. Ngoài ra các hoạt động y-tế, xã-hội, v.v... đều nhắm vào thành phần dân da trắng mà thôi. Người dân thuộc-địa lại còn chịu một cái nạn nữa, là cưỡng bách lao - động. Để thực hiện những bước tiến nhảy vọt về kinh tế, nhà cầm quyền Bồ-Đào-Nha cần nhiều nhân công, và là thứ nhân công rẻ tiền: họ bắt buộc mỗi người dân thuộc-địa một năm phải tham gia vào công-tác lao-động như thế 6 tháng. Dân phản đối, thì họ viện lẽ rằng người Phi-Châu muốn sớm văn-minh phải tích cực lao-động, lao động nâng cao giá trị con người! Nhưng giá trị con người ở đây còn lâu lắm e mới được nâng cao, mà mức sinh-hoạt của người lao-động da đen vẫn quá thấp.

Trong lúc ấy, Bồ-Đào-Nha, say sưa vì những thắng lợi kinh tế đạt được trong 10 năm qua ở Phi-Châu, vẫn giữ một tự tín có vẻ hài hước trước cao trào giành độc lập của các nước thuộc địa. Họ coi như những gì xảy ra ở các thuộc địa Anh, Pháp, Bỉ không dính líu gì đến miền họ chiếm cứ, những miền ấy sẽ tình nguyện theo họ mãi, mến yêu khắng khít với họ mãi. Họ không gọi Mozambique, Angola và Guinée là thuộc - địa, họ gọi đó là những «tỉnh hải ngoại» Họ chủ-trương đồng hóa toàn - thể các dân-tộc bản-xứ vào một khối cộng-đồng trên cơ sở những giá trị tinh thần Bồ - Đào - Nha Các giá trị ấy là: đức tin tôn giáo, cần lao và và gia đình. Nhưng liệu Bồ-Đào-Nha có

còn thì giờ và có đủ phương tiện để kịp thực hiện cuộc đồng hóa cả miền Phi-Châu đó chăng ? Vả lại ba yếu tố của giá trị tinh thần ấy có chăng sức hấp dẫn đến nỗi làm cho người Phi quên đòi nền độc lập của xứ sở họ ?

Chắc chắn là không. Ít nhiều hiện tượng gần đây đã báo hiệu một giai đoạn mới, giai đoạn mà nền thống trị của Bồ ở Phi bắt đầu lung lay. Những phần tử yêu nước của Angola và Mozambique thành lập ở ngoại quốc những tổ chức đấu tranh cho sự giải phóng xứ sở, đó là hội Liên Hiệp các dân tộc (Uniâo das Populacâoes de Angola) hoạt động ở Léopoldville, là Mặt trận Cách mạng Độc lập quốc gia cho các thuộc địa Bồ-Đào-Nha (Frente Revolucionaria para a Independênia Nacional das Colonias Portugaises) hoạt động ở Conakry. Những tổ chức cách mạng ấy có sự giúp đỡ của các quốc gia Phi-Châu tự do, họ có đại biểu ở Liên-Hiệp-Quốc, họ đã có những cơ quan ngôn luận xuất bản sách vở báo chí, và họ đã khởi sự những cuộc đấu tranh vũ trang. Trước đây ít lâu một tổ chức lật đổ thống trị Bồ-Đào-Nha đã bị đưa ra xử ở Louanda, vừa rồi Liên-Hiệp-Quốc suýt chấp thuận một đề nghị điều tra tình hình Angola.

Chính phủ Salazar đến nay vẫn ngoan cố nhứt định giữ lấy Phi-Châu, vẫn thẳng tay trừng trị những kẻ « phản bội », gửi thêm binh lính sang Phi-Châu, tổ chức những đội nhảy dù, những đội tự vệ địa phương để chống dân bản xứ...

Những người chuyên về các vấn đề Phi-Châu như giáo sư Duffy (ở Hoa Kỳ) cho rằng bắt đầu từ nay cho đến 10 năm sắp tới đây sẽ là giai đoạn mà các nước bị đô hộ ở Phi-Châu nổi dậy quật Bồ.

THU-THỦY

(theo tài liệu của Preuves)

Ô-CHÂU CẬN-LỤC

Tác-giả : Vô Danh

Dịch-giả : Cụ Cử Bùi-Lương

Một tài liệu rất quý về địa-lý, lịch-sử, phong-tục v.v.., của hai miền Thuận-Châu và Hóa-Châu.

Một tác-phẩm rất bổ ích cho học sinh, sinh viên, nhà văn, nhà báo, giáo sư, chính-trị-gia, cho mọi người Việt-Nam tha thiết với hương hoa đất nước và với sự thống nhất Tổ-quốc.

Văn-Hóa Á-Châu (xuất-bản)

Sách in đẹp, giá : 30$

Chúng tôi đã nhận được :

Bệnh ung thư (Võ-như-Khương)—Khái niệm về sự tiến triển của nền Thiên văn học (Quang Nguyên)— Người (Xuân-Hiền)—Hương lòng ; Gió bụi (Hương dương Trần tấn Lộc).Trăng xuân ; Đừng quay lại (Gấu) — Bên kia chiều ; Mùa đông mắt em; Gì cho em ; (Đôi bờ Hoàng-việt-Thủy). Thư về nhà... (Phan-duy-Doanh). Ý thầm ; tuổi trẻ ; buồn con trai (Lữ-Quỳnh). Hạnh phúc thực tế (Nguyễn-xuân-Thu). Mây đã bay đi Giận dỗi (Nguyễn-thị Bằng-Giang). Bức thư (Cao-Việt-Tân). Tiếng địch trong sương; Giòng đời; Dấu chân đời (Vũ-tiêu-Giang). Mai (Trúc Anh) Con tàu năm mới ; Ngày hôm nay (Thiên Hương). Chiều thứ bảy (Quỳnh-Thảo); Khát vọng; Một lần yêu; Nhớ nhung; (Võ-huyền-Khanh) Niềm im lặng của trùng dương (Mường-Sơn). Hạnh phúc; Vui sống hiện tại ; Lặng nhìn đức Phật ; lửa tình (Nguyễn-văn-Phép) Sau loạn ; Dựng kỷ nguyên ; (Minh-Sơn). Mối tình đầu ; từ giã (Hoàng-Huê).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách - Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Trung úy Nguyễn-tử-Hải Nếu ông theo dõi Bách-Khoa tất ông cũng thấy rất nhiều lần trên mục Hộp thư này chúng tôi đã có dịp trình bầy là tạp chí Bách - Khoa lúc nào cũng hoan nghênh mọi loại bài bạn đọc gửi tới để số cây bút cộng tác được phong phú và nhiều màu sắc hơn lên. Nếu ông muốn thảo luận nhiều xin cho biết rõ địa chỉ, chúng tôi sẽ có thư trả lời riêng.

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

— La production du canard au Viet-Nam.

— Causeries sur le développement des Ressources naturelles au V.N.

— Đại-Bình (Bảo-Lộc) agronomy expérimental station.

— Trung-tâm thực - nghiệm nông-sản Bảo - Lộc do Nha khuyến - nông gửi tặng.

— « **Ô. Châu Cận - Lục** », tác-giả : vô-danh, dịch-giả : Cụ Bùi-Lương do nhà xuất - bản Văn-Hóa Á-Châu ấn hành và gửi tặng. Sách dày 118 trang giá 30$.

— **200 năm Dương-lịch và âm - lịch đối chiếu** của Nguyễn-như-Lân, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 240 trang, giá 42đ.

— **Việt-Nam P.E.N. Bulletin** N· 1 Janvier 1961 do Hội văn-bút quốc-tế trung-tâm Việt - Nam ấn hành và gửi tặng. Giá 28đ.

— **Vằn thơ cỏ kính** của Hoa-Sơn Phạm-đình-Bách do tác-giả gửi tặng.

— *Tân ngựa cũ*, 9 truyện ngắn của Linh-Bảo, do nhà xuất bản Đời Nay tặng — Sách dày 124 trang, giá 32 đồng.

— « *Saigon năm xưa* » của Vương-Hồng-Sển do cơ sở Báo Chí Tự Do xuất bản tác giả gửi tặng Sách dày 226 trang giá bán 50 đồng.

— Tro tàn điện ngọc kịch thơ 3 màn của Trần Việt Hoài do tác giả gửi tặng

*

Xin trân trọng cảm ơn tác-giả và ân cần giới-thiệu với độc-giả thân mến.

CẦN TRUYỆN NGOẠI-QUỐC

Các bạn nào có những truyện ngoại-quốc sau đây xin vui lòng cho chúng tôi mượn để sao lại :

Le collier (Guy de Maupassant) Johnny người Gấu (1) của John Steinbeck, Mưa lúc rạng đông (1) của Constantin Paoustovski, Victoire (William Faulkner)

Chúng tôi xin cám ơn trước

Xin các bạn gởi về :

NGUIỄN-HỮU-NGƯ
do Bách-Khoa
160, Phan-Đình-Phùng

(1) Chúng tôi không nhớ tên nguyên văn

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TUY NƠI NGƯƠI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — Tai-nạn
INCENDIE — Hỏa-Hoạn
TRANSPORTS — Hàng-Hải
RISQUES DIVERS — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO -VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE -TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

LA VE "33"

HẢO HẠNG

COTAB

Cigarettes

VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn:
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$